



Chương tám

**NHỮNG VỤ ÁN LỊCH SỬ
CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT**



1. Sự mất tích kỳ lạ của nữ phi công

Đảo Howland là một đảo san hô nhỏ của quần đảo Polynesian ở Thái Bình Dương, dài khoảng 4km, rộng gần 3km. Ở đây có khí hậu nhiệt đới biển, trên đảo rừng rậm um tùm, không gian tĩnh lặng, thoáng đãng. Thế nhưng, không biết vì nguyên nhân gì, bắt đầu từ năm 1925, đảo Howland liền biến thành một thế giới thần bí. Những câu chuyện ly kỳ, cổ quái ở bãi biển xảy ra nối tiếp không ngừng, làm cho mọi người cảm thấy vô cùng hoài nghi.

Để làm rõ nguyên nhân đó, tháng 12, năm 1936, chính phủ nước Mỹ đưa ra quyết định chuẩn bị một thuyền điều tra biển tiến đến khu vực biển đảo Howland tiến hành khảo sát khoa học. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị khởi hành đã xảy ra một việc làm mọi người kinh ngạc: Một thuyền chở hàng cỡ lớn của Brazil mất tích một cách lạ lùng trên quần đảo Howland. Để cản thận với việc này, cơ quan có liên quan ở nước Mỹ đã quyết định lui thời gian khởi hành của thuyền tuần tra lại. Lần lui lại kéo dài đến tận năm 1937.

Tháng 6, năm 1973, nữ phi công Amelia Earhart được mệnh danh là nữ hoàng không trung của hãng hàng không nổi tiếng thế giới Hồng cực tuyên bố: Cô



quyết định sẽ ngồi trên chiếc máy bay hiệu Airy Specter để vượt qua Thái Bình Dương. Đường bay bắt đầu từ quần đảo New Guinea qua Howland đến Hawaii. Tại thời điểm đó, ngay cả phi công nam cũng không dám thử làm việc này. Hơn nữa, khu vực biển đảo Howland là một bãi biển thuộc khu ma quỷ. Bởi vậy, kế hoạch bay vượt qua Thái Bình Dương này đã nhận được sự quan tâm của rất nhiều ngành trong xã hội. Cơ quan có liên quan của nước Mỹ sau khi biết được thông tin này quyết định giao nhiệm vụ khảo sát trên không của vùng đảo Howland cho cô thực hiện. Cô Earhart vui vẻ tiếp nhận.



Nữ phi công Amelia Earhart.



Kế hoạch bay của Amelia Earhart tiến hành rất thuận lợi trong giai đoạn bắt đầu. Cho đến cuối tuần tháng 6, cô ấy đã hoàn thành phần lớn các hạng mục thử nghiệm chuyến bay. Sau khi tiến vào Thái Bình Dương, Earhart quyết định nghỉ ở đảo Lae của quần đảo New Guinea vài ngày để có sức vượt qua Thái Bình Dương.

Trải qua nhiều ngày nghỉ ngơi, Amelia Earhart đã hồi phục sức khỏe. Cô ấy quyết định ngày 3, tháng 7 sẽ khởi hành từ đảo Lae tiến hành bay một đoạn đường 4.200km không có lục địa đến đảo Howland. Cô có ý định làm mới kỷ lục đường bay của mình là 3.700km vào năm 1935. Thế nhưng, lần này lại xuất hiện điều bất ngờ: Đúng lúc chuẩn bị ngồi lên máy bay, thời tiết chuyển biến xấu, trong khi cô không thể không lùi lại thời gian bay.


Ngày 4, tháng 7, bầu trời quang đãng, các phi hành gia đều trông mong thời tiết sẽ thật tốt. Đúng 9 giờ, Earhart khởi hành từ sân bay đảo Lae. Sau khi lượn trên bầu trời một vòng, cô ấy bay theo hướng của đảo Howland. Khi bay được 1.000km, sân bay tiến hành đàm thoại với cô ấy, lúc đó tất cả mọi thứ vẫn bình thường. Khi máy bay của Earhart cách đảo Howland chỉ 1 tiếng đồng hồ, đột nhiên truyền về một của Earhart: “Máy bay của tôi bay trong một vật thể bóng bênh. Chỗ này không phải là bầu trời, cũng không phải nước biển. Nó là một loại vật hỗn hợp kỳ lạ, có lực từ rất mạnh...”

Máy bay của tôi gặp sương mù, giống như khí chưng cất lúc ẩn lúc hiện rồi bay lên trên. Tôi không nhìn thấy lục địa... Vị trí của tôi là đảo Howland về phía Tây khoảng 160 hải lý... Xăng của máy bay chỉ đủ bay được nửa tiếng...”. Sau đó, sóng bị nhiễu mạnh hơn, nhân viên báo cáo trên sân bay đảo Howland không thể nghe rõ. Đến 11 giờ 20 phút, liên lạc giữa Earhart và đảo Howland đã tín hiệu mất hoàn toàn.






Sự việc xảy ra bất ngờ làm cho mọi người trên sân bay Howland vô cùng lo lắng. Nhân viên trực ban trong trạm kiểm soát mặt đất đã liên lạc rất nhiều lần nhưng đều không nhận được hồi âm của Earhart. Chỉ huy của sân bay Howland ra lệnh cho một nhóm binh lính đốt vài bình xăng để cô có thể nhìn thấy mặt đất. Ngọn lửa chiếu sáng đỏ cả bầu trời Howland. Mọi người nhìn trên bầu trời đến cả một con chim cũng không có. Dựa theo thời gian để tính toán, lượng dầu trên máy bay của Earhart đã cạn, cô ấy sẽ bị rơi xuống đảo Howland. Mọi người đều hy vọng cô ấy có thể xuất hiện nhưng bầu trời đêm vẫn vô cùng tĩnh mịch. Một máy bay quân dụng của Howland bay đến khu vực Earhart phát tín hiệu, cuối cùng khi trở về sân bay cũng không thu được gì. Lúc này, mọi người đều nghĩ đến điều đáng sợ nhất, cô Earhart thực sự đã gặp phải chuyện gì đó.



Sân bay quân đội Mỹ của đảo Howland lập tức báo cảnh sát của quần đảo Hawaii, đồng thời phát tín hiệu cầu cứu đến các thuyền trên khu vực biển đảo Howland.



Vào lúc 23 giờ, ngày 4 tháng 7, thuyền tuần tra Anh mang hiệu Aiqilesi nhận được tiếng kêu yếu ớt. Nhân viên tập trung toàn lực để liên lạc với nó này, nhưng tín hiệu nhanh chóng mất đi. Tuy nhiên, tín hiệu bất ngờ này vẫn có thể là tia hy vọng Earhart mang đến.

Do vậy, chính phủ nước Mỹ quyết định bằng mọi giá phải toàn tâm toàn lực cứu nữ hoàng không trung của họ. Hạm đội Thái Bình Dương đầu tiên từ cảng Trân Châu điều đi 15 thuyền thăm dò. Sau đó, một

thuyền hạm đội lớn mang biển hiệu Lexington, thuyền chiến mang biển hiệu Colorado xuất phát. Họ lập thành một đội thuyền tìm kiếm khổng lồ. Đồng thời, chính phủ nước Mỹ còn truyền đến các quốc gia trong khu vực này lời thỉnh cầu giúp đỡ tìm kiếm cô Earhart. Những đội tìm kiếm này được cho là hùng mạnh nhất từ trước đến nay.

Khoảng 20 giờ, ngày 6, tháng 7, một chiếc thuyền của Pháp đi đến khu vực biển đảo Howland (cũng chính là khu vực biển nữ phi công mất tích), tham gia cứu hộ trên biển, đồng thời lập tức phát đi tín hiệu liên lạc cứu trợ. Vào lúc 23 giờ, thuyền này bỗng nhiên nhận được tín hiệu kêu cứu mạnh. Họ nghe rõ: “Tôi là...”. Cùng lúc này, sân bay Howland cũng nhận được tín hiệu này. Nhân viên lập tức phát tín hiệu: “Cô Earhart! Hãy lập tức báo cáo vị trí hiện nay của cô...”. Sau đó có lời đáp: “Tôi ở..., tôi ở trên một đảo, máy bay của tôi đang trôi trên biển”. Trong lúc mọi người nín thở để nghe xong lời hồi âm này, tiếng sóng vỗ rất mạnh lần nữa nhấn chìm tín hiệu Earhart truyền đến.

Cùng ngày, một số người đam mê điện vô tuyến nghiệp dư ở hai vùng Cincinnati, Los Angeles cũng nghe thấy tín hiệu cầu cứu của cô Earhart, trong đó có hai số 179 và 16. Chuyên gia phi hành phân tích, hai số này có thể là kinh độ, vĩ độ. Tối ngày 6, tháng 7, ở vị trí cuối cùng gián đoạn thông tin, người cứu trợ quyết định mục tiêu tìm kiếm tập trung ở 179 kinh độ Tây và 16 vĩ độ Bắc, 179 kinh độ Đông và gần 16 vĩ độ Bắc.





Hạm đội dưới sự hỗ trợ của vài chục máy bay, tìm kiếm liên tục cả ngày lẫn đêm. Mặc dù thời tiết tốt, thuận lợi cho việc tìm kiếm trên biển nhưng họ vẫn không phát hiện ra mục tiêu nào. Điều làm mọi người không lý giải được đó là tín hiệu cứu trợ lúc có lúc không.

Ngày 9, tháng 7, thuyền hiệu Liên Minh phát đi tín hiệu: “Nếu sức khỏe của cô tốt và đang ở trên lục địa, hãy kêu 4 tiếng dài!”. Thuyền nhắc đi nhắc lại tín hiệu này, cuối cùng cũng có hồi âm. 15 giờ 35 phút chiều, họ nhận được tín hiệu 3 tiếng dài, 1 tiếng ngắn.

Điều này có nghĩa là gì? Có phải sức khỏe của cô Earhart đang tốt nhưng không ở trên lục địa? Người cứu trợ cảm thấy khó hiểu với hồi âm này. Thuyền liên tục phát đi tín hiệu kêu gọi và vẫn nhận được tiếng đáp. Điện đài Hawaii, San Francisco đều nhận được điện tín như vậy. Căn cứ vào tình hình, người cứu trợ nghĩ ra một phương pháp xác định vị trí, đó là đảo Howland, núi Francisco, quần đảo Hawaii cùng dùng công cụ đo vô tuyến để xác định vị trí Earhart phát ra tín hiệu. Sau đó, thông qua phương pháp lập bản đồ hình học vẽ lên ba đường thẳng trên bản đồ mặt đất. Giao nhau điểm của ba đường thẳng này chính là vị trí cô ấy đang ở.

Đúng như dự đoán, tín hiệu cầu cứu của cô Earhart lại một lần nữa xuất hiện vào ngày 10, tháng 7. Công cụ đo phương hướng điện vô tuyến của 3 địa phương đồng thời nắm được mục tiêu. Kết quả phát hiện, điểm đó nằm trên mặt biển cách đảo Howland 500m về phía Bắc. Trên thực tế, khu vực này đã được tìm kiếm nhiều lần, lúc đó họ không hề phát hiện được ra bất kỳ vật



nào trôi nổi trên biển, cũng không nghe được tất cả các tín hiệu cầu cứu phát đi. Điều này làm nhân viên cứu trợ không thể hiểu nổi, cả hạm đội tìm kiếm rơi vào trạng thái hoang mang.

Buổi chiều ngày 10, tháng 7, máy bay hàng không viễn chinh hiệu Lexington đã đến khu vực biển nơi Earhart xảy ra tai nạn. Tướng quân hải quân Mỹ là Mexican Fen một mình ngồi trong phòng chỉ huy. Ông hạ lệnh cho tiến hành hoạt động tìm kiếm với quy mô lớn. Khoảng 10 máy bay không ngừng tìm kiếm trên biển 2 ngày, 2 đêm, nữ hoàng không trung này vẫn bật vô âm tín.

Vậy, cô Earhart đang ở đâu? Những tín hiệu cứu trợ có nghĩa gì? Điều này làm cho tướng quân hải quân Mexican Fen băn khoăn. Buổi sáng ngày 12, tháng 7, phó quan Thomas đi vào phòng làm việc của tướng quân Mexican Fen. Ông ta báo cáo một thông tin gây sốc, người Pháp phát hiện cô Earhart đang đốt pháo hoa.

Sự việc này trải qua như sau: 7 giờ 35 phút buổi sáng, người quan sát của thuyền tìm kiếm đang chờ đợi tin tức. Bỗng nhiên, họ nhìn thấy trên mặt biển cách 10km có một đám pháo hoa màu da cam bay lên. Người đó lập tức báo cáo thông tin này cho thuyền trưởng. Sau khi thuyền trưởng nghe xong, thông tin lập tức quan sát phương hướng đó. Kết quả là, có một đám pháo hoa nổi trên mặt biển. Ông lập tức mệnh lệnh cho thuyền tìm kiếm đi cứu trợ.

Thuyền tìm kiếm với tốc độ nhanh nhất hướng đến mục tiêu, không ngừng phát ra tín hiệu. Tướng quân Mexican Fen lo lắng, bất an chờ đợi tin tức. Cuối cùng





thuyền đưa về một thông tin khiến mọi người thất vọng: Pháo hoa màu da cam không những không đáp lại lời kêu gọi của họ, còn luôn cách thuyền khoảng 10km, trốn tránh sự truy tìm của những người cứu trợ. Sau khi chờ khoảng 2 tiếng, đám pháo hoa này bay lên trời, cao hơn 30m, giống như chiếc thuyền, bay lượn trên bầu trời vài vòng. Sau đó xuất hiện một tiếng nổ lớn, một tia chớp điện trên bầu trời biến rồi biến mất trước mắt mọi người.



Từ đó về sau, nhân viên cứu trợ không nhận được bất kỳ tín hiệu cứu trợ nào phát ra nữa.

Sự mất tích bí ẩn của Earhart làm cho đảo Howland ngày càng nhuốm thêm màu sắc thần bí.



2. Những vụ mất tích kỳ lạ



Một ngày tháng 7 năm 1870, trong thôn Byei Kawo của tỉnh Tverskoi thuộc nước Nga, mọi người truyền tai nhau một câu chuyện như sau: Có một kiến trúc sư phát hiện ra một kho báu. Nhiều người cho rằng, thông tin này không có cơ sở, rất khó có thể tin được. Tuy nhiên, từ lâu mọi người đã biết, cách thôn này khoảng 4,5km có một nhà thờ. Linh mục của nhà thờ nắm trong tay, trên bản đồ bí mật đó đánh dấu vị trí xác nơi chôn cất kho báu. Chưa ai được tận mắt nhìn qua tấm bản đồ đó, ngay cả những thông tin truyền tai này cũng do người già kể lại. Do vậy, ai nói thật, ai nói giả đều rất khó để xác định. Có một sự việc xảy ra làm cho người dân trong thôn chú ý: Người kiến trúc sư bắt đầu qua lại với nhà thờ thường tụ tập trung một nhóm người lại, không biết có bí mật thần bí gì bên trong.





Một hôm, người kiến trúc sư thuê những người đàn ông trong thôn đến một nơi làm việc. Có ít nhất 10 người nông dân đi theo. Anh ta dặn họ mang theo những công cụ cần thiết, không ai biết họ đã đi đâu.

Họ đi xa khoảng 2km, ở đó có một vách núi nhiều bụi rậm, người kiến trúc sư dừng chân lại và nói: “Các anh hãy đào ở đây một hố sâu khoảng 2m. Sau khi đào đến độ sâu cần thiết, tôi sẽ nói tiếp cho các anh phải làm gì, hiểu không?”.

Nói xong, người kiến trúc sư cởi áo ra, ngồi trên một tảng đá hút thuốc. Tinh thần anh ta không thoải mái nhìn những người nông dân kia làm việc. Chất đất ở đây cứng, đá nhỏ nhiều, mồ hôi rất nhanh ướt đẫm hết áo họ. Đến gần trưa, những người nông dân đào hố đã rã rời hết người, nhưng người đàn ông đó vẫn tiếp tục ra lệnh cho họ đào sâu xuống. Cho đến khi đào đến một tảng đá lớn anh ta bảo họ dừng lại, tuyệt đối không được làm hư hại đến nó. Một lúc sau, người kiến trúc sư nhảy xuống hố, làm sạch những đất bám xung quanh hòn đá. Bề mặt của hòn đá đang phát ra những ánh sáng nhấp nháy làm chói mắt. Người kiến trúc sư yêu cầu họ đào cả hòn đá lên, không được làm vỡ nó.

Khoảng hơn 1 tiếng đồng hồ sau, người đó mới cho những người nông dân trở về thôn ăn cơm, chỉ có anh ta và 3 người ở lại. Anh ta ngồi trầm tư rất lâu nhìn những hòn đá lớn tròn giông như mạ một lớp bạc. Anh đoán đó là một vật do con người tạo ra. Anh ta nghĩ: “Tại sao mình lại không nghĩ đến việc có thể đào được vật kỳ quái này?”. Cuối cùng, người kiến trúc sư từ từ





ngiên cứu 4 phía nhận bóng của hòn đá. Anh ta phát hiện trên mặt của hòn đá này có một đường viền cửa nhỏ nhìn rất gần nấp. Những người nông dân cũng đang chăm chú nhìn. Anh ta cạo cửa nhỏ này, cố hết sức tìm cửa hoặc khóa ở trên để có thể mở ra nó. Trong khi mọi người quan sát, hòn đá bỗng phát ra âm thanh giống tiếng nhạc. 3 người nông dân bị dọa đến sợ hãi, những âm thanh này làm cho người kiến trúc sư xoay người. Anh ta xoay người lại, phát hiện ra 3 bóng người xuất hiện ở vách núi lớn bên cạnh. Họ mặc áo sơ mi màu trắng, hai bên là người thanh niên, ở giữa là một ông già râu trắng.



“Hãy lấp toàn bộ chúng, giống như chưa có ai đi qua, sau đó lập tức dời khỏi nơi này...”, ông già dùng giọng điệu nghiêm khắc trầm bổng để ra lệnh.



Nói đến đây, lại không nhìn thấy 3 người lạ nữa. Những người nông dân kéo người kiến trúc sư từ dưới hố lên, toàn thân anh ta run rẩy, từng hạt mồ hôi lớn rơi ướt đầm trên khuôn mặt trắng bệch. Những người nông dân này bắt đầu cầu khẩn. Khi dời khỏi nơi đó, họ vẫn cúi người thành kính hướng đến hòn đá đó.



Đây không phải chuyện hiếm, điều làm mọi người càng không thể lý giải đó là: Tháng 7, năm 1990, sau 30 năm, khi một vài cô gái trên đường từ trường trở về nhà ở thôn Byei Kawo, đi qua con đường cát giấu kho báu này. Họ phát hiện 3 cô gái đi phía trước biến mất từng người từng người một. Cô gái còn lại sợ mất cả hồn vía, liền chạy về trong thôn báo tin. Người trong thôn vất vả tìm hơn 2 tháng cũng không ra tung tích của 3 cô gái kia.

Trong lịch sử xảy ra những chuyện kỳ bí làm cho các nhà khoa học liên tưởng đến: Ba người nông dân cùng người kiến trúc sư đào kho báu, ông già râu trắng ra lệnh họ dừng tay, 3 cô gái mất tích sau 30 năm bất ngờ xuất hiện ở cùng một nơi. Liệu giữa họ có tồn tại mối liên hệ nào đó không?


Cuối tháng 8, năm 1993 xảy ra một câu chuyện ly kỳ, cổ quái. Một người tên là Glazunov kể câu chuyện ông ta đã trải qua: “Trong một khu vực hoang vắng ở Donbas của Nga, vào một ngày, tôi men theo một con đường đất ở giữa thôn. Bỗng nhiên, một chiếc xe mang hiệu Riguli nhỏ đi như bay qua người tôi. Cách tôi khoảng 300m về phía trước có một chiếc máy kéo. Tôi bất ngờ phát hiện chiếc xe hơi nhỏ đi qua bên cạnh đang chuyển gấp về bên phải một lúc rồi biến mất.

Điều này làm tôi kinh ngạc. Khi chiếc xe đó chạy ra, tôi đã kéo nó dừng lại. Tôi hỏi người lái xe kéo: “Anh có thấy một chiếc xe hơi nhỏ hiệu Riguli vừa chạy qua không?”. Người lái xe trả lời: “Làm gì có chiếc xe hơi nhỏ nào? Nó ở đâu?”.


Người lái xe đảo mắt nhìn xung quanh, nét mặt thể hiện chút lo lắng, kinh ngạc. Ông ta kéo tôi lại và nói: “Anh mau đi khỏi nơi này nếu không muốn gặp phiền phức...”.

Thế nhưng, có một lực lượng thần bí nào đó không thể giải thích được làm tôi tò mò nhất định phải đến đó xem. Người lái xe bỏ đi, chỉ còn lại một mình tôi đứng trơ lại ở đó. Lúc này, tôi phát hiện, trên bầu trời nơi chiếc xe kéo biến mất xuất hiện một hiện tượng kỳ lạ: Bầu trời có một cửa sổ không gian. Bên trong phản







chiếu ánh sáng màu da cam, có nhiều vật hình vuông, bên trên mặt hình cầu, hình kim tự tháp. Một số có dạng hình xoắn ốc đang chuyển động, có 2 chân, 2 tay, đầu to, dài, sần sù giống như cây tùng. Những vật kỳ lạ này vừa dài vừa gầy, ít dừng lại, luôn vận động, vung vẩy 2 tay ở hai bên người. Chúng phát ra một loại âm thanh giống như tạp âm thường thấy trong thế giới của chúng tôi.



Khi nhìn thấy cảnh này, tôi vô cùng sợ hãi không thể làm chủ được bản thân. Hơn nữa, sức mạnh của nó càng ngày càng lớn. Lúc này, tôi đột nhiên phát hiện, từ cửa sổ đó bay ra một sinh vật. Vật đó từ đầu đến chân đều có hình dạng sần sùi, đầu dài như con cóc nhưng to hơn gấp nhiều lần. Trên nửa thân trên của vật kỳ quái này do một dạng chất bán trong suốt cấu thành, không biết là huyết quản hay đường dẫn. Vật kỳ quái này giống như dòng nước đang di chuyển trôi nổi trên bầu trời. Nó có hình dạng chuyển động liên tục. Căn cứ vào phán đoán kích thước bên ngoài, nó to bằng con trâu hoặc con ngựa.



Tôi bị vật lạ bỗng nhiên xuất hiện này dọa đến hồn bay phách lạc, hai chân đứng không vững. Đúng lúc đó, vật đó trôi đến phía tôi, tôi có thể nhìn kỹ mặt, miệng của nó, ánh mắt trên, khuôn mặt biểu cảm sự hung dữ. Vật lạ này nháy qua người tôi. Khi đang dõi theo vật lạ đó, bên cạnh tôi bỗng xuất hiện một con dê núi không biết từ đâu tới, nó cất tiếng kêu thất thanh. Tuy vậy, tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ, không dám động đậy. Vật lạ đột nhiên há to miệng hướng về phía con dê núi, dùng một luồng khí màu vàng nhạt phủ lên người nó. Khi





nhìn thấy cảnh tượng này, tôi chỉ dám đứng yên, một nỗi sợ hãi đang dâng trào. Tôi tận mắt nhìn thấy quái vật phun chất dịch đó, biến con dê thành một loại chất lỏng giống như khối nhựa. Con quái vật hung dữ đó há to miệng phát ra âm thanh đáng sợ, sau đó lại nuốt vật kia vào bên trong. Cho dù đuôi, sừng, lông hay xương con dê đều bị nó nuốt trọn. Lúc này, tôi sợ hãi chạy bạt mạng nhưng không hiểu vì sao lại chạy về phía cửa sổ kia. Ở đó có 2 con quái vật đang bay đến đón tôi. Trên người mỗi con đều có hai chân dài, chuyển động linh hoạt. Trên chân lại có nhiều đốt cong, mềm mại giống như ống cao su. Trên phần đầu của mỗi con quái vật đều có 3 chiếc sừng nhọn sáng. Lúc đó, tôi nghĩ: “Đây rất có thể là người máy”. Một con gạt tôi sang một bên tấn công. Những quái vật này không chú ý đến tôi lắm, bắt đầu dùng chiếc sừng của nó tấn công vào quái vật có gai toàn thân. Khi chúng vừa tiếp xúc với nhau xung quanh bỗng xuất hiện pháo hoa, pháo lửa màu xanh, hơn nữa rất lâu mới tắt. Con quái vật phát ra những tiếng kêu đau đớn, nhẩy mạnh vào cửa sổ. Sau khi 2 con quái vật giống như người máy đó tiến vào trong cửa sổ đó lập tức đóng lại. Bầu trời trở về trạng thái bình thường trước đó.

Không lâu sau, tôi tỉnh táo hơn, phát hiện mình đang đứng ở chỗ cũ, nơi chiếc xe hơi hiệu Riguli bị mất tích. Tôi chợt tỉnh lại như vừa trải qua giấc mộng. Hóa ra, nơi này là địa đạo quái dị của thế giới: Xe hơi, cô gái biến mất, xuất hiện cửa sổ lạ, quái vật ăn dê núi... Tôi phát hiện nơi con dê núi bị con quái vật kia nuốt trọn có những vết ẩm ướt màu đậm, đường kính khoảng 1m,





khí hơi đang từ chỗ đất nhả bóng bay lên. Lúc này, tôi chạy một mạch trở về nhà...”

Báo *Diễn đàn nhân dân* của nước Nga đã đăng sự kiện này. Sau đó, tòa soạn báo nhận được rất nhiều thư của các độc giả gửi đến nơi xảy ra sự việc. Trong thư xác minh, nơi đó thực sự tồn tại. Cư dân địa phương xác nhận việc này không chỉ xảy ra một lần. Mọi người hỏi: Cửa sổ đó cuối cùng là vật gì? Cái cửa sổ 3 cô gái vào năm 1990 ở Byei Kawo cũng tương tự như vậy phải không?



3. Câu chuyện về người ngoài hành tinh

Mặc dù chúng ta không có cách nào để biết đĩa bay UFO đến trái đất với mục đích gì nhưng sự việc UFO tiếp xúc với người trái đất thực sự đã đem đến nhiều phiền phức. Những người tiếp xúc với UFO gọi quãng thời gian này là bị bắt cóc.

Vào 3 giờ chiều, ngày 5, tháng 1, năm 1975, một người thuộc thành phố Argentina tên là Carlos Albert (28 tuổi) bước ra từ nhà hàng. Anh ta là người phục vụ của nhà hàng, công việc bắt đầu từ lúc 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Hôm nay có một đoàn từ thiện tổ chức yến tiệc, cho nên bây giờ anh ta mới làm xong công việc. Anh có một người vợ, một người con. Mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng thu nhập của anh ta khá ổn định, gia đình rất hạnh phúc.

Carlos Albert mặc trang phục của người phục vụ đứng trước có túi, trong đó để tờ báo mới mua. Giống như mọi khi, anh ta ngồi xe buýt trở về nhà lúc đó khoảng 3 giờ 30 phút buổi chiều. Anh ta đi bộ thật nhanh.



Khi anh ta đi đến cách nhà khoảng 45m, bỗng nhiên xung quanh xuất hiện ánh sáng nhấp nháy. Đầu tiên Carlos cho rằng, đó là tia chớp nhưng nó mãi không tắt, hơn nữa còn vang lên tiếng sấm. Trong lòng Carlos cảm thấy có điều gì bất thường liền dừng lại, quan sát xung quanh. Một lúc sau, Carlos phát hiện có một ánh sáng hình dạng ống tròn, giống như một cái lồng chụp lấy mình, chiếu từ trên xuống theo phương thẳng đứng.



Nhiều người cho rằng, UFO đến để bắt cóc con người.

Carlos muốn chạy về nhà nhưng toàn thân dường như đang dính chặt vào chiếc thuyền, cứng đờ, không có cách nào động đậy được. Lúc này, anh ta nghe thấy một giọng ồm ồm từ trên thuyền, cơ thể bắt đầu bay lơ lửng.

Carlos sợ hãi, muốn hét lên nhưng không hiểu tại sao lại nói không ra tiếng. Anh ta chỉ nhớ, bị một lực hút kéo lên cách mặt đất 45m. Sau đó không biết còn chuyện gì xảy ra nữa.



Lúc tỉnh lại, Carlos thấy mình đang nằm trên một chiếc giường giống với bàn phẫu thuật trong bệnh viện.

Anh đang ở trong một căn phòng kỳ lạ, có hình bán cầu. Nó giống hình chiếc bát úp ngược, tường bao quanh hình bán trong suốt giống như nhựa. Phòng có đường kính 2,3m, cao khoảng 2,7m, không có đồ dùng gia đình, cũng không lắp đặt máy móc, thiết bị chiếu sáng. Thế nhưng, trong phòng lại sáng rực, tường phát ra tia sáng mờ mờ. Dưới đất có nhiều lỗ có thể không khí được đưa vào chỗ đó.

Anh hoảng hốt: “Đây là nơi nào?”.

Trong ký ức mờ lung của Carlos, bất chợt anh ta nhớ đến sự việc đáng sợ vừa xảy ra khi gần về đến nhà.



Năm 1952, UFO cũng xuất hiện trên bầu trời tòa nhà quốc hội Mỹ.

Ba sinh vật gần giống người không nói gì đi vào phòng. Vừa nhìn thấy họ, anh suýt bị ngất.

Sinh vật đó mặc dù có hình dạng giống người, nhưng không hề có tóc. Ngay đến mắt, mũi, miệng đều không có hình dáng của một khuôn mặt. Đầu và mặt



màu xanh, cao khoảng 180cm, trên mặt chỉ có một nửa là giống người. Trên người mặc bộ quần áo liền nhau màu trắng sữa. Người cao gầy, có hai tay nhưng không có ngón. Phía trước nhìn tròn giống như một thanh gỗ, khiến người khác sợ hãi, da nhẵn bóng, không có lông.

Carlos cho là ảo giác hoặc gặp ác mộng, liền mở mắt to để nhìn, nhưng rõ ràng ba quái vật đó đang ở trước mặt. Không những thế, một trong số đó còn bước đến phía anh, dang cánh tay ra để nắm lấy anh.

Carlos cho rằng, đối phương muốn giết mình, cho nên kêu lớn. Thế nhưng, con quái vật chỉ nhổ một sợi tóc của anh ta, nó lại đi lặp lại động tác này. Anh muốn phản kháng, nhưng không biết tại sao cơ thể lại cứng nhắc, chân tay hoàn toàn không thể cử động được.

P phía trước cánh tay của quái vật dường như có lực hút của la bàn, chỉ cần chạm nhẹ đã có thể nhẹ nhàng nhổ sợi tóc của Carlos. Hơn nữa, điều làm anh ta khó hiểu đó là anh không cảm thấy một chút đau đớn nào. Một lúc sau, họ chuyển sang nhổ lông nách của Carlos rồi đi vòng xung quanh giường giống như đang quan sát.

“Tôi có thể sẽ bị giết”, Carlos đoán vậy. Rất nhanh sau đó, ý thức cảm giác của anh ta trở nên mơ hồ, cuối cùng hôn mê hoàn toàn.

Đến khi Carlos hồi phục lại ý thức, anh ta đang nằm trên đồng cỏ, đêm đã qua, ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào mắt. Từ xa truyền đến âm thanh của xe cộ đi lại. Carlos quay đầu nhìn, đằng sau chỉ có đường cao tốc, cảnh vật xung quanh rất lạ lẫm.

“Dường như mình vừa trải qua một vụ bắt cóc”, Carlos trấn tĩnh bản thân, sau đó nhìn lại xung quanh.





Chương chín

KHO BÁU BÍ MẬT



1. Những kho báu lớn trên thế giới

Như chúng ta đã biết, trên thế giới hiện nay chỉ còn lại 8 nơi đang cất giữ kho báu. Đó là thành quả của những người đã khổ công tìm kiếm nhưng không thể mang về. Tất cả đang chờ những người có sở thích phát hiện ra.



Thứ nhất, kho báu đáng giá nhất là kho báu trên TÀU SAN JOSE

Nó nằm ở đáy biển sâu 22m thuộc vùng biển Caribe, cách bờ biển Colombia khoảng 26km. Ngày 28, tháng 5, năm 1748, một con thuyền mang tên San Jose bắt đầu khởi hành từ Barama. Con thuyền chở những người dân di cư mang theo rất nhiều vàng bạc châu báu, dưới sự dẫn dắt của thuyền trưởng Fernander. Tuy đã được thông báo gần đó có 1 con tàu hải quân Anh đang đi tuần tra, nhưng Fernander không hề để tâm đến mối đe dọa đang rình rập. Ông cho rằng, biển cả mênh mông hai con tàu không thể dễ dàng gặp nhau được. Ngày 3, tháng 6, chỉ huy tàu hải quân Anh đã chiếm giữ được San Jose. Buổi chiều ngày hôm đó, San Jose bị tấn công. Hơn 600 người cùng với toàn bộ châu báu trên thuyền bị nhấn chìm xuống đáy biển.





Năm 1983, bộ trưởng Bộ xây dựng Colombia thuyết phục thủ tướng Colombia chính thức đưa ra tuyên bố. Con thuyền trên thuộc sở hữu của Colombia.

Chính phủ Colombia đã tìm ra nơi thuyền bị đắm. Theo ước tính ban đầu, số lượng châu báu trên thuyền lên đến hơn 1 tỷ đô la Mỹ.



Con thuyền San Joe bị 1 tàu hải quân Anh chiếm giữ.



Thứ hai, kho báu tại bang CALIFORNIA

Năm 1849, một mỏ vàng được tìm thấy ở bang California đã thu hút rất nhiều người dân miền Đông nước Mỹ tới để khai thác. Sau 8 năm, họ đem toàn bộ số vàng khai thác được chuẩn bị trở về nhà. Những người này đi thuyền từ San Fransico đến Barama, sau đó tiếp tục chuyển xe ngựa sang eo biển Panama, cuối cùng xuống thuyền đi New York. Sau 2 ngày rời khỏi La Habana, cũng chính vào ngày 10, tháng 9, năm 1857, con thuyền Trung Mỹ đang chở những hành khách này đã bị tấn công bởi liên tiếp những trận gió bão, bắt đầu chìm xuống biển. Số lượng hành khách trên tàu là 750





người nhanh chóng phân thành các nhóm, đưa phụ nữ, trẻ em lên thuyền cứu sinh. Tuy nhiên, toàn bộ 423 người vẫn bị chìm sâu xuống đáy biển. Một chuyên gia tìm kiếm kho báu từng mất 15 năm để tìm được những con tàu bị đắm trong cuộc chiến tranh diễn ra tại Mỹ. Ông rất tin tưởng vào việc tìm ra nơi những con tàu Trung Mỹ cùng một số lượng kho báu bị đắm.



Thứ ba, kho báu dưới đáy hồ GUATAVITA

Con dân Ấn Độ của ông từng hiến toàn bộ số châu báu, ngọc phỉ thúy cho quốc vương mới của họ. Vị vua này đã ném toàn bộ số kho báu này xuống biển để thể hiện tấm lòng của mình với thượng đế.



Người châu Âu trong 400 năm qua luôn nỗ lực trục vớt toàn bộ số của cải người Ấn Độ ném xuống hồ Guatavita. Cuộc trục vớt đầu tiên diễn ra vào năm 1545, người Tây Ban Nha đã tổ chức một đội tìm kiếm. Trong khoảng thời gian 3 tháng, họ mò được hàng trăm đồ dùng bằng vàng có giá trị ở đáy hồ.



Năm 1911, một công ty ở Anh đào được một địa đạo. Họ cho rút toàn bộ nước hồ, chỉ để lại một lớp bùn khá dày. Lớp bùn này nhanh chóng chuyển thành đất sét cứng dưới ánh mặt trời. Trong lúc chờ người Anh chuyển thiết bị khoan cắt dò tìm từ châu Âu đến, địa đạo đã bị lấp, nước trong hồ lại đầy như cũ. Từ năm 1974, chính phủ Clombia phái một đội quân đến bảo vệ kho báu trong hồ. Từ đó trở đi, không có ai có thể đến gần kho báu này nữa.





THỨ TƯ, KHO BÁU Ở LĂNG MỘ TOMETING

Cách đây 4 thế kỷ, tộc trưởng người Ấn Độ đã dẫn theo một thương nhân trẻ tuổi người Tây Ban Nha vượt qua mê cung ngậm vô cùng phức tạp để đến lăng tẩm của vương quốc người Ấn Độ cổ đại. Nơi đây bày la liệt vàng bạc, châu báu. Vị tộc trưởng thỏa thuận với người thanh niên này: Nếu anh ta đồng ý giúp đỡ xây dựng những công trình công cộng tại đây, tất cả số kho báu sẽ thuộc về anh ta.

Theo ghi chép về việc thu thuế tại Tây Ban Nha, năm 1576, một người tên là Guterrez đã phát hiện ra kho báu. Anh ta nộp vào ngân sách nhà nước 900 đồng vàng. Từ đó, có người phỏng đoán rằng, tại nơi tìm thấy kho báu có thể vẫn còn một kho báu lớn khác. Giá trị của kho báu này có khả năng lớn hơn kho báu tìm thấy trước đó nhiều lần.

Hiện trường để lại sau lần tìm thấy kho báu đầu tiên đã được chính phủ Colombia bảo vệ, chỉ có 2 nhà khảo cổ được phép khai quật tại đây.

THỨ NĂM, VỤ ĐẮM TÀU COLUMBUS

Năm 1949, Columbus dẫn theo 27 hạm đội đã tìm ra châu Mỹ Latinh. Từ năm 1493 - 1502, họ lần lượt cử hạm đội đi sang châu lục này. Các nhà khảo cổ tin rằng trong đó có ít nhất 5 tàu bị đắm tại vùng biển Caribe. Tuy nhiên, những tàu này không chở kho báu chỉ đơn thuần mang một giá trị lịch sử lớn lao.

Viện trưởng Viện nghiên cứu khảo cổ hải dương bang Texas đã yêu cầu chính phủ cho phép trục vớt



những con tàu bị đắm tại khu vực này. Mặc dù, ánh sáng dưới biển quá tối, kèm theo đó là lớp bùn dày, những con tàu này đều đắm cách đây đã 5 thế kỷ. Thế nhưng, viện nghiên cứu này vẫn tin rằng, có thể trực vớt được một số tàu bị đắm.



Thứ sáu, kho báu đảo Kim Ngân

Tiểu thuyết nổi tiếng *Đảo Kim Ngân* lấy bối cảnh chính tại đảo Coco ở Thái Bình Dương. Hòn đảo hoang sơ này đã từng là địa điểm săn lùng kho báu của rất nhiều người. Trong 3 thế kỷ trước, có khoảng 450 đội quân đến đây tìm kiếm dọc theo khu vực ven biển để mong phát hiện ra những đồng tiền cổ.



Đảo Coco.

Đảo Coco nằm cách bờ biển Costa Rica 480m, đây là trạm dừng chân của đội tuần tra biển vào thế kỷ XVII. Theo một số lời đồn đại, trên đảo có 6 nơi cất giấu kho báu. Tuy nhiên, những kho báu thu hút nhiều người tìm kiếm nhất chính là kho báu thuộc vùng Lima của Peru. Năm 1820, Lima vẫn thuộc quyền cai trị của Tây Ban Nha.





THỨ BẢY, HANG TIỀN

Tháng 10, năm 1975 có 3 người thợ xẻ gỗ đặt chân lên đảo Oak. Tuy hòn đảo này không có ai sinh sống nhưng luôn có một truyền thuyết cho rằng, trên đảo có chôn giấu kho báu. 3 thanh niên này rất lưu ý đến sự việc trên đảo có 1 cây sồi lớn bị đốn 1 cành. Lớp đất dưới gốc cây lồi lõm khác thường, giống như chôn giấu vật gì đó.



Ngày hôm sau, họ quay lại đảo mang theo 1 chiếc rìu, bắt đầu công việc đào bới của mình. Khi đào sâu được 9m, họ bắt gặp 1 tấm gỗ sồi, tiếp tục đến 18m lại có 1 tấm nữa.



Trong 7 ngày tìm kiếm, cứ 9m họ lại gặp chướng ngại vật. Khi đào đến độ sâu 90m, nước trong hang bắt ngờ trào ra. Từ đó đến nay, có người đã tiến hành 15 lần đào bới tiêu tốn hơn 300 vạn đô la. Ngoài ra, còn có 6 người chết trong công cuộc tìm kiếm kho báu ở hang tiền này.

Vậy rốt cuộc hang động này chứa cái gì? Không ai có thể biết chính xác, nhưng hầu hết mọi suy đoán đều cho rằng: Trong đó chứa kho báu của người Ấn Độ hoặc của đội tuần tra bờ biển.



THỨ TÁM, QUẶNG VÀNG Ở ARIZONA

Cuối những năm 40 của thế kỷ XVIII, một nhà thám hiểm đã tìm thấy một mỏ vàng có trữ lượng rất lớn. Ông liền cho đánh dấu lại. Từ đó, rất nhiều kẻ tìm kiếm kho báu nuôi ý định tìm ra kho báu này, đồng thời cũng không ít kẻ nó phải bỏ mạng nơi đây.



Về sau, một nhân viên thăm dò quặng người Đức tên là William cuối cùng đã tìm ra kho báu. Cùng với ông còn có 2 người bạn đồng hành nhưng tất cả đều bị sát hại. William lên núi thường xuyên trong 2 - 3 ngày. Khi trở về quê nhà của mình tại Phoenix, ông mang theo một túi đựng đầy vàng.



Năm 1891, William chết vì bệnh viêm phổi. Trước khi qua đời, ông đã vẽ 1 tấm bản đồ. Năm 1931, có một người đàn ông tên là Andrews mang theo tấm bản đồ đó khi đi vào khu vực núi. 6 tháng sau, người ta tìm thấy xác của ông với 2 mảnh đạn trong hộp sọ. Năm 1959, 3 người đàn ông khác tiếp tục gặp nạn tại nơi này.



2. Bí ẩn về căn phòng hổ phách của Nga

Năm 1700, với mục đích chứng tỏ sự cao quý của mình, vua Rudolf đã ra lệnh cho 2 kiến trúc sư nổi tiếng trong nước xây dựng căn phòng hổ phách độc nhất vô nhị trên thế giới.

Hai kiến trúc sư này sau khi nhận được mệnh lệnh ngay lập tức bắt tay vào việc thiết kế, xây dựng. Với sự cố gắng, nỗ lực không mệt mỏi, cuối cùng, đến năm 1709, công trình đã được hoàn thành.

Diện tích căn phòng là 55m². Các bức tường đều được trang trí bằng hổ phách, phát ra ánh sáng lấp lánh, kỳ ảo. Rudolf không ngớt lời tán dương sau khi xem qua một lượt căn phòng. Lúc đó, ông quyết định sẽ trọng thưởng cho những người cùng tham gia vào quá trình xây dựng công trình này.





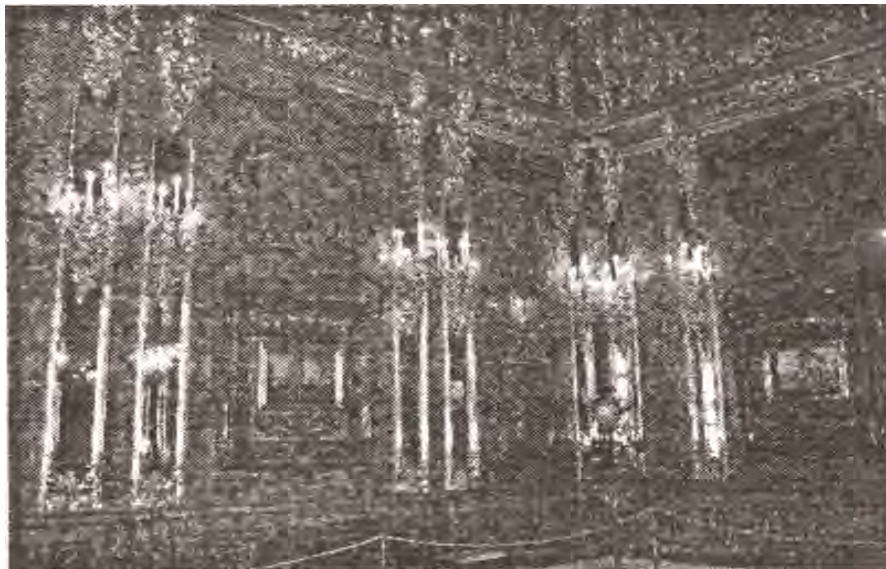
Không lâu sau, toàn bộ hồ phách trên tường đều lần lượt rơi xuống Rudolf sau khi biết chuyện đã nổi trận lôi đình. Không chỉ phạt nặng 2 kiến trúc sư tham gia vào công trình, ông còn ra lệnh cho di dời toàn bộ căn phòng ra khỏi hoàng cung.

Năm 1717, khi giáo hoàng Nga dẫn theo các đại thần đến thăm nơi đây nhận được sự tiếp đón nồng nhiệt. Để bày tỏ tấm lòng với giáo hoàng Nga, quốc vương Rudolf đã tặng ông căn phòng hồ phách.

Năm 1717, căn phòng hồ phách được chuyển đến Saint Petersburg qua đường biển.

Giáo hoàng Nga là Peter đại đế ban đầu muốn đặt căn phòng đó trong cung hoàng hậu nhưng chưa kịp thực hiện đã qua đời. Căn phòng hồ phách từ đó bị rơi vào quên lãng.

Sau 20 năm, con gái của Peter đại đế bỗng nhiên nhớ đến căn phòng này.



Một góc của căn phòng hồ phách sau khi được trùng tu.

Năm 1745, hoàng hậu cho xây dựng một cung điện tráng lệ tại Chales Cusco. Năm 1751, bà quyết định cho



tu sửa lại cung điện này. Trong quá trình tu bổ, bà nhớ đến căn phòng hồ phách, liền cho người chuyển toàn bộ đến Chales Cusco. Sau đó, những người thợ điêu khắc đã bỏ ra nhiều ngày để tiến hành tu bổ lại căn phòng này, biến nó trở thành một phần của tòa lâu đài. Dưới bàn tay tài hoa của họ, căn phòng đã thực sự hòa hợp với kiến trúc của tòa lâu đài. Từ đó, căn phòng hồ phách được hoàng hậu dùng làm phòng nghỉ.



Thời gian trôi qua, đến những năm 40 của thế kỷ XX, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.



Năm 1942, quân đội Đức chiếm được Chales Cusco. Mùa hè năm đó, theo mệnh lệnh cấp trên, quân đội Đức đã di dời căn phòng hồ phách đến một viện bảo tàng của Đức.

Tháng 2, năm 1945, Hồng quân tiến vào nước Đức. Một nhóm các chuyên gia người Liên Xô lập tức tiến hành tìm kiếm ở tất cả những nơi có khả năng cất giấu căn phòng hồ phách nhưng không thu được manh mối nào.



Sau khi nghiên cứu qua rất nhiều tài liệu, họ phát hiện ra Dr. Rhodes - một nhân vật đóng vai trò then chốt. Ông ta từng là giám đốc bảo tàng mỹ thuật, đồng thời đảm nhận việc cất giữ các tài sản thu thập được.

Cùng năm đó, phần tử của chủ nghĩa Đức Quốc xã bí mật đưa căn phòng đến bảo tàng mỹ thuật và giao lại toàn bộ cho Dr. Rhodes. Sau khi bảo tàng mỹ thuật được giải phóng, ông ta không bỏ trốn, ngược lại còn tiếp tục sống tại đây. Thế nhưng, đáng tiếc là khi đội tìm kiếm đến, Rhodes đã mắc bệnh nặng và qua đời.



Không chỉ Liên Xô ngay đến Đức cũng đều hứng thú với căn phòng hồ phách này. Một tờ báo đã đăng tải



câu chuyện này, hy vọng có thể tìm được manh mối về nó do người đọc cung cấp. Không lâu sau, phòng biên tập nhận được thư hồi âm. Trong đó, có một bức thư có nội dung đáng chú ý. Trong thư nói: Cha của anh ta từng là quân nhân phục vụ trong quân đội đặc chủng của Đức.

Khi bị rơi vào tình trạng nguy hiểm, cha anh từng trở về ngôi nhà này báo cáo tình hình quân đội lúc đó với Rhodes. Căn phòng hồ phách và một số văn kiện mật của quân đội đều được giấu trong một căn hầm bí mật ở thành phố Hamburg. Mùa hè năm 1959, những cán bộ trong tổ chức có liên quan đến vấn đề này tiến hành tìm kiếm trong thành phố nhưng không thu được kết quả.

Căn phòng hồ phách cho đến nay vẫn là một bí ẩn chưa có lời giải, nhưng mọi người tin rằng sự tồn tại của nó là thật. Có lẽ, nó vẫn đang ngủ yên tại một góc nào đó trong thế giới này, chờ đợi một ngày được con người đưa ra ngoài ánh sáng.

3. Những câu hỏi xung quanh vàng mất tích thời Tây Hán, Trung Quốc

Ở Trung Quốc thời cổ đại, vàng được dùng phổ biến trong giao dịch buôn bán. Ngoài việc đảm nhận thanh toán, nó còn dùng để chế tác các đồ trang sức, dụng cụ.

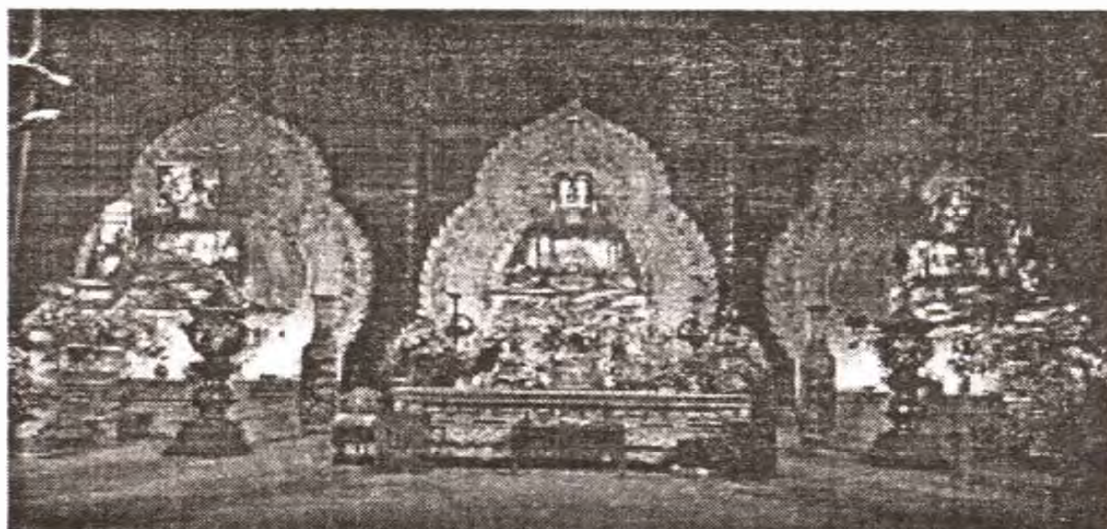
Thời kỳ Tây Hán, số lượng vàng nhiều vô kể. Tầng lớp hoàng tộc, quan lại giàu có đều sử dụng đồ đạc làm bằng vàng. Vua Lưu Bang cấp cho Trần Bình hơn 4 vạn lượng vàng để làm lộ phí. Cùng trong thời kỳ, các vị hoàng đế thường dùng vàng để ban thưởng cho các



trọng thân, số vàng có thể là 1.000 lượng, 1 vạn lượng, thậm chí lên đến hàng chục vạn lượng. Hán Vũ Đế trong một lần ban thưởng cho toàn thể các binh sỹ đã bỏ ra hơn 200 vạn lượng vàng.

Vàng không ngừng được truyền ra ngoài từ quốc khố. Lúc bấy giờ, lượng vàng trong tay tư nhân nhiều đến mức khiến mọi người kinh ngạc. Con trai của Văn Đế khi lâm trung đã để lại hơn 40 vạn lượng vàng. Giới quý tộc nói chung dự trữ rất nhiều vàng với những mức độ khác nhau. Điều đó đủ cho ta thấy, số lượng vàng thời kỳ đó nhiều đến thế nào.

Thế nhưng, số lượng vàng khổng lồ của thời kỳ Tây Hán khi sang đến Đông Hán đã bỗng nhiên biến mất. Vàng không những bị rút ra khỏi lĩnh vực lưu thông ngược lại còn trở thành đồ vật không có giá trị. Ngay cả đến ban thưởng trong triều đình cũng rất ít khi dùng đến vàng. Người ta thường dùng gấm lụa, vải vóc. Điều này hoàn toàn khác so với thời Tây Hán. Như vậy, số vàng đó hiện đang nằm ở đâu cho đến nay vẫn chưa có câu trả lời.



Hàng loạt tượng Phật được bọc vàng.





Có người cho rằng, nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này nằm ở Phật giáo. Trong một cuốn sách có ghi lại, sau này người ta rất ít khi nhìn thấy vàng là do sự hưng thịnh của Phật giáo. Lúc đó, cho dù nơi thôn hoa hay miền quê hẻo lánh đều có đền thờ Phật. Không những thế, có tượng còn được bọc bằng vàng. Lớp bọc vàng ở trên tượng Phật không thể trả lại được cho nên mỗi ngày sẽ hao đi một ít. Như vậy, vàng cũng càng ngày càng ít. Khối lượng vàng trên tượng Phật thực sự khiến cho người ta phải kinh ngạc.



Trên thực tế, ở đây có một vấn đề tồn tại, đó chính là: Thời kỳ Phật giáo hưng thịnh không phải ở Đông Hán. Bởi vì lúc đó, Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, đền chùa cũng không được tôn trọng như những gì Triệu Nghị nói. Cho dù có dùng vàng đi chăng nữa, số lượng cũng không lớn đến vậy.



Vẫn còn một cách nói khác cho rằng, sau này vàng bị ít đi là do thời bấy giờ hoạt động thương mại khá phát triển, vàng đã bị thất thoát một số lượng lớn. Chủ yếu có 2 con đường luân chuyển: Một là, đưa vàng trực tiếp cho người nước ngoài; hai là, mua một số lượng lớn các vật phẩm quý báu như minh châu, pha lê...



Tuy nhiên, cách nói này bị nhiều người phản đối. Bởi vì lúc đó, Trung Quốc là một nước xuất khẩu tơ lụa. Một lượng lớn tơ lụa xuất khẩu sang phương Tây, nghĩa là Trung Quốc phải thu về một lượng tiền lớn chưa nói đến việc mua những vật phẩm quý từ phương Tây, vì nếu có, số lượng của nó cũng không đáng kể.

Cách nói thứ ba như sau: Số lượng lớn vàng ở thời Tây Hán thực chất là đồng. Bởi vì nếu xét trên phương



diện lịch sử, giao dịch hay từ số lượng khai thác được từ thời Tây Hán, họ không thể nào có một số lượng vàng lớn như vậy. Hơn nữa, theo thói quen của người Tây Hán gọi tiền là kim, có khả năng họ cũng gọi đồng là vàng.

Căn cứ vào những tư liệu thực tế cho thấy, người Hán phân biệt rất rõ ràng giữa kim và đồng. Họ chưa từng coi kim là đồng. Từ trước đến giờ chưa từng có cách gọi đồng vàng. Đặc biệt là ở Tây Hán, người ta gọi những người quản lý mỏ kim là kim quan, gọi người quản lý mỏ đồng là đồng quan. Thêm vào đó, tên gọi đơn vị đo lường của đồng và kim cũng không giống nhau. Vào thời nhà Tần, đơn vị của vàng là lượng, trong khi đơn vị của đồng là xu hoặc gọi trực tiếp là tiền. Do vậy, cách nói này cũng rất khó đảm bảo tính chính xác.

Vẫn còn một cách nói khác có sức thuyết phục cao đó là vàng bị chôn dưới lòng đất. Có người đã từng tập trung biện luận về vấn đề này. Số lượng vàng lớn của Tây Hán có thể được chôn theo hoàng thân quốc thích, quan lại hoặc được coi là tài sản chôn dưới đất. Do thời thế thay đổi nên không ai biết đến số vàng này nữa.

Thực tế, hoàng thân quốc thích, quan lại thường chôn theo rất nhiều tài sản, vàng bạc sau khi chết. Như vậy, nếu nói vàng Tây Hán có một phần được chôn dưới đất có thể hợp lý hơn. Tuy nhiên nếu nói toàn bộ số vàng đều bị chôn dưới đất quả thật rất khó thuyết phục.

Vậy, tại sao sau thời Tây Hán, một lượng lớn vàng lại bị biến mất? Đây là điều quá khó hiểu.





4. Sự mất tích kỳ lạ của cửu đỉnh thời nhà Hạ, Trung Quốc

Cửu đỉnh được đúc vào triều Hạ, tất cả có 9 chiếc, đại diện cho 9 châu của Trung Quốc cổ. 9 chiếc cửu đỉnh được chế tạo tinh xảo, trang trọng, một báu vật hiếm có trên đời. Nó tượng trưng cho quyền lực tối cao của Hạ vương, được coi là bảo bối của Trung Quốc cổ đại.

Sau này, Thành Thang lật đổ triều Hạ lập nên triều Thương, liền chuyển cửu đỉnh đến quốc đô Triều Ca. Châu Vũ Vương lật đổ nhà Thương, đưa cửu đỉnh đến Lạc Ấp. Đến thời Xuân Thu Chiến Quốc, nhà Chu ngày một tàn lụi. Trong khi đó, các nước chư hầu ngày càng mạnh, ai cũng muốn chiếm lấy cửu đỉnh cho riêng mình.

Vào năm 606 trước Công nguyên, Sở Trang Vương từng triệu tập binh lính tại biên giới nhà Chu, phô trương thanh thế, cao giọng nhắc đến cửu đỉnh không chút do dự. Mục đích chính là muốn cướp thiên hạ trong tay nhà Chu. Đến thời Chiến Quốc, Tần Vương dẫn quân đến biên giới nhà Chu với dã tâm cướp lấy Cửu đỉnh. Nhà Chu không còn cách nào khác đành cầu cứu nhà Tề để tránh nạn diệt vong. Thời Chiến Quốc, Tề, Sở, Tần là những nước thường xuyên gây chiến để cướp cửu đỉnh. Điều này cho thấy trong lòng dân tộc Trung Quốc, cửu đỉnh có một vị trí rất quan trọng.

Vậy, cửu đỉnh mất tích vào thời điểm nào? Theo sử ký ghi lại, sau khi Đông Chu suy tàn, cửu đỉnh không biết đã rơi vào tay ai. Nhưng, trong cùng một cuốn sách, Tư Mã Thiên lại cho rằng: Năm 254 trước Công nguyên, nhà Tần diệt Đông Chu, cửu đỉnh để rơi vào tay họ.



Còn một giả thiết khác về cửa đình cho rằng, nó bị chìm trong đoạn nước gấp khúc. Chỗ nước này là lưu vực của một con sông chảy qua Từ Châu. Dự đoán này cũng xuất phát từ *Sử ký*. Trong cuốn sách về Tần Thủy Hoàng có ghi: “Năm 219 trước Công nguyên, vì muốn tìm kiếm được cửa đình, Tần Thủy Hoàng đã tắm gội chay giới, sau đó cử rất nhiều người đi vớt. Kết quả làm chết đuối hơn 1.000 người cũng không thể vớt được cửa đình”. Một số quân thần nhà Hán ủng hộ cách nói này của Tư Mã Thiên nhưng diễn đạt cụ thể hơn. Trong tác phẩm *Hàn Thư* ghi chép rằng: “Vào đời Chu Hiển Vương năm 42 (219 trước Công nguyên), cửa đình đã bị chìm sâu trong lòng sông”. Đến thời nhà Đường, trong *Sử ký Chính Nghĩa*, Trương Thủ Tiết ghi thêm: “Năm thứ 19 Chu Noãn Vương, Tần Chiêu Vương đoạt được cửa đình nhưng khi đi qua một khúc sông, không may đã làm rớt một cái xuống đáy sông, những chiếc còn lại rơi vào tay nhà Tần”. Những giả thiết này hoàn toàn không có căn cứ.

Về việc cửa đình bị rơi xuống đáy sông còn có một giả thiết như sau: Cửa đình bị Chu Vương tự tay tiêu hủy. Giả thuyết này xuất phát từ bản cải chính *Hàn Thư* của Vương Tiễn Khiêm đời Thanh. Trong sách có nói: “Do địa vị của Chu Vương bị đe dọa, không muốn cửa đình rơi vào tay các nước chư hầu nên đã tự tay tiêu hủy nó. Hoàng thất ngoại tộc cũng chỉ nói là không rõ”. Nhưng, giả thuyết này không được nhiều người đồng tình. Bởi vì cửa đình vốn là biểu tượng của một quốc gia, cửa đình còn nước còn; cửa đình mất, nước mất. Vì vậy,





vua không thể dễ dàng tiêu hủy nó. Giả thuyết này cũng không có tính thuyết phục.

Sau khi cứu đỉnh mất tích, không chỉ Tần Thủy Hoàng từng đích thân tìm kiếm nó ngay cả Hán Văn Đế, Hán Vũ Đế sau này cũng cất công đi tìm. Hán Vũ Đế đã vớt được một chiếc đỉnh tại khúc sông nhưng chưa xác định được có phải là đỉnh được đúc từ thời nhà Hạ hay không.

Cửu đỉnh là di sản văn hóa vô cùng quý báu của Trung Quốc thời cổ đại. Vị trí của nó hiện nay vẫn còn là một bí ẩn.



5. Câu chuyện xung quanh Ngọc bích họ Hòa

Tương truyền, vào thời Xuân Thu có một người nước Sở tên là Biện Hòa. Vào một ngày, khi ông đi đốn củi ở Kinh Sơn, bỗng phát hiện một viên đá lớn màu xanh. Đúng lúc đó có một con chim phượng hoàng sà xuống mặt đất. Ông cho rằng, đây nhất định là bảo ngọc, bởi vì phượng hoàng chỉ hạ cánh tại những mảnh đất quý. Ông liền đem viên đá về dâng cho Sở Lịch Vương. Thế nhưng, Sở Lịch Vương cho rằng, đây chỉ là một viên đá, buộc ông phạm tội khi quân vì dám lừa dối vua; sau đó chặt mất chân trái của ông. Sau khi Sở Lịch Vương qua đời, Sở Vũ Vương kế ngôi. Một lần nữa, Biện Hòa lại đem viên đá đến dâng vua, cũng như lần trước ông bị chặt mất chân phải. Không lâu sau, Sở Văn Vương kế vị. Biện Hòa vì dâng ngọc cho vua đã mất đi hai chân, ông liền ôm ngọc ở chân núi Kinh khóc liền 3 ngày 3 đêm, đến nỗi máu trào ra từ hai mắt. Sau khi biết được chuyện này, Văn



Vương cho người đón ông vào cung, hỏi ông tại sao khóc mãi không thôi. Biện Hòa thưa: “Tôi không phải khóc vì mất đi hai chân. Tôi khóc vì rõ ràng, đây là một viên ngọc quý nhưng lại bị nói là viên đá, kẻ trung thành bị gán tội lừa vua”. Sở Văn Vương bị những lời nói của ông làm cho cảm động, liền cho người đem hòn đá đến xem. Vua vừa nhìn đã biết đây là viên bảo ngọc vô giá nên lệnh cho thợ thủ công khắc nó thành một viên ngọc bích. Để ghi nhớ công Biện Hòa dâng ngọc cho vua, Sở Văn Vương đã đặt tên cho viên ngọc này là Ngọc bích họ Hòa.



400 năm sau, Sở Uy Vương chấp chính. Ông tặng nó cho tướng quốc Chiêu Dương vì đã có công với nước Sở. Trong tiệc chiêu đãi khách, Chiêu Dương đem viên ngọc cho mọi người cùng thưởng thức. Sau khi tiệc tan, viên ngọc cũng biến mất. 50 năm sau, viên ngọc này được thái giám nước Triệu tên là Mãng Hiến mua lại với giá 500 lượng vàng. Thế nhưng, viên Ngọc bích họ Hòa ông giữ chưa được bao lâu lại rơi vào tay của Triệu Huệ Vương.



Trong tình hình các nước chư hầu không ngừng gây chiến, Ngọc bích họ Hòa trở thành một bảo vật vô giá. Vua Tần sau khi nghe tin viên ngọc đang được cất giữ tại nước Triệu đã nghĩ ra trăm phương nghìn kế để cướp viên ngọc về tay mình.



Năm 228 trước Công nguyên, nước Tần diệt nước Triệu, viên ngọc rơi vào tay Tần Thủy Hoàng. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước đã ra lệnh cho thừa tướng Lý Tư viết tám chữ “thụ mệnh vu thiên, ký thọ vĩnh mạo”. Sau đó lệnh cho thợ thủ công khắc 8 chữ





này lên viên ngọc. Từ đó, viên Ngọc bích họ Hòa trở thành ngọc tỷ của hoàng đế.

Cuối đời nhà Tần, Sở, Hán giao tranh, Lưu Bang vào thành Lạc Dương trước Tần Vương Tử Anh đã giao ngọc tỷ cho Lưu Bang. Sau khi xưng đế, nắm mọi quyền hành, ông gọi Ngọc bích họ Hòa là Hán truyền quốc tỷ, đời đời lưu truyền. Năm thứ 5 trước Công nguyên, Vương Mãng thâu tóm mọi quyền hành trong triều Tây Hán, yêu cầu lấy ngọc tỷ từ cô của mình là thái hậu Hiếu Nguyên. Thái hậu tức giận, ném ngọc tỷ xuống đất, một góc bị vỡ. Sau đó, Vương Mãng lệnh cho thợ dùng vàng để sửa lại. Khi Quang Vũ Trọng nổi lên, ngọc tỷ lại rơi vào tay Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú. Cuối Đông Hán, trong chiến loạn, khi tháo chạy khỏi Bắc Cung, Hán Thiếu Đế quên không mang theo ngọc tỷ. Đến khi cho người quay lại cung nó đã biến mất.



Ngọc tỷ thời Tần được khắc thành chiếc ấn.

Không lâu sau, Đông Trác nhiễu loạn triều đình, các chư hầu lần lượt khởi binh, thảo phạt Đông Trác. Năm 192, thái thú Trường Hà, Tôn Kiên tấn công vào



Lạc Dương phát hiện dưới giếng Nam Thành có vật sáng. Ông sai người vớt lên, đó là xác chết của một người con gái. Trên cổ người này đeo một chiếc hộp nhỏ màu đỏ, mở chiếc hộp ra, bên trong chính là truyền quốc ngọc tử mọi người đang tìm kiếm. Sau khi Tôn Kiên qua đời tại Kiến Sơn, ngọc tử rơi vào tay Viên Mộc. Viên Mộc chết, ngọc tử thuộc quyền sở hữu của Quảng Lăng thái thú họ Từ. Để lấy lòng, hắn đã tặng viên ngọc tử vô giá này cho Tào Tháo. Sau khi dòng họ Tư Mã thống nhất thiên hạ, Ngọc bích họ Hòa được lưu giữ trong cung của nhà Phò. Cuối thời Tây Phò, chiến tranh liên miên, viên ngọc tử này cũng liên tục thay đổi chủ, cuối cùng chủ nhân của nó là người trị vì vương triều Đông Phò. Trải qua biết bao thời đại Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy viên ngọc lại thuộc về hoàng đế khai quốc đời Đường Lý Nguyên. Ông gọi truyền quốc ngọc tử là bảo bối, trở thành bảo vật truyền gia của gia tộc Lý Thị, đời đời lưu truyền. Cho đến thời Ngũ đại thập quốc viên ngọc bị mất tích. Khi đó, Tống thái tổ cũng đoạt được hai viên ngọc ấn từ Chu Thế Tông. Tuy nhiên, không có viên nào là Ngọc bích họ Hòa.



Truyền quốc ngọc tử thực sự đã bị mất tích hay không? Có thể không phải như vậy vì cho đến sau này vẫn còn rất nhiều tin tức về nó. Vào thời Tống Thiệu Tông, có người lấy được một ngọc tử tại Thành Dương, coi nó là truyền quốc ngọc tử. Qua sự kiểm tra của 13 học sỹ đã khẳng định đây là truyền quốc ngọc tử đời Tần làm ra. Tuy nhiên, người ta vẫn chưa thực sự tin vào điều này. Đến thời nhà Minh, năm Tư Trị, có người đã dâng truyền quốc ngọc tử cho hoàng đế. Hiếu Tông



hoàng đế cho rằng, đây là ngọc tỷ giả nên đã không dùng nó. Đầu những năm nhà Thanh, Tử Cấm Thành có đến 39 viên ngọc tỷ, trong đó có một viên được cho rằng đó là truyền quốc ngọc tỷ. Sau đó, thông qua sự xác nhận của vua Càn Long đã chứng minh đó là một viên đá bình thường. Cho đến khi vị vua cuối cùng của triều đại nhà Thanh bị đuổi ra khỏi hoàng cung, cảnh sát vẫn còn tìm kiếm truyền quốc ngọc tỷ.



Vậy, viên ngọc vô giá Ngọc bích họ Hòa đang ở đâu? Cho đến nay, đây vẫn là một câu hỏi không có đáp án.



6. Kho báu trong giếng thánh Yucatan

Người Maya vốn sinh sống trên bán đảo Yucatan của Mexico bỗng nhiên bị mất tích. Sự việc này đã để lại một câu hỏi lớn trong nền văn hóa nhân loại. Tất cả những tài sản họ vớt xuống giếng thánh cũng tạo nên một sự bí ẩn.

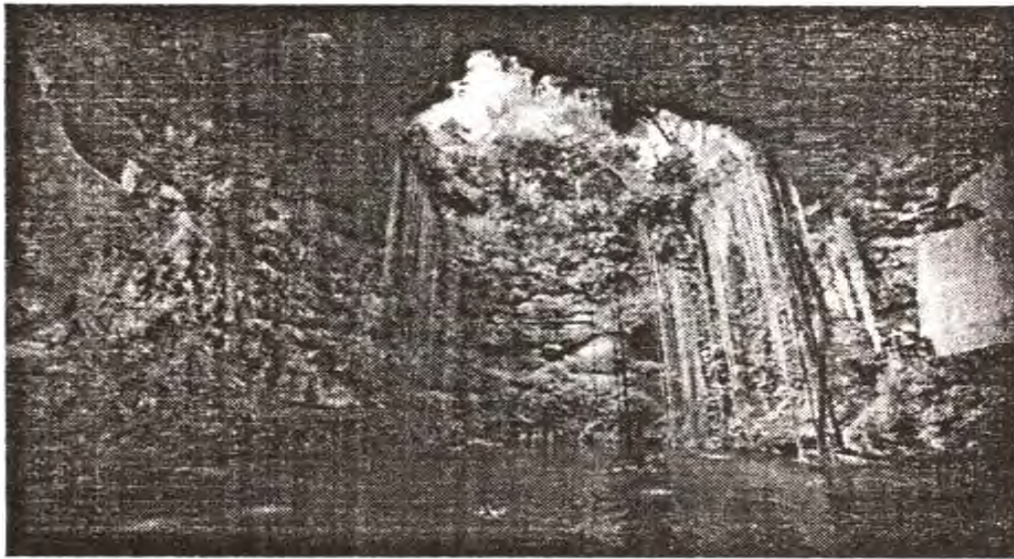


Trung tâm bán đảo Yucatan có một bức thành cổ tráng lệ của người Maya, trong tiếng Maya nó có nghĩa là thành phố bên cạnh thủy tuyến. Cách thành phố 105km có hai cái giếng tự nhiên sâu 60m, nước sâu trên 40m, ngọt và thanh khiết. Người Maya gọi giếng nước này là giếng thánh dùng để cúng tế thần mưa. Họ cho rằng, thần mưa trong cung điện ở dưới giếng. Để thể hiện sự tôn kính của với thần mưa, họ xây một thần điện Kim tự tháp bằng đá ngay bên cạnh giếng. Theo truyền thuyết của người Maya, năm hạn hán, thiếu nước là do thần mưa nổi giận. Để làm cho thần mưa vui vẻ, bảo vệ, phù hộ cho mùa màng bội thu, quốc vương





đã tìm kiếm cô gái đẹp nhất, sau đó đẩy xuống giếng làm cô dâu của thần mưa. Ngày cô dâu của thần mưa xuất giá, toàn bộ thần dân đều đến thần điện xem lễ tế, đưa tiễn. Cô dâu mặc bộ quần áo lông lầy, bên cạnh có vệ sỹ thân cận mặc áo giáp, tay cầm đao sắc, đầu đội chiến mũ. Trong sự rộn rã của âm nhạc, thầy tế mặc áo đỏ, dẫn dắt toàn tộc tiễn cô dâu, vệ sỹ đến bên cạnh giếng thánh. Sau khi thầy tế và thủ lĩnh báo cáo xong, 6 người thầy cúng mặc áo đen sẽ hát bài cúng tế, nhắc cô dâu lên. Vào lúc âm nhạc lên cao nhất, họ sẽ thả cô vào trong giếng thánh, vệ sỹ cũng phải lao theo. Đi cùng với họ là rất nhiều vàng bạc, châu báu được vứt xuống giếng thánh. Họ hy vọng cô dâu, vệ sỹ sẽ được dâng châu báu lên cho thần mưa.



Giếng thánh Yucatan - nơi tế lễ thần mưa của người Maya cổ.

Có một người tên là Rhonda đã dựa theo truyền thuyết này viết thành cuốn sách *Ký sự đảo Yucatan*. Trong sách có viết: “Nếu người Maya có châu báu nhất định nó sẽ ở dưới giếng thánh”. Nhà thám hiểm người





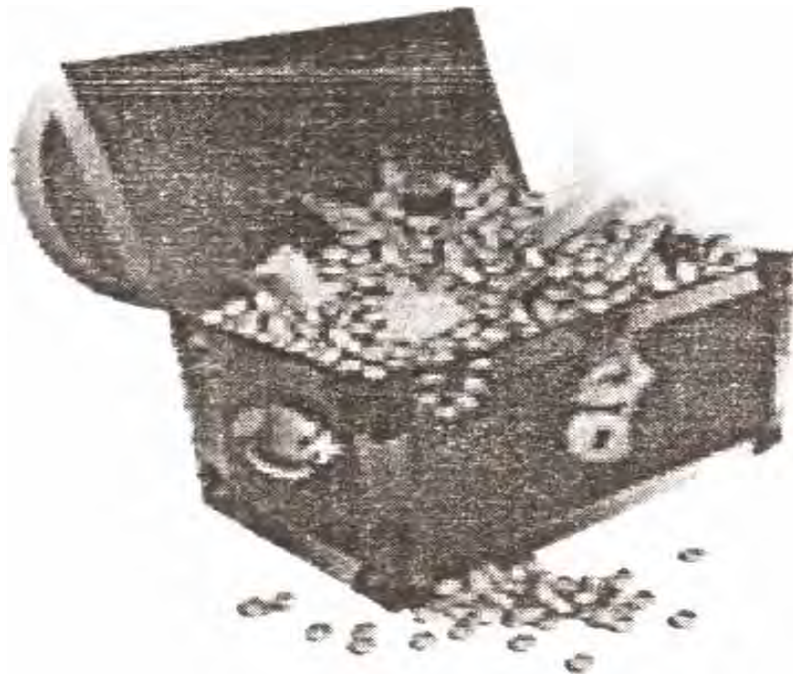
Mỹ tên là Thompson tin vào lời nói của Rhonda, quyết định mạo hiểm tìm kiếm những châu báu trong giếng thánh. Ông bắt đầu tìm kiếm từ năm 1885, liên tục 25 năm đảm nhận chức lãnh sự Mỹ tại Yucatan. Ông đặc biệt tìm kho báu tại khu vực văn hóa của người Maya. Mặc dù bao năm qua đi không có kết quả, ông vẫn quyết tâm đi tiếp. Ông đã hao tổn hơn 40 năm cuộc đời. Ông trời không phụ người có công, cuối cùng ông đã tìm ra giếng thánh của người Maya. Từ trong giếng thánh, ông đào được đồ làm bằng vàng, ngọc, ngoài ra còn có rất nhiều xương cốt của con trai, con gái. Phát hiện này đã tiếp thêm sức mạnh tiếp tục đào sâu hơn nữa. Cuối cùng, ông cũng phát hiện ra châu báu của người Maya. Ông đào được rất nhiều đồ có giá trị, trong đó có 5 cái bát vàng, 20 chiếc nhẫn, 100 cái lắc nhỏ, nhiều thùng thỏi vàng vật phẩm quý giá khác như lam bảo ngọc...

Châu báu của người Maya do Thompson phát hiện được không chỉ có như vậy. Một hôm, trong lúc quét dọn thần điện Kim tự tháp, ông phát hiện phía dưới có một cái giếng, trong giếng có một gò đá, phía dưới là cái động. Khi ông nhìn vào trong động, bỗng có một con trăn lớn lao đến. Ông vội nổ súng bắn chết con trăn. Ông lôi nó ra khỏi động, nhìn vào ổ ông thấy nhiều bộ xương người bị trăn cắn chết. Dưới những bộ xương ấy có một phiến đá, ông tiếp tục dịch chuyển, phía dưới là cái giếng. Ông đi đến cái giếng thứ 5 nhìn thấy một cánh cửa đá. Ông mở cửa đá đi theo những bậc đá phát hiện ra ngục thất. Trong ngục thất, vỏ một phiến đá, dưới đó là động rất sâu và tối. Ông nghĩ: "Tốt nhất nên thả dây thừng từ từ xuống, nhưng nếu nhất thời không



cẩn thận rất có thể sẽ bị rơi xuống”. Ông bình tĩnh lại, quan sát một cách tỉ mỉ, chợt phát hiện mình đang đứng trên đồng kho báu của người Maya, toàn bộ đều là vàng, trân châu, bạc, đá ngọc...

Năm 1903, Thompson đem tất cả số kho báu người Maya cất giấu ông khai quật được công bố với thế giới. Ông muốn người ta thấy được nền văn minh của người Maya cũng như sự cổ hủ, lạc hậu ở thời đó. Thế nhưng, điều làm cho người ta khó hiểu nhất là tại sao người Maya phải chôn nhiều châu báu như vậy? Trên đảo Yucatan, họ còn cất giấu bao nhiêu châu báu nữa?





----- *Chương mười*
**DẤU TÍCH BÍ MẬT
CỦA VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO**



1. Bí mật văn hóa của quần đảo Queensland và thổ dân Australia



Quần đảo Queensland, nơi tập trung của những thổ dân thuộc lãnh thổ Australia. Những thổ dân Australia là cư dân xuất hiện sớm nhất ở đây. Họ thuộc dân tộc du mục, không có chỗ ở cố định, phân tán rải rác khắp lãnh thổ. Văn hóa của thổ dân Australia có lịch sử lâu đời nhất khắp thế giới, cho đến nay nền văn hóa ấy vẫn tràn đầy sức sống. Nghệ thuật chính là trung tâm trong cuộc sống của thổ dân nơi đây. Bởi vì nó và tôn giáo có mối quan hệ chặt chẽ trong thiên nhiên. Thông qua hình thức này, quan hệ giữa quá khứ và hiện tại, con người với giới tự nhiên sẽ có cầu nối gắn bó với nhau hơn. Nghệ thuật thể hiện đặc mối quan hệ của cá nhân với tập thể, con người với thiên nhiên nơi đây.

Mỗi người khách du lịch khi đến đảo Queensland đều có thể tìm hiểu rõ nền văn hóa, các di sản của thổ dân nơi đây thông qua những trò chơi thú vị. Ví dụ, ném tiêu, học các điệu nhảy dân tộc, vẽ hình trên mặt. Trong đó, công cụ đặc biệt nhất là ném tiêu, có nghĩa là sau khi phi đi nó có thể tự động quay lại. Đây không chỉ là công cụ thổ dân nơi đây thích nhất, nó còn trở thành



một cây gậy dài có đầu nhọn giúp họ đào được những rễ cây nằm dưới đất, các sinh vật nhỏ để lấy thức ăn.

Trong rừng nhiệt đới, cùng với tiếng đệm nhạc, những điệu múa dân tộc truyền thống của thổ dân sẽ làm cho du khách cảm nhận được sức hấp dẫn đặc biệt của nền văn minh thổ dân.



Thổ dân Australia.

Từ thời xa xưa cho đến nay, quần đảo Queensland đặc biệt là khu vực phía Bắc đã có ảnh hưởng rất quan trọng đối với việc phát triển văn minh cư dân đảo, những thổ dân sống gần bên bờ Tây Bắc. Việc thành lập những khu du lịch biển không chỉ có tác dụng quan trọng trong việc bảo vệ các giá trị của nền văn minh nơi đây. Nó còn liên quan mật thiết đến cuộc sống của những thổ dân địa phương. Do đó, quần đảo tự nhiên chính là viện bảo tàng nghệ thuật tự nhiên cho mọi người thưởng thức. Nơi đây có hơn 30 di tích lịch sử nổi tiếng. Di tích sớm nhất có thể vào năm 1791. Do địa thế của đảo rất hiểm trở, cho nên xung quanh đã xây dựng những tháp đèn để dẫn đường. Bản thân nó cũng trở thành di tích lịch sử nổi





tiếng. Mặc dù đã qua rất nhiều năm tháng nhưng cho đến nay, nó vẫn phát huy tác dụng.

Những con san hô nhỏ nhất đã tạo nên một kỳ quan thiên nhiên có quy mô lớn. Vẻ đẹp của đảo không thể phủ nhận. Nó làm cho tâm hồn của con người trở nên trong sáng hơn. Quần đảo Queensland xứng đáng là cảnh đẹp giữa chốn trần gian.



2. Bí mật văn hóa người Anh-điêng

Trên dòng lịch sử lâu đời của vùng hồ Waterton, loại đá lâu đời nhất là loại đá trầm tích, tính đến nay đã khoảng 1,5 tỷ năm. Khi đó, nền văn minh nhân loại cũng bắt đầu xuất hiện. Khoảng 12.000 năm trước, đây là nơi cư trú của thổ dân, hiện vẫn còn lưu giữ lại một số di tích quan trọng của các quốc gia xuất hiện sớm nhất.

Nơi đây vốn là lãnh thổ của người dân Anh-điêng. Tộc người da đen vốn được mệnh danh là dân tộc hùng mạnh, dũng cảm. Những người dân Anh-điêng, người da trắng di cư đến đây có một số tranh chấp, gây ra cuộc chiến tranh đổ máu nhưng không rõ nguyên nhân. Vào thế kỷ XVIII, những người Anh-điêng da đen vốn từng cư trú ở phía Đông của Bắc Mỹ, chịu ảnh hưởng của sự di cư từ châu Âu sang bờ phía Đông của Bắc Mỹ, cho nên di chuyển đến khu vực Montana ngày nay. Họ đã gián tiếp lấy được súng của người Tây Ban Nha khi đưa cho cư dân Anh, Pháp, người châu Mỹ.

Do sự khống chế, khủng bố của tộc người da đen, không có người da trắng nào dám đến nơi này. Nửa sau thập kỷ thứ XIX, do bị lây nhiễm các căn bệnh truyền





nhiệm của người da trắng, tộc người da đen dần dần bị diệt vong. Những người sống sót còn lại chỉ chiếm 1/4 dân cư so với trước đây. Năm 1932, Mỹ và Canada thông nhất hợp thành công viên quốc gia ở hồ băng này với hy vọng hai nước sẽ chung sống hòa bình giống như khu tự nhiên yên lành tươi đẹp này.



Vùng hồ Waterton là thánh địa người Anh-điêng da đen đã từng tổ chức nghi lễ tôn giáo. Chốn thiên đường này trở thành quà tặng của thiên nhiên thiêng liêng, cao quý. Khi đặt chân đến đây, cảnh tượng tươi đẹp này sẽ khiến du khách xúc động, đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Đồng thời, vẻ đẹp cũng có thể làm cho tâm hồn của du khách hòa nhập với hơi thở của đất trời nơi đây. Hãy cầu nguyện cánh cửa hòa bình này sẽ mãi mãi không đóng lại, vẻ đẹp tự nhiên nơi đây sẽ mãi vĩnh hằng theo thời gian!



3. Bí mật văn hóa của người Ấn Độ



Người Ấn Độ cổ yêu thích cái đẹp

Theo các nhà Khảo cổ học phát hiện, người Ấn Độ đã bắt đầu đeo vòng tay từ thời kỳ đồ đá mới. Một nhà Khảo cổ học người Mỹ sau khi nghiên cứu ý nghĩa các vòng tay đã đưa kết luận như sau: Nó không chỉ nói lên sự yêu thích, hướng tới cái đẹp của con người, còn thể hiện địa vị xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo của họ. Ngoài ra, ông còn phát hiện ra rằng, bất kể người phụ nữ nào của Ấn Độ cổ đại, cho dù giàu sang hay nghèo hèn đều đeo vòng tay, chỉ có điều giá trị của chúng không giống





nhau. Điều đó chứng tỏ, quan niệm về cái đẹp đã khắc sâu vào tâm trí của người Ấn Độ từ rất lâu đời.

Người dân ở lưu vực sông Ấn đều thích mặc những bộ quần áo dài làm bằng vải bông, bó sát vào người. Những bộ trang phục đó thường có màu sắc sặc sỡ, thêu hoa trên bề mặt. Để đạt tới tính thẩm mỹ cao, phần lớn trên vai của những chiếc áo có đính thêm một miếng vải làm bằng sợi bông. Cổ đeo thêm đồ trang sức, đầu đội khăn. Các bà quý tộc giàu có đeo dây chuyền, vòng tay bằng ngọc. Những người phụ nữ ở sông Hằng không chỉ bó thắt eo còn đặc biệt chú ý chau chuốt đến toàn bộ cơ thể. Dưới mắt cá chân họ đeo một cái chuông lắc, tập tục này đến ngày nay vẫn còn. Không chỉ phụ nữ mới chú ý làm đẹp, ngay cả những người đàn ông cũng thường xuyên chăm chút cho mình. Họ trang trí bộ râu bằng cách bôi lên đó nhiều màu sắc khác nhau. Họ sắc nước hoa khi tắm, thậm chí trên tai còn đeo khuyên vàng, những người tăng lữ cũng vậy. Họ không chỉ mang trang sức trên đầu, ngay đến tấm áo choàng bên ngoài cũng được trang trí một cách chau



Người Ấn Độ luôn thích mặc những bộ đồ sặc sỡ màu sắc.



chuốt. Ví dụ, đính thêm các hoa văn hoặc nhuộm thành màu đỏ sặc sỡ.

Việc yêu thích cái đẹp của người Ấn Độ đôi khi ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Khi một đứa trẻ mới ra đời, nó có xinh đẹp, được phép tồn tại hay không đều do nhân dân quyết định. Nếu họ phán quyết đứa trẻ đó xấu, coi như cuộc đời sau này của chúng sẽ gặp nhiều khổ hạnh. Chính vì thế, các pháp quan liền xử đứa trẻ đó vào tội chết. Sự yêu thích cực đoan đối với cái đẹp này thể hiện một phong tục văn minh. Tuy nhiên, tất yếu sẽ tạo nên những cái xấu trong xã hội, gây trở ngại đến sự phát triển của lực lượng sản xuất.

PHONG TỤC ẨM THỰC VÀ ĐỜI SỐNG SINH HOẠT, GIẢI TRÍ

Trong văn hóa Ấn Độ, người ta tìm thấy một số bằng chứng về việc đất nước này đã có nhiều cách vui chơi, giải trí từ rất sớm.

Một trong số những hình thức giải trí đó là kiểu biểu diễn người và thú thi đấu với nhau, tương tự như người La Mã cổ. Tuy nhiên, cách vui chơi này lại mang tính tàn sát đẫm máu. Sau khi Phật giáo, đạo Jaina bắt đầu xuất hiện, trò chơi tàn nhẫn này nhanh chóng bị nghiêm cấm.

Người Ấn Độ có sở thích đánh cờ, đánh bạc. Các kiểu chơi cờ có quan hệ mật thiết với tiến trình phát triển của tôn giáo. Đánh cờ đòi hỏi sự tập trung trí tuệ cao, cho nên để mở rộng trò chơi này không phải là một việc dễ dàng. Ở lưu vực sông Hằng và sông Ấn có một truyền thuyết về các loại cờ. Câu chuyện kể về một vị cai tế đánh cờ với hoàng thượng, trong 64 ô cờ đặt vào





mỗi ô một ít gạo. Hình thức chơi của loại cờ này là: Mỗi lần đổi một quân cờ đều phải tặng gấp đôi số gạo. Lúc đầu, quốc vương vẫn chưa nhận ra được ý nghĩa của bàn cờ. Trong quá trình đặt gạo lên, ông mới phát hiện ra một điều, nếu áp dụng phương pháp này vào việc điều hành, toàn bộ số gạo đó không đủ để cung cấp cho một đất nước. Mục đích của vị cai tế này là hy vọng nhà vua chú ý đến tôn giáo.



Người Ấn Độ rất say mê âm nhạc.

Người Ấn Độ vô cùng say mê cờ bạc. Trong văn hiến của Ấn Độ cũng ghi lại một số quốc vương mê đánh bạc, thậm chí còn lấy cả thành đô của mình ra làm vật thế chấp. Công cụ chủ yếu của cuộc chơi này là con xúc, kiểu chơi giống như trò xóc đĩa của người Trung Quốc. Kỹ thuật đánh bạc của Ấn Độ liên quan chặt chẽ đến quốc vương Nala. Do quá say mê cờ bạc, ông đã thế chấp ngai vàng của mình cho người khác. Sau đó trong quá trình lưu vong, ông đã học được kỹ thuật đánh bạc, giành lại được ngôi báu của mình.

Người Ấn Độ thích sự thanh tịnh, khi nghỉ ngơi họ dùng một thanh gỗ bẹt để mát xa cơ thể, làm cho toàn thân cảm thấy sảng khoái, dễ chịu. Đồng thời, họ cũng phát triển vũ đạo, âm nhạc trong các lĩnh vực giải trí của mình. Ở hai thể loại này, người Ấn Độ đều đạt đến trình độ vô cùng cao siêu, trở thành các loại hình giải trí không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt. Điều này được thể hiện trên những bức vẽ, các vị thần đều được khắc họa với hình dạng đang nhảy múa, mang tính thẩm mỹ cao. Người Ấn Độ cũng thần tượng những vũ công, nhạc sỹ. Họ tôn sùng thần Siapis, ông chính là vua múa, ông tổ của ngành vũ đạo. Người Ấn Độ đã kết hợp tín ngưỡng tôn giáo và âm nhạc, vũ đạo để tạo thành một phong cách nghệ thuật khác biệt sau này.

Trước khi Phật giáo ra đời, phong tục ăn chay của Ấn Độ đã xuất hiện. Phong tục ăn chay không chỉ đơn thuần là một tín ngưỡng tôn giáo. Thời kỳ sơ khai văn minh nhân loại, đặc biệt khi lực lượng sản xuất của xã hội chưa phát triển, sức kéo của gia súc là tư liệu kiếm sống chủ yếu của con người. Chính vì thế, người Ấn Độ tôn sùng loài bò. Điều này được thể hiện trong các con dấu đều được khắc hình con bò. Có thể nhận định rằng, bò là con vật có vị trí quan trọng trong đời sống của người dân. Bởi vì, bò có đóng góp vô cùng to lớn vào việc canh tác nông nghiệp thời nguyên thủy, bản thân nó cũng là một con vật hiền lành, biết nghe lời. Người Ấn Độ cho rằng, bò chính là loài vật do thượng đế ban cho, vì thế họ kịch liệt phản đối việc lấy thịt bò làm thực phẩm. Phong tục này dần dần trở thành tín ngưỡng của người dân Ấn Độ.





Cho đến nay, người ta vẫn còn lưu lại một số di tích đầu tiên về ẩm thực. Người Ấn Độ phần lớn không ăn thịt bò, thịt lợn, thịt gà, tôm, cá cùng với cơm.

HÔN LỄ VÀ VĂN HÓA TÌNH DỤC TRONG GIA ĐÌNH ẤN ĐỘ

Từ xa xưa, Ấn Độ cổ đại đã bước vào xã hội phụ hệ. Trong gia đình, quyền lực của người cha lớn nhất. Người đàn ông có quyền quyết định mọi việc, cho nên việc kết hôn của con cái cũng đều do người cha định đoạt. Hơn nữa, ở Ấn Độ còn tồn tại một phong tục gả con gái vô cùng đặc biệt. Sau khi con gái trưởng thành, người cha sẽ dẫn đến chợ, không mặc áo. Việc làm này nhằm mục đích phơi bày sự trưởng thành của mình với mọi người qua đường, thể hiện mình khỏe mạnh, có khả năng sinh sản tốt. Nếu lọt vào mắt người con trai nào đó, trong khi cô gái cũng đồng ý, họ sẽ lập tức được phép trở thành vợ chồng.

Chế độ dòng tộc của người Ấn Độ cũng là một vấn đề quan trọng trong hôn nhân. Việc kết hôn được dòng tộc quản lý vô cùng nghiêm ngặt. Sau này có quy định,



Nhiều trẻ em Ấn Độ bị ép kết hôn từ rất sớm.



những người khác dòng tộc có thể kết hôn với nhau. Tuy nhiên chỉ có những người con trai cao quý mới được phép cưới cô gái ở đẳng cấp (tầng lớp) thấp hơn. Ngược lại, người con trai thuộc tầng lớp thấp không thể cưới những cô gái ở tầng lớp cao.

Người Ấn Độ còn có phong tục đồng hôn hủ lậu, nghĩa là chỉ được lấy trong cùng một dòng tộc. Bởi vì, Ấn Độ cổ vô cùng coi trọng những bé gái đồng trinh. Đồng hôn có thể bảo đảm sự trinh tiết của những bé gái đó. Người phụ nữ ở Ấn Độ cổ đại không có bất kỳ quyền lợi, địa vị gì, luôn phải chịu sự thống trị của nam quyền. Theo quan niệm của người Ấn Độ, các chàng trai trưởng thành không chỉ có nhiệm vụ kết hôn, còn phải nuôi dưỡng con cái. Đây chính là trách nhiệm, nghĩa vụ chủ yếu của họ. Mặt khác, nếu người nào không hoàn thành việc duy trì nòi giống sẽ bị trừng phạt. Điều này có liên quan đến môi trường sông khi đó: Chỉ thông qua sinh đẻ mới có nhiều người để chống lại thiên tai, chiến thắng tự nhiên.

ĐÁM CƯỚI TRUYỀN THỐNG Ở ẤN ĐỘ

Trong đám cưới, cô dâu và chú rể phải thực hiện rất nhiều nghi thức. Đây là nét đẹp văn hóa đáng tự hào của người Ấn. Khi chuẩn bị lấy chồng, hầu hết phụ nữ Ấn Độ đều mang theo trang phục cưới cùng các vật dụng cần thiết cho hôn lễ. Mũ là loại thường được dùng trong các lễ cưới ở Ấn Độ. Mũ dành cho chú rể được gọi là khăn Kalgi. Phụ kiện của chú rể còn có thêm mạng che mặt làm bằng những chuỗi hạt.



Trước ngày cưới, các cô dâu Ấn Độ phải trải qua nhiều nghi thức. Theo phong tục, 3 ngày trước khi cử hành hôn lễ, mỗi ngày, cô dâu Ấn Độ đều phải tắm 3 lần. Sau khi tắm, cô dâu ngồi yên để bà con, họ hàng đến chúc phúc. Trong lúc chúc phúc, từng người thân sẽ đến bên cạnh, dùng một số loại hương thảo đã được xay nhuyễn thoa lên người cô dâu. Kem nghệ được dùng để xoa lên da mặt, tay, chân của cô dâu. Người Ấn cho rằng, kem nghệ không những có tác dụng làm đẹp da, còn mang đến hạnh phúc cho cô dâu.



Teeka là loại trang sức được đeo trước trán của cô dâu. Bông tai của cô dâu sẽ có hình dáng rất dài. Một loại trang sức độc đáo của người Ấn mà các dân tộc khác không có đó là vòng đeo mũi. Nó thường có một sợi dây dài gắn lên tóc hoặc vành tai. Trong bộ trang sức truyền thống của Ấn Độ còn có thêm 2 chiếc vòng. Nhà gái thường phải chuẩn bị một bộ trang sức đầy đủ như thế cho cô dâu trong ngày cưới.

Có thể thấy, Ấn Độ là một trong những quốc gia có nghi lễ cưới hỏi truyền thống nhiều màu sắc nhất trên thế giới.



— Chương mười một

BÍ MẬT CỦA CÁC KIẾN TRÚC



1. Kiến trúc tòa thành Zimbabwe

Zimbabwe - vùng cây cối xanh tốt, um tùm với một tòa thành cổ bằng đá thần bí bị bỏ hoang sớm đã biến thành đồng hoang tàn. Tòa thành này vốn được xây bằng bùn bao quanh không cân bằng, khiến cho người ta có cảm giác bóng của nó được in dưới biển. Ngay cả tên của nó cũng có nguồn gốc không rõ ràng. Theo tiếng bản ngữ của người dân địa phương, Zimbabwe có nghĩa là nhà đá. Nước cộng hòa Zimbabwe cũng bắt đầu có tên từ đó. Cho nên đồng hoang tàn của tòa thành này được gọi là Zimbabwe.

Kiến trúc của Zimbabwe bao gồm bức tường hình elíp dài khoảng 265m, cao 9m, phần đỉnh đã bị phá hủy. Hàng đá hoa cương bố trí khít nhau, được gắn với nhau bằng chất liệu kết dính. 6 hình người tinh xảo đã phá vỡ tính liên tục của tòa thành. Ngoài ra, người ta còn phát hiện thấy con đường, toàn bộ cầu thang kiểu gấp khúc. Bên trong cảnh quan hùng vĩ này có bức tường khác rất đặc sắc với chiều dài 91m. Trong đó có 0,9 - 1,2m song song với bức tường hình tròn khá cao, tạo thành con đường hiểm yếu dài. Càng đi về phía sau càng rộng lớn, cuối đường có một cánh cửa gọi là cửa





Tòa thành Zimbabwe.

Ngày 3, tháng 9, năm 1871, nhà Địa chất học người Đức tên là Karl Moehle phát hiện ra tòa thành đồ sộ này cho rằng, họ đã khám phá được kho tàng cung điện của Solomon trong truyền thuyết. Thực chất, nơi đây cùng với một số đồng hoang tàn khác là toàn bộ di tích của một đế quốc không còn tồn tại trong lịch sử. Nguyên nhân là do Zimbabwe được xây dựng bởi dân tộc da đen từ thời trung cổ. Đây là thành tựu đỉnh cao của nền văn minh đồ đá phát triển đến thời kỳ hưng thịnh ở phía Nam sa mạc Sahara, châu Phi. Thế nhưng, làm thế nào lại có thể xây dựng được một công trình kiến trúc thần kỳ như vậy? Zimbabwe còn ẩn chứa những thần bí nào? Cho đến nay vẫn chưa có ai có thể giải đáp điều này.



2. Quần thể đá khổng lồ ở Salisbury

Trận đá khổng lồ ở Salisbury nước Anh đã thu hút sự chú ý của mọi người. Trên vùng đồng bằng rộng lớn cách xa thành phố, hàng chục khối đá lớn nặng hàng trăm tấn mấy tấn đứng sừng sững, xếp thành một vòng tròn. Những khối đá này nhẵn nhụi, hình dạng bên ngoài tương tự nhau. Khoảng cách giữa chúng cũng tương đối bằng nhau, nhìn giống như hàng chục người khổng lồ đang ngồi quây quần bên nhau bàn bạc một việc thần bí.

Vào thời trung cổ từng lưu truyền rất nhiều huyền thoại về trận đá khổng lồ. Có người kể rằng, mưu thần Merlin của đức vua Arthur dùng ma thuật bày trận đá được vận chuyển từ Ireland tới nước Anh làm nơi mai táng sau khi chết. Người khác lại cho rằng, người La Mã cổ đại đã tạo ra trận đá, kiến trúc đặc biệt này là cung điện của thiên thần Syrah. Một số người nói: Trận đá khổng lồ do người Đan Mạch xây lên làm nơi tổ chức các nghi lễ. Họ chọn nơi đây làm vương quốc của mình.

Quần thể những khối đá khổng lồ này không chỉ có ở nước Anh. Nó tồn tại ở Wales, Scotland, Ireland cho tới nước Pháp. Đặc biệt, các nơi như Malta, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Breizh, Corse (Pháp), Sardinia (Italia) đều có thể nhìn thấy. Thậm chí, ở các nước xung quanh vùng biển Baltic như Thụy Điển, Ba Lan, Đức, Đan Mạch cũng đều phân bố quần thể đá này. Ở châu Âu, những khối đá khổng lồ như vậy có khoảng trên 5 vạn.





Hình dạng, kiểu dáng của quần thể đá khổng lồ đều khác nhau, có khối đá hình trụ cao hàng chục mét, cũng có mấy khối lớn đặt bên nhau thành đồng. Sau đó trên những khối đá này đặt thêm khối đá lớn vắt ngang lên. Những khối đá lớn này xếp lại với nhau sẽ tạo thành hàng cột đá đứng thành hình tròn còn được gọi là vòng tròn cột đá. Hàng cột đá nổi tiếng nhất là ở Karnak của Breizh. Nó là hàng cột đá được cấu tạo từ 3.000 khối đá nối tiếp nhau thành hàng dài 6km. Trong số khối đá lớn ở Breizh, khối đá cổ nhất có lịch sử lâu đời hơn Kim tự tháp Ai Cập 1.000 năm, có thể vào khoảng năm 3800 trước Công nguyên.

Có thể nói, Karnak là điển hình của hàng cột đá. Trong khi đó, đại diện của vòng cột đá chính là quần thể cột đá Salisbury. Quần thể cột đá Salisbury có đường kính của vòng tròn bên ngoài khoảng 100m, ngoài ra còn một bờ bao quanh. Phía Đông Bắc của bờ có một lối vào rộng khoảng 10m, mặt ngoài là một đường thông đạo rộng tương đương.

Khoảng năm 1800 - 1400 trước Công nguyên, quần thể đá khổng lồ được xây dựng một cách thần bí. Trong lịch sử khai phá của nhân loại, thời kỳ phần lớn Kim tự tháp Ai Cập đã hoàn thành. Người Hyksos của dân tộc du mục Asiatic di cư vào Ai Cập, thống trị đế quốc Ai Cập cổ đại. Sau đó, nhân dân Ai Cập không cam lòng bị chinh phục, dũng cảm đấu tranh chống lại giặc ngoại xâm. Cuối cùng, họ đã đẩy lui người Hyksos ra khỏi đất nước, xây dựng lại vương triều thứ 18 của Ai Cập, sáng lập nên vương triều mới. Trên vùng đồng bằng Mesopotamia (Lưỡng Hà) tuyệt đẹp họ lấy Hammurabi



làm nơi định đô. Khi vừa xây dựng vương quốc Hammurabi - thành cổ nghìn năm giàu có thịnh vượng với cố đô Babylon, họ bị người Kassite quay lại xâm lược. Đất nước cổ kính hàng nghìn năm từ đó đã bị xóa sổ trên bản đồ thế giới. Ở lưu vực sông Ấn từng có một thời kỳ văn minh cổ đại hưng thịnh. Đồng thời dưới sự thống trị của người Ấn Độ, cuối cùng họ cũng không thoát khỏi vận mệnh giống như Babylon, biến mất không còn dấu vết. Trên hòn đảo Crete xinh đẹp xuất hiện nền văn minh Eric Maynor vô cùng phồn hoa. Thế nhưng, hòn đảo Santorini có núi lửa hoạt động dữ dội vào năm 1200 trước Công nguyên cho nên đã bị thiêu hủy hoàn toàn.



Trong khi đó, hòn đảo Britain ở thời kỳ này bước vào thời đại đồ đồng xanh. Đồng xanh chính là hợp kim của đồng và thiếc. Thời đại đồ đồng xanh làm cho bán đảo Cornwall ở phía Tây Nam nước Anh chủ yếu dùng thiếc trở thành vùng đất phồn vinh nổi tiếng khắp gần xa. Bán đảo Cornwall nằm gần sát với những quần thể đá thần bí.

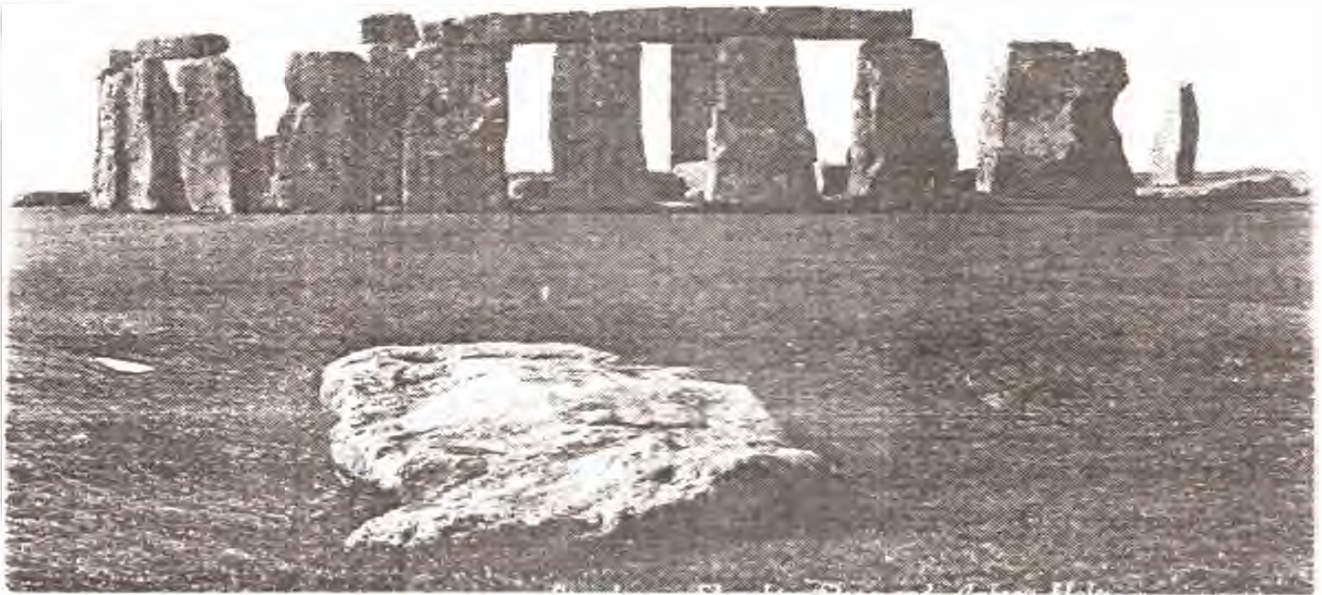


Ở thời kỳ này, sự đột phá của ngành hàng hải giúp cho nền thương mại thế giới ngày càng phát triển hơn. Từ đó, thiếc trên bán đảo Cornwall vô tình trở thành sản phẩm giao dịch chính của nước Anh thời kỳ đồ đồng xanh. Ngành kinh doanh thiếc đã thu hút các nước phương Tây lần lượt tới Anh để hoạt động thương mại. Chỉ một trong thời gian ngắn, nước Anh trở thành vùng đất quy tụ các sản phẩm tinh xảo của thế giới: Ngọc trai Ai Cập, rìu Ireland, mũi tên Kenyon, vũ khí đồng ở khu vực rừng rậm phía Bắc nước Đức, còn có chuỗi ngọc





trai đen của Scotland, vàng, hổ phách được chế thành vật hộ thân. Thương nhân Trung Âu mang tới bình thủy tinh cong, dùng vàng khảm thành chiếc hộp giống đôi mắt. Tại thời điểm này, tất cả những thứ quý giá đều xuất hiện ở nước Anh.



Quần thể đá khổng lồ ở Anh.

Năm 1953, Dickinson - nhà Khảo cổ học khi nghiên cứu về quần thể đá này đã vô tình phát hiện trên đá cát có khắc chiếc rìu, đoạn kiếm kiểu Kenyon. Hơn nữa, đá cát hình trụ nhô lên giống mặt bên. Đây liệu có phải là sự trùng hợp hay không? Lẽ nào những quần thể đá này có nguồn gốc liên quan đến vùng Địa Trung Hải? Phần lớn các nhà Khảo cổ học đều cho rằng, những quần thể đá này được người Essex ở đồng bằng Salisbury vào năm 1800 trước Công nguyên tạo nên.

Quần thể đá khổng lồ được xây dựng từ năm 1800 - 1400 trước Công nguyên. Vậy, người có tâm huyết, khả năng kiến tạo đá khổng lồ đã trải qua khoảng 400 năm để xây dựng công trình lớn như vậy nhằm mục đích gì?



Đá cát hay đá xanh trong quần thể này trung bình nặng 30 tấn, trong đó có khoảng 80 khối đá cát. Chúng đều được vận chuyển từ quần thể đá cách Eboue 30km về phía Bắc. 80 khối như nhau nặng khoảng 4 tấn gồm đá xanh sáng, đá lưu vân được di chuyển từ núi Surry phía Tây xứ Wales tới. Trong khi đó, từ Surry tới vị trí của quần thể đá này chỉ tính khoảng cách đường thẳng cũng đã trên 200km. Chúng được vận chuyển bằng đường bộ dài 40km, đường thủy 350km. Nguồn nhân lực cần thiết để tạo ra quần thể đá này vào khoảng trên 1,5 triệu người. Số lượng người cần để vận chuyển khối đá khổng lồ này tới công trường cần tới 1 - 2 triệu trong 1,1 triệu ngày. Điều này quả là khó tưởng tượng. Trong khi đó, việc kiến tạo quần thể đá này còn cần tới kỹ xảo tương đương. Vậy, vì sao con người ở thời đại đó phải tạo ra những khối đá khổng lồ này? Vì sao thiết kế của quần thể đá này lại gần với phương hướng của Thiên văn học? Lẽ nào nó thực sự là đài quan sát thiên văn của thế giới? Nó có ý nghĩa đặc biệt nào đó không? Hay nó tượng trưng cho phương hướng di chuyển của mặt trời?



Bí ẩn quần thể đá thu hút các nhà Khảo cổ học, Thiên văn học. Mọi người bước đầu đã có những phán đoán, liên kết sự kiện về quần thể đá như sau:

Chia việc xây dựng quần thể đá ra thành 3 giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, đào khe hình tròn lớn, đào đất, đặt sang hai bên hố, sau đó chỉnh sửa đê kê của hai mặt trong, ngoài. Quần thể đá ngày nay có vòng bên ngoài hầu như không tồn tại. Tiếp theo, tiếp tục cắt





đoạn đê của hai bên, hướng Đông Bắc trong đó được làm thành lối vào.

Giai đoạn thứ hai: Trước tiên, xây một con đường từ lối vào cửa để hướng ra ngoài dài khoảng 3km. Sau đó, men theo con đường này sẽ là 80 khối đá lớn (mỗi khối trung bình nặng 4 tấn) xếp thành vòng tròn tâm nằm bên trong, hình thành hai vòng đá lớn. Hơn nữa, đá xanh xung quanh hai mặt trong, ngoài được nằm đối xứng nhau.

Giai đoạn thứ ba: Di chuyển 80 khối đá cát (mỗi khối nặng trung bình 30 tấn), xây thành 5 nhóm 3 tháp đá. Từ 30 khối đá cát hình tròn vây thành 3 tháp đá tròn như hình móng ngựa. Trong thời gian này, đá xanh ở vị trí chân ngựa được dựng từ hình đá cát đã bị đứt gãy, cho nên phải dựng lại. Cuối cùng hình móng ngựa được vây thành từ 19 khối đá xanh, dùng khoảng 59 khối đá khác vây thành vòng tròn. Đây chính là vòng tròn đá ở đồng bằng chúng ta thấy ngày nay.

Tuy nhiên, tất cả những vấn đề về việc xây dựng quần thể đá đều chỉ là suy đoán của con người bây giờ.



3. Kho báu trong đường hầm lớn

Năm 1965, một học giả người Argentina tên là Nasief Magammat Molis đã phát hiện ra một số văn vật có giá trị lịch sử, văn hóa rất lớn của nhân loại trong đường hầm thuộc tỉnh Caballeros. Hiện nay, nơi là một phần của cộng đồng tự trị Castile, Leon, Tây Ban Nha, thánh địa Moloch nước cộng hòa Ecuado. Những văn vật này chủ yếu bao gồm hoành phi đá kim

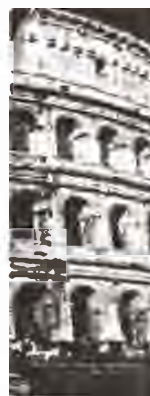


loại có hình dạng, màu sắc khác nhau, khắc hoa văn hình học, chữ. Những tấm hoành phi này có thể lưu giữ một giai đoạn lịch sử khá lâu đời. Đồng thời, đây cũng là bằng chứng về nguồn gốc của nhân loại hoặc thông tin văn hóa bị thất lạc nào đó. Ông Nasief Magammat Molis đã đề nghị Tổng thống Ecuado thành lập một hội đồng khoa học để giám định, đánh giá giá trị của những văn vật này. Đồng thời, ông còn cung cấp vị trí chính xác, lối đi vào đường hầm.

Năm 1965, Nasief Magammat Molis tới Ecuado bước sang tuổi 50 quyết định đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề dân tộc, Nhân chủng học của địa phương. Tuy nhiên, trong một lần điều tra nghiên cứu vào tháng 6, ông đã vô tình phát hiện thêm một đường hầm không rõ nguồn gốc. Ngày 4, tháng 3 năm 1972, nhà Khảo cổ học Franz và Mcdevitt làm thành một nhóm điều tra khoa học, dưới sự dẫn dắt của Nasief Magammat Mollis một lần nữa tiến hành điều tra tìm hiểu đường hầm này.

Cửa đường hầm từ một khe đá vôi thông với nhau tạo thành. Sau mấy đêm mò mẫm vượt qua cánh rừng âm u, rừng rợn ở nơi đây, Nasief Magammat Mollis đã tìm ra một điều bất ngờ. Nơi đây là khu vực của bộ lạc Indian anh dũng, thiện chiến. Lối vào thần bí này chính là cửa của đường hầm. Đường hầm cách mặt đất Ecuado Peru tới vài trăm kilômét.

Đội điều tra đã tiến vào thế giới dưới lòng đất thần bí. Sau khi vào hầm, họ thấy một đoạn đường hẹp, dài, tối tăm, cho nên phải bật đèn pin, đèn chiếu sáng.





Đường hầm hướng thẳng xuống dưới, họ dùng một sợi dây thừng thả xuống nóc đầu tiên khoảng 75m, sau đó men theo sợi dây để đi xuống.

Tiếp theo, họ lại men theo sợi dây thả xuống ở nóc thứ 2, thứ 3, chiều cao của mỗi nóc đều 75m. Xuống tới đáy động, Nasief Magammat Mollis dẫn đầu đội thám hiểm tiến về phía trước. Franz chú ý tới chỗ ngoặt của đường hầm đều là hình góc đối, một số chỗ rất hẹp, đôi khi rất rộng. Toàn bộ lỗ trên tường đều nhẵn mịn, đáy lỗ bằng phẳng. Có nhiều chỗ giống như được sơn bằng chất liệu phát sáng. Điều này nghĩa là đường hầm này không phải hình thành tự nhiên.

Franz và Mcdevitt nghi ngờ, liệu con đường này thực sự tồn tại hay không? Bởi vì trước mắt họ mãi chỉ toàn sương mù. Họ đi tới một lối vào của đại sảnh. Đại sảnh đó rộng, giống với trung tâm phân phối hoặc nhà kho, trong đó có nhiều lối đi.

Franz dùng la bàn để đo phương hướng của những con đường này nhưng không có tác dụng do ở đây có phóng xạ. Trong lối vào của một con đường có một bộ hài cốt trên mặt đất, trên mặt rắc đầy phấn vàng. Nhân viên điều tra dùng đèn soi lên, bộ xương bỗng phát sáng.

Nasief Magammat Mollis, Franz, Mcdevitt đã tìm thấy rất nhiều thứ ngoài sức tưởng tượng. Trong hang tĩnh lặng kỳ lạ chỉ có tiếng bước chân, tiếng thở, tiếng chim bay qua. Họ đứng chết lặng ở giữa một sảnh đường rộng lớn.

Diện tích của đại sảnh này khoảng 140 x 150m. Giữa đại sảnh có một chiếc bàn, mép phải đặt 7 chiếc



ghế. Ghế làm bằng đá, gỗ hoặc kim loại. Nó giống như được gắn bằng một loại keo cứng nặng như sắt, thép.

Mặt sau của 7 chiếc ghế trang trí nhiều mô hình động vật không theo quy luật. Hình ve sầu, sư tử, cá sấu, khỉ, trâu rừng, trâu nước của Mỹ. Điều khiến người ta kinh ngạc nhất là những động vật này đều được làm từ vàng ròng. Bên phải bàn bố trí tám hoành phi bằng vàng rằm kim loại Nasief Magammat Mollis từng đề cập tới. Rằm kim loại dày 65mm, rộng 18m. Sau một hồi kiểm tra cẩn thận, Franz vẫn không thể biết được những tám rằm này sử dụng chất liệu gì để chế tạo. Bởi vì, những kim loại đó xem ra vô cùng mỏng, yếu nhưng dựng nên lại không bị cong xuống. Chúng giống như một cuốn sách mở ra đặt lên đó, từng trang dính vào nhau. Mỗi khối rằm kim loại đều có hàng chữ dùng máy ép lên.

Theo đánh giá của Franz, tám rằm kim loại này ít nhất cũng phải có tới 2.000 - 3.000 miếng. Vấn đề là loại chữ trên những bức hoành phi này không ai có thể hiểu được. Ông cho rằng, người sáng lập thư viện kim loại ở đây chắc chắn muốn lưu truyền những tài liệu quan trọng này cho mai sau để nó không bị lãng quên. Nasief Magammat Mollis còn tìm thấy một viên đá khắc ở đại sảnh, cao 11,43mm, rộng 6,35mm. Ở giữa khắc hình người, hình lục giác quanh thân, đầu hình tròn, tay phải cầm nửa vầng trăng, tay trái cầm mặt trời. Điều khiến cho người ta kinh ngạc là hai chân của người này đứng trên một quả địa cầu. Viên đá được làm thành từ năm 9000 - 4000 trước Công nguyên. Điều này cho thấy cư dân đầu tiên thời đó đã biết trái đất hình tròn.





Franz cho rằng, hệ thống đường hầm này đã tồn tại từ thời đại đồ đá xưa. Ông cầm một viên đá khắc hình động vật lên, nhận thấy nó cao 29,21mm, rộng 50,32mm. Động vật được biểu thị trên bức họa có cơ thể to lớn, chúng dùng chân sau thô, to của mình trườn bò trên đất. Hình khắc trên đá giống như một chú khủng long. Lẽ nào có người đã từng nhìn thấy khủng long?

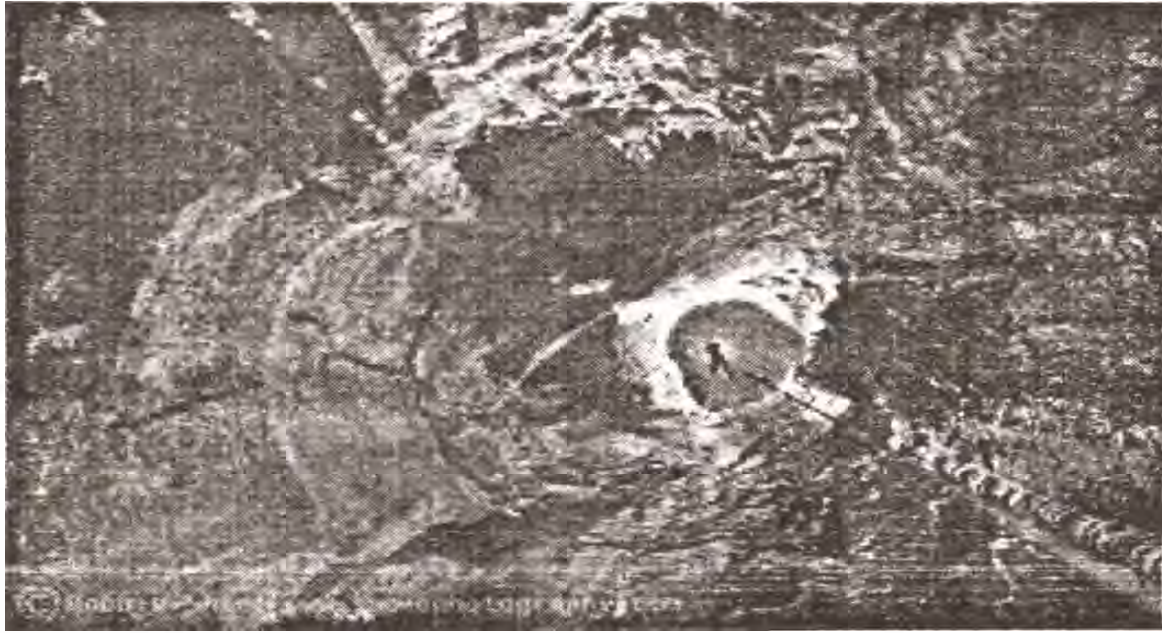
Một viên đá thần bí nữa. Vẽ hình bộ xương người đàn ông. Franz quan sát chi tiết, cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Bộ xương của người này được khắc 12 đôi xương sườn. Nasief Magammat Mollis đưa cho Franz xem mô hình của một tòa vũ trụ. Phía trên đó vẽ một vài bức tượng người mặt đen, tượng người đầu đội mũ, tay cầm một vật hình chiếc súng.

Trên đỉnh tròn của vũ trụ vẽ một vài bức tượng bay trên không trung. Franz nghĩ rằng, mô hình vũ trụ này có thể là kiến trúc đỉnh tròn cổ nhất. Ngoài ra còn có rất nhiều tượng người bay trên không khiến cho Franz cảm thấy không thể tưởng tượng nổi.

Một bức tượng người với chiếc mũi hình cầu, quỳ dưới chân cột đá, đầu anh ta có một chiếc tai che kín hết đầu giống với chiếc tai nghe chúng ta sử dụng thời nay. Một đôi khuyên tai có đường kính 5mm nằm sát bên đầu trên đó khoan 15 lỗ nhỏ. Trên cổ anh ta có sợi dây chuyền với mặt hình tròn, phía trên gồm nhiều lỗ nhỏ. Nó tương tự như chiếc ống nghe điện thoại của chúng ta ngày nay.

Đường hầm này cùng bên trong nó lưu giữ rất nhiều báu vật của thế giới, có thể nói là trước nay chưa từng thấy. Những bức tượng đá cao 1,8m đó có bức có 3

đầu, 7 đầu. Trên hoành phi hình tam giác có khắc chữ không ai có thể lý giải được. 6 mặt trên của bức tượng khắc một số hình chữ nhật.



Đường hầm bí mật ở Ecuador.

Không ai biết hệ thống đường hầm này do ai xây dựng, cũng không hiểu những vật quý này là do ai để lại. Theo lời của Nasief Magammatt Mollis, lối vào của đường hầm này do sự bảo vệ của bộ lạc Indian hoang dã. Những người Indian và 3 tộc trưởng của họ đều coi Indians là người bạn đáng tin cậy.

Ngày 21, tháng 3 hàng năm, các tộc trưởng phải xuống bậc thứ nhất của đường hầm để tiến hành nghi lễ cầu khẩn. Hai bên trán của tộc trưởng đều được dán phù hiệu giống như trên đá ở cửa của đường hầm. Nó là vật tượng trưng cho sự bình yên. Ngoài tộc trưởng ra những người khác lại không được vào trong đường hầm. Họ cho rằng, bên trong đường hầm là nơi ma quỷ trú ngụ. Đi trong đường hầm quanh co này, Franz cảm thấy có điều gì đó rất kỳ lạ, cánh cửa của đường hầm tự

động đóng lại. Đội điều tra men theo con đường cũ để ra khỏi huyệt động này, tới giáo đường Maria của Ecuador. Bởi vì đức cha Ricardo còn đang giữ rất nhiều bảo vật từ đường hầm này.

Đức cha Ricardo đã sống ở Gain 45 năm. Trong 20 năm qua, cha đã thu thập được rất nhiều đá khắc, chế phẩm vàng bạc của người Indian. Đức cha đưa đội điều tra tới tham quan khu lưu trữ của mình. Gian phòng đầu tiên thu giữ đá khắc, gian phòng thứ hai có nhiều vàng, đồng, những tác phẩm nghệ thuật kim loại khác. Toàn bộ chế phẩm vàng ròng của đế quốc Inca đều được đặt trong gian phòng này.

Franz chú ý tới khối bảng vàng cao 52mm, rộng 13mm, dày 1,3mm, trên mặt có 56 ô vuông, mỗi ô khắc những tượng người khác nhau. Trên những tấm rèm trong thư viện kim loại ở đường hầm, Franz đã từng thấy, những bức tượng người giống hệt những bức tượng này. Có thể thấy người chế tạo phải dùng tới 56 ký hiệu hoặc chữ cái tổ hợp thành những đoạn văn này. Đặc biệt là, tượng người phụ nữ được chế thành từ vàng ròng với chiều cao 30mm, hai hình tam giác ở trên đầu, phía sau có đôi cánh nhỏ, một sợi dây vàng hình xoắn ốc từ tai kéo xuống.

Bộ ngực cô đầy đặn, hoàn mỹ, hai chân đứng thẳng, trên đỉnh đầu có một hình cầu. Hình sao lộ ra ở hai bên bức tượng cho thấy cô không phải là người trần thế. Có thể cô đến từ một hành tinh khác.

Mcdevitt nhìn thấy một chiếc bánh đồng có đường kính 21,25mm, hình vẽ trên mặt thể hiện rất rõ nét. Hai con côn trùng đang bay lượn, hai mặt trời đang



cười, một khuôn mặt hình bán nguyệt chau mày, một chòm sao lớn, hai hình tam giác. Giữa chiếc bánh đồng có rất nhiều vật tròn nhỏ nhô lên mang ý nghĩa đặc biệt nào đó.

Lượng rèm kim loại do đức cha Ricardo lưu giữ đều khắc đuôi sao, mặt trăng, mặt trời, rắn. Ở giữa miếng rèm vàng trong số đó có một Kim tự tháp, hai bên khắc một con rắn, trên mặt có hai mặt trời, phía dưới là hai vật kỳ quái, hai đầu con vật giống như đầu dê, bên trong Kim tự tháp có rất nhiều khoanh tròn. Trên một tấm rèm kim loại khác khắc Kim tự tháp, hai con báo châu Mỹ lần lượt nằm hai bên. Đáy của nó khắc chữ, hai con voi ở hai bên. Khoảng 12.000 năm trước, voi xuất hiện ở Nam Mỹ, thời đó trên trái đất vẫn chưa có nền văn minh. Điều đặc biệt là đức cha Ricardo đã từng nhìn thấy chiếc máy may thứ ba bằng mô hình vàng thời tiền sử. Chiếc thứ nhất ông được nhìn thấy ở viện bảo tàng Paul Huada của Columbia, chiếc thứ hai vẫn nằm trong đường hầm. Từ nhiều năm nay, các nhà Khảo cổ học đã xem máy bay mô hình này là vật trang trí của tôn giáo.

Tiến sỹ Arthur Phelps thuộc học Viện cơ khí hàng không New York qua thí nghiệm cho rằng: Nếu coi máy bay mô hình này thay cho con cá hoặc con chim hoàn toàn không đúng. Từ cánh hình chữ nhật, đầu máy hình đường thẳng, bánh lái có kính chắn gió rất giống với chiếc máy bay B52 của Mỹ. Nó thực sự là mô hình của một chiếc máy bay.





4. Những cột đá cao chọc trời

Trên di chỉ thành Aksum - thủ phủ cổ đại của Ethiopia thuộc châu Phi đến nay vẫn còn 14 chiếc cột đá khổng lồ hình tứ trụ. Mỗi cột đá cao tới 35m, nặng từ 200 - 300 tấn. Chúng đều dùng đá hoa cương khổng lồ cắt ra. Trên cột đá có cửa sổ hình vuông, từng lớp chồng lên nhau, nhìn từ xa giống như một tòa cao ốc khổng lồ. Theo giám định của các nhà Khảo cổ học, chúng được khắc thành từ 2.000 - 3.000 năm trước. Vì sao người cổ đại lại khắc những cột đá này thành hình dạng lâu cao chọc trời? Bởi vì, dù trên trái đất lúc đó không có máy nâng loại lớn, cũng không có thiết bị động lực cực đại, rốt cuộc người cổ đại dùng phương pháp nào để dựng khối đá khổng lồ kia đứng lên? Điều này thực sự khiến cho người ta phải nghi ngờ. Có người nói rằng, thành Aksum cổ đại có một kỹ thuật tuyệt vời dùng để đúc đá. Những cột đá hình tứ trụ khổng lồ này có khả năng được vận dụng tuyệt kỹ này chế tạo thành. Tuy nhiên, con người từ mấy nghìn năm trước liệu đã có được tuyệt kỹ này chưa? Câu hỏi này đến nay vẫn còn là một bí ẩn.

5. Bí ẩn đồng tiền lớn ở Nhật Bản

Trên vùng biển ở Nhật Bản có một hiện tượng vô cùng kỳ lạ. Một bản vẽ hình đồng tiền rất lớn. Bản vẽ này có hình khối, cát để xây thành. Khi đi bộ trên bãi biển, mọi người không cảm thấy nó giống một bản vẽ, họ lầm tưởng đó là một khe cát. Thế nhưng, khi nhìn từ

dưới lên ngọn núi bên cạnh bờ biển, bạn sẽ thấy một sự thần kỳ: Khe cát này hiện lên bản vẽ hình đồng tiền lớn. Ở đây, bạn có thể thấy được kết cấu hình tròn này giống với tiền đồng thời cổ đại Trung Quốc. Ở giữa khoang cát tròn có một lỗ hình vuông, xung quanh khắc 4 chữ lớn “vĩnh khoan thông bảo”. Bản vẽ hình đồng tiền này quyết định có từ bao giờ? Mọi người đã tiến hành nghiên cứu thực địa. Sau khi đo đạc họ phát hiện thấy vấn đề mới. Hóa ra, bản thiết kế mọi người nhìn thấy không phải hình tròn tuyệt đối. Nó là một hình elíp, xung quanh dài 354m, chiều dài Đông Tây 122m, chiều rộng Bắc Nam 90m.

Vậy, hình tiền lớn này được hình thành thế nào? Năm 1633, tức là niên đại Vĩnh Khoan năm thứ 10, người dân địa phương vì nghênh tiếp vị minh chủ tới đã đào cát tu tạo thành. Nó được lưu giữ cho tới ngày nay.

Ngoài ra còn có một truyền thuyết gọi miếu thần trên đỉnh núi gần đó là bát cung thần. Vào một đêm năm 703 (tức là năm Đại Bảo thứ 3), 8 đại thần ngồi trên một con thuyền phát quang, từ cung thần vũ trụ bay tới nơi đây. Sau khi phi thuyền bay đi, nơi nó hạ xuống đã có bản vẽ này. Do đó, người địa phương xây dựng tòa cung thần này để cúng tế 8 đại thần.

Bản vẽ cũng như truyền thuyết bí ẩn này làm người ta liên tưởng tới những bản vẽ khổ lớn ở vùng đồng bằng Nazca thuộc Peru. Những bản vẽ lớn đó cũng chỉ có thể nhìn từ trên cao xuống. Mọi người cho rằng, đó là kiệt tác của người vũ trụ, người thường không thể tạo ra được. Vậy, bản vẽ hình đồng tiền đó có phải là vật kỷ niệm của người vũ trụ hay không? Đại thần từ vũ trụ





tới trong truyền thuyết có phải chính là người ngoài hành tinh tới từ vũ trụ không? Con thuyền phát quang họ đã ngổi có phải là đĩa bay mọi người đã tìm thấy không? Nếu như vậy, người vũ trụ vì sao lại tới trái đất để tạo ra bản vẽ này? Nó có ý nghĩa gì? Vấn đề này rất khó để tìm được đáp án thực sự.

Có người dùng cái nhìn thu lại trong vũ trụ, tới nơi tổ tiên loài người xa xưa để tìm lời giải cho bài toán. Họ cho rằng, hình vẽ hình đồng tiền khổng lồ này đơn giản chỉ kiệt tác của người trái đất, kết tinh của trí tuệ tập thể. Họ đoán khi sáng tạo kỳ tích này, người chỉ huy đã đứng trên đỉnh núi ven biển, hướng dẫn mọi người thông qua lá cờ cắm trên bãi biển. Tất cả đều thống nhất thực hiện theo sự để hoàn thành được công trình vĩ đại này. Bởi vì chỉ có như vậy, bản vẽ hình đồng tiền họ tạo ra mới có thể giống hình tròn, đồng thời giống như đồng tiền ngày nay.

Cho dù giải thích thế nào cũng không thể xóa bỏ được nghi vấn của mọi người. Những bí ẩn về bản vẽ hình đồng tiền lớn đang chờ cần chúng ta từng bước khám phá.



— Chương mười hai

BÍ MẬT CỦA CÁC VÙNG ĐẤT



1. Núi Himalaya

Núi Himalaya - xứ sở của băng tuyết được hình thành từ quần thể núi nguy nga, sừng sững với những ngọn núi đồ sộ mọc lên giữa trời. Những truyền thuyết về tuyết được lưu truyền, sự kiến tạo các cao nguyên cũng được thể hiện ở đây. Nơi này chứa đựng những hoài bão, chí hướng anh hùng của nhân loại, ghi chép những câu chuyện về quá trình chinh phục thiên nhiên của con người.



Đãy núi Himalaya quanh năm bao phủ tuyết trắng.

Núi Himalaya nằm ở phía Nam cao nguyên Thanh Tạng. Đây là một hệ thống núi hình cung quay về phía Đông Tây, cao nhất thế giới. Nó chạy qua lãnh thổ các



nước: Tây Tạng (Trung Quốc), Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Butan, chủ yếu phân bố ở nơi giao nhau giữa Trung Quốc và Nepal. Phía Đông Tây có dãy núi dài 2.450km, phía Bắc Nam rộng 200 - 300km, hình cung kéo dài theo hướng Nam. Ngọn núi này quanh năm được bao phủ bởi băng tuyết, thuật ngữ Himalaya có nghĩa là quê hương của băng tuyết.



Himalaya là một trong những dãy núi trẻ nhất thế giới với 10 - 20 triệu năm tuổi. Nó được hình thành do rất nhiều dãy núi có địa hình phức tạp, song song hoặc nhấp nhô. Đỉnh cao nhất là Everest (hay còn gọi là Chomolungma) cao 8.850m so với mực nước biển. Những đỉnh núi cao mọc lên dựng đứng, bạt ngàn. Có tới hơn 50 đỉnh cao trên 7.000m, 16 đỉnh cao trên 8.000m. Đỉnh núi Chomolungma cao nhất thế giới nằm ở biên giới Trung Quốc, Nepal.



MÁI NHÀ THẾ GIỚI

Cao nguyên Thanh Tạng - cao nguyên cao nhất thế giới, ở độ cao trên 4.000m so với mặt nước biển có tên gọi là nóc nhà thế giới. Cao nguyên Thanh Tạng trên thực tế là nơi tập trung của những dãy núi cao. Từ Bắc tới Nam có các núi: Côn Lôn, Kailas, Himalaya... Đây đều là những dãy núi có độ cao từ 5.000 - 6.000m so với mực nước biển. Điểm quan trọng, độc đáo về mặt địa hình đó là có rất nhiều ao hồ. Những hồ này chủ yếu được bổ sung nước nhờ băng tan chảy từ các đỉnh núi cao xung quanh. Hồ nước mặn lớn nhất Trung Quốc - Thanh Hải có độ cao so lớn nhất thế giới. Cao nguyên Thanh Tạng từ xưa đã trở thành nơi sinh sống của dân





tộc Tây Tạng. Địa hình khép kín, xung quanh đều là núi cao làm cho diện mạo, cuộc sống nơi đây mang đậm màu sắc dân tộc.

Đại diện tiêu biểu, nổi bật nhất của văn hóa dân tộc Tây Tạng là cung điện Potala. Nơi đây từng là trung tâm thống trị hợp nhất chính trị, tôn giáo. Cung điện Potala được khởi công xây dựng vào thế kỷ thứ VII thời Tạng Vương Tùng Tán Can Bố, cách ngày nay khoảng 1.300 năm lịch sử.

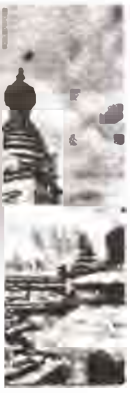
Nó có mối quan hệ mật thiết với hai nhân vật quan trọng của lịch sử Tây Tạng: Tùng Tán Can Bố, Văn Thành. Do đó, nó có ý nghĩa lịch sử tôn giáo vô cùng to lớn.



Cao nguyên Tây Tạng.

Cung điện Potala nằm trên một ngọn đồi cách ngoại ô Tây Bắc của thành phố Lhasa, được mệnh danh là thánh địa nhà Phật khoảng 2km, thuộc khu tự trị Tây Tạng. Theo tín ngưỡng Phật giáo của những người dân nơi đây, ngọn đồi này giống như núi Phổ Đà nơi Quan Âm Bồ Tát ở. Do đó, tiếng Tạng ngữ gọi nó là Bồ Đạt La (có nghĩa là Phổ Đà). Cung Potala trùng trùng lớp lớp,





quanh co uốn lượn, xen kẽ với núi cao có cảnh quan hùng vĩ. Các bức tượng trắng đỏ đan xen, trên đỉnh rực rỡ sắc vàng, có sức thu hút nghệ thuật vô cùng lớn. Bên trong cung có rất nhiều bức bích họa (tranh vẽ trên tường) tạo nên một hành lang dài về nghệ thuật hội họa.



Các điện thờ bên trong bảo tồn, giữ gìn một số lượng lớn những văn vật quý giá, các bức tượng Phật bằng gỗ. Linh tháp cao nhất 14.85m, bên trong có tháp. Tháp được mạ vàng trạm khắc các loại đá quý, xây dựng từ 110.000 lượng vàng.



Một số linh tháp khác tuy không cao bằng linh tháp trên nhưng trang trí bên ngoài đều dùng rất nhiều vàng bạc châu báu có giá trị. Cung điện Potala đạt hành tựu về các mặt: Bộ cục, công trình thợ mộc, luyện kim, hội họa, điêu khắc... nổi tiếng thế giới. Nó thể hiện vị trí quan trọng của dân tộc Tây Tạng. Thành tựu vĩ đại nhất về nghệ thuật kiến trúc dân tộc Tạng là kỹ nghệ thủ công vượt trội của các dân tộc Hán, Mông, Mãn. Nó trở thành tiêu chí phát triển của thành phố Lhasa, biểu tượng về sức sáng tạo của nhân dân, tài sản quý giá của nghệ thuật kiến trúc Tây Tạng. Đồng thời cũng là di sản văn hóa nhân loại độc quyền của cao nguyên tuyết trắng.



THUNG LŨNG KATHMANDU

Thung lũng Kathmandu nằm ở thủ đô Kathmandu, Nepal, chân núi phía Nam dãy Himalaya, có độ cao 1.500m so với mặt nước biển. Nó được coi là trái tim của đất nước Nepal. Sông Dahagnati, sông nhánh chảy qua thung lũng hướng Đông Tây dài 32km, hướng Nam Bắc rộng 25km. Tại đây đã phát hiện được rất nhiều di



chỉ, trong đó tiêu biểu nhất là Bhaktapur - thành phố cổ nổi tiếng với những kiệt tác bằng gỗ chạm khắc.

Nơi đây được liệt vào danh sách các di sản thế giới. Hiện nay, nó là thủ đô của Nepal với diện tích hơn 50km², lúc đầu tên là Kantipur - thành phố ánh sáng. Đây từng là thủ đô hoàng gia, trung tâm Phật giáo. Kathmandu có con đường quan trọng liên thông giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, 3 giáo hội Ấn Độ giáo, Phật giáo, Lạt ma giáo được tập trung ở đây. Trong thành xây dựng kiến thiết rất nhiều đền chùa, Phật tháp. Có khoảng 2.700 ngôi đền chùa, hình thành nên cảnh quan đặc sắc. Đền chùa bao gồm nhiều trong khu nhà ở, tượng Phật có nhiều ở khu dân cư, cho nên nơi này còn được gọi là thành phố của đền chùa. Tháp Phật nổi tiếng nhất Swayambu nằm trong nội thành Kathmandu (phía Tây Kathmandu), tại khu đại Phật tháp cách trung tâm thành phố Kathmandu 8km về phía Đông.



Thung lũng Kathmandu.



Một số người hình dung như sau: “Mỗi con phố cổ của Kathmandu giống như đường hầm thời gian, có thể dẫn thẳng vào lịch sử Nepal”. Tại thành phố này, bất kỳ phương diện nào từ lịch sử, văn hóa đến tôn giáo, chủng tộc đều có thể coi là hình ảnh thu nhỏ của đất nước Nepal.

Thành cổ Putan nổi tiếng của Nepal cũng nằm trong thung lũng này. Butan cách thủ đô Kathmandu 5km về phía Nam, được xây dựng vào năm 298. Đây là thành phố cổ kính nhất, trung tâm thương nghiệp của thung lũng Kathmandu cổ đại. Toàn thành phố được thiết kế dựa trên kiến trúc của Phật giáo, lấy hoàng cung làm trung tâm, hướng vào 4 mặt của tháp. Chính giữa thành phố có một tòa Phật tháp hình bát úp; Cố cung - nơi quốc vương sinh sống được xây dựng trong thành. Bên trong có những cung điện nguy nga, lộng lẫy. Trong thành có 136 ngôi chùa, 55 ngôi đền miếu, mái ngói lợp nhiều tầng. Đây còn là quê hương của các loại hình nghệ thuật tinh xảo.



Phật tháp Swayambu.



Bhaktapur theo tiếng Phạn có nghĩa là thành phố của những tín đồ, cách thủ đô Kathmandu 12km về phía Đông, được khởi công xây dựng năm 389. Thế kỷ XIII, vương triều Malla đóng đô tại đây. Cho đến năm 1768, Bhaktapur luôn là trung tâm văn hóa chính trị của Nepal, khởi nguồn cho kiến trúc, nghệ thuật của đất nước.



Cố cung của vương triều Malla từ 55 cung điện thiết kế theo kiểu cổ, nằm ở giữa quảng trường trung tâm thành phố Bakhtapur. Khoảng 2.700 ngôi đền miếu, những di tích lịch sử khác đã chiếm giữ hết diện tích thung lũng Kathmandu. Bên trong cung có tượng gỗ, gạch hồng, đỉnh đồng điêu khắc, chạm trổ rất tinh xảo, đẹp mắt. Nơi đây thường diễn ra những buổi tụ họp nhỏ của các tín đồ. Bảo tháp, Ấn Độ tháp, Vihara đã góp phần hoàn thiện nên cảnh quan nơi đây.



CHINH PHỤC CHOMOLUNGMA

Ngọn núi cao nhất thế giới Chomolungma nằm trên dãy núi Himalaya ở độ cao 8.848m so với mặt nước biển. Chomolungma theo Tạng ngữ có nghĩa là nữ thần Sơn Tuyết. Có người gọi 3 cực của thế giới chính là Nam Cực, Bắc Cực, Chomolungma. Chinh phục ngọn núi cao nhất thế giới này đối với nhân loại là một thách thức lớn. Nơi đây thu hút rất nhiều những người leo núi muôn đặt chân đến.



Năm 1921, đoàn leo núi đầu tiên của Anh bắt đầu chinh phục đỉnh Chomolungma, leo đến độ cao 7.000m so với mặt nước biển. Năm 1922, đoàn leo núi thứ hai của Anh đã sử dụng bình dưỡng khí leo đến độ cao 8.320m.





Năm 1924, đoàn leo núi thứ ba tiếp tục chinh phục độ cao lớn hơn. Tuy nhiên, George Mallary và Andrew Owens trong đoàn đã bị mất tích. Thi thể của Mallary đến năm 1999 được tìm thấy ở độ cao 8.150m, máy ảnh mang theo người đã bị mất. Vì thế không có cách nào để xác định chính xác anh ta hay Owens là người đầu tiên trên thế giới đặt chân lên đỉnh Chomolungma. Ngày 29, tháng 5, năm 1953, Edmund Hillary 34 tuổi đến từ New Zealand là thành viên của đoàn leo núi Anh, Jenzing Norgay 39 tuổi đã cùng nhau đi theo con đường bên sườn Đông Nam để chinh phục đỉnh Chomolungma. Đây là đoàn leo núi đầu tiên chinh phục thành công đỉnh này.



Chomolungma là đỉnh núi cao nhất thế giới.

Năm 1956, Albert Iger của đoàn leo núi Thụy Sĩ là người thứ hai chinh phục thành công. Ngày 25, tháng 5, năm 1960, người Trung Quốc lần đầu tiên đặt chân lên đỉnh núi Chomolungma. Họ là Vương Phúc Châu, Cống Bó, Khuất Ngân Hoa. Đó cũng là lần đầu tiên chinh phục thành công từ sườn núi phía Bắc. Về sau,



rất nhiều người chinh phục thành công đỉnh Chomolungma, mặc dù không ít người bị băng tuyết bao phủ. Tuy nhiên, leo lên đỉnh Chomolungma vẫn mang lại sức hút lớn với con người. Đó là sự thử thách lòng dũng cảm, sự tự tin, minh chứng cho khả năng chiến thắng tự nhiên của loài người.



Đỉnh núi Chomolungma mang một vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ. Đây là nơi tập trung đông đúc của các hình thức tôn giáo, một vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên vạn vật.



DÒNG SÔNG PHONG CẢNH

Dòng sông Rhine được coi là nhân chứng của lịch sử nhân loại. Dòng chảy của nó tại Tây Âu - lá phổi của văn minh phương Tây là con đường lục địa quan trọng nhất châu Âu. Hai bờ sông Rhine có vùng đất xanh tươi của cỏ, rừng cây. Giữa những vườn nho, thôn làng cổ là những bức họa đồng quê thơ mộng.



Thượng lưu sông Rhine được tính từ đầu đến địa điểm Basle của Thụy Sĩ. Dòng sông có hai đầu nguồn, phân biệt bằng tên tiền Rhine và hậu Rhine. Hai dòng sông hội tụ chảy từ Nam lên Bắc, vào hồ nước ngọt lớn nhất Tây Âu. Sau đó chảy về hướng Tây, đến thành phố biên giới Basle Tây Bắc Thụy Sĩ.

Thượng lưu của nó băng qua các cao nguyên, gập ghềnh, khúc khuỷu dốc, nhiều khe sâu. Dòng chảy xiết, mạnh mẽ, nhiều thác nước, nổi tiếng nhất là thác Rhine. Đây là một trong những thác nước lớn nhất châu Âu. Mọi người đứng ở đây có thể thưởng thức quang cảnh tự nhiên. Cảm giác này giống như

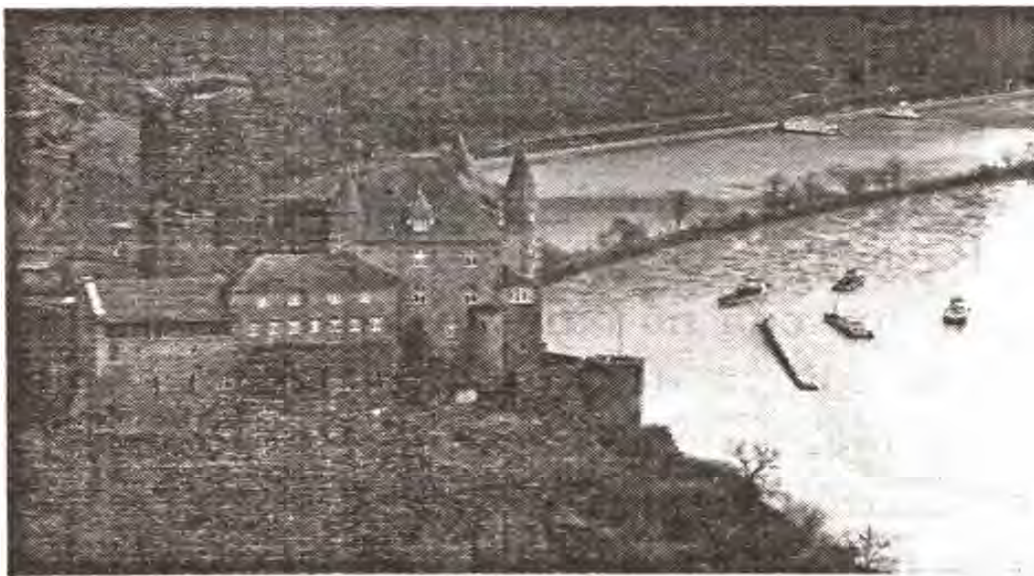




đang tận hưởng tác phẩm nghệ thuật do con người đã tạo ra.

Dòng chảy này đã tạo nên rất nhiều cảnh quan tươi đẹp, có những mái bằng chỉ cách thác nước trong khoảng cách gần. Đứng tại tây, chúng ta có thể cảm nhận được thế nước hùng vĩ, lớn mạnh đổ ập xuống. Tiếng nước ào ào như muôn che mọi âm thanh xung quanh khác, làm cho du khách thán phục. Đây thực sự là tác phẩm kỳ vĩ của tự nhiên.

Cảnh non nước giao hòa, những đỉnh tháp nhọn của giáo đường xen kẽ là cảnh quan điển hình của sông Rhine. Đoạn đẹp nhất khe ở trung lưu Rhine cao 190km là tuyến du lịch về văn hóa rượu nho nổi tiếng nhất thế giới. Hai bên bờ có màu vàng của những tấm biển chỉ hướng gió. Trên những gò đồi của khe sâu là những vườn nho xanh tốt. Đây là khu vườn an lạc giữa chôn nhân gian trong mơ của thi nhân Đức, nó được ví như “vùng đất thượng đế ban thưởng cho sự giàu có”, “vùng đất an lạc của tự nhiên”.



Dòng sông Rhine quanh co là kỳ quan thiên nhiên ban tặng.



Hạ lưu sông Rhine chảy từ Bonn đến cửa biển, qua bình nguyên.


Bình nguyên Bắc Đức, vùng đất trũng Ductch có địa thế bằng phẳng, mặt sông mở rộng, dòng chảy hiền hòa. Sau khi chảy vào Hà Lan cùng với Maas Gaskel - dòng sông hợp thành vùng đồng bằng mênh mông. Vùng hạ lưu Rhine cư trú nhiều dân cư, thành phố đông đúc, nông nghiệp, công nghiệp hiện đại. Trung tâm kinh tế, khu công nghiệp nổi tiếng nhất châu Âu lúc đó được xây dựng trên vùng đất này. Vùng Ruhr bên bờ con sông Ruhr là một nhánh bên phải sông Rhine. Đây từng trở thành trung tâm công nghiệp của Đức, khu công nghiệp quan trọng nhất của Tây Âu, được gọi là bước nhảy của châu Âu.

Đồng bằng sông Rhine là khu vực đường biển nhộn nhịp nhất, bên bờ sông có hải cảng lớn nhất Cologne. Cologne là cửa khẩu của Rhine, cảng khẩu đối ngoại của châu Âu. Thế nhưng, vùng đồng bằng mới chính là bức cảnh đồng quê có hoa nở rộ, thảm cỏ mượt như thảm đệm, bò sữa thả thành bầy, kênh nước chằng chịt.

DÒNG SÔNG VĂN HÓA


Rhine cũng là một dòng sông văn hóa. Từ các quốc gia Rhine chảy qua, du khách có thể hiểu rõ vị trí quan trọng của nó. Nơi đây có âm nhạc của Áo, hội họa, văn học, ẩm thực, thời trang của Pháp, triết học của Đức... Cho dù bờ sông Rhine hoặc dòng chảy chính, nhánh sông nhỏ, du khách đều có thể vào một thành phố, một trường đại học hoặc phát hiện những nhà Triết học, văn học, khoa học, âm nhạc... ảnh






hưởng đến toàn thế giới. Ví dụ như: Kant, Hoffman, Hesse... Nếu du khách yêu âm nhạc cổ điển, họ sẽ tìm thấy những vở kịch của Beethoven, mộ phần của Schumann, kịch viện Wagner, tác phẩm viết tay của Brahms, cây đàn Bach đã dùng... Dòng sông Rhine mang trong mình tất cả những tinh hoa văn hóa nghệ thuật các nhạc sỹ đều hấp thu dòng sữa tư tưởng, sáng tạo. Từ đó có thể thấy, Rhine là dòng sông có sức ảnh hưởng khắp thế giới. Sự tồn tại của mỗi một dòng sông đều mang trong mình một nền văn hóa đặc sắc. Điều khác biệt là sông đã biến dòng nước hiền hòa, văn hóa Rhine hợp thành một thể thống nhất.


DÒNG SÔNG CỦA CÁC TÒA LÂU ĐÀI



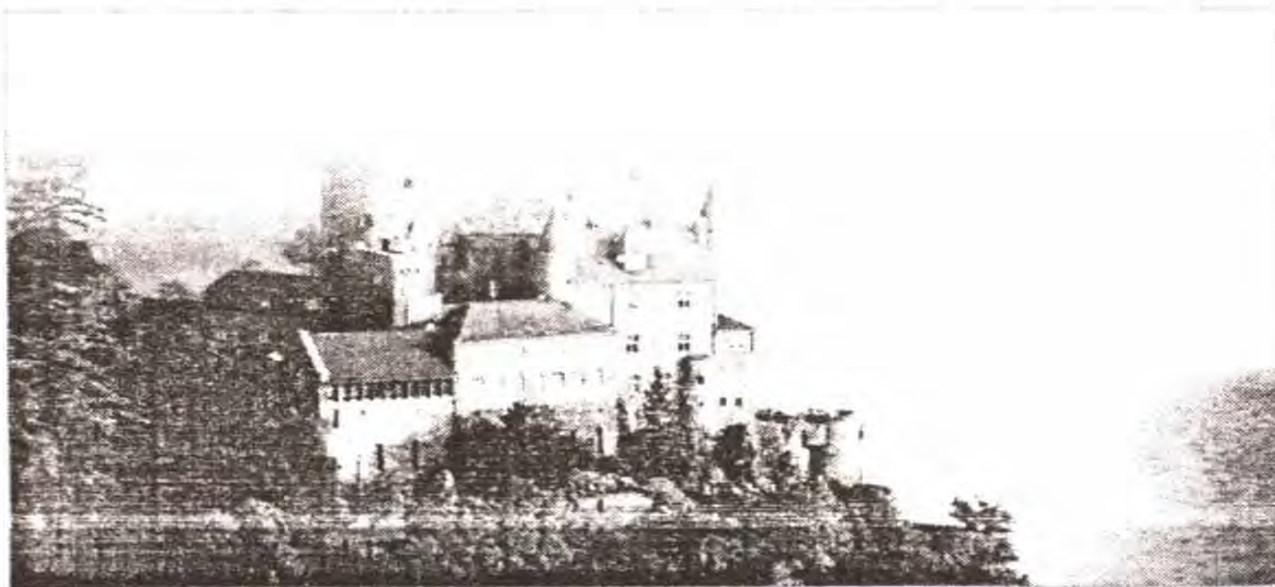
Sông Rhine bắt nguồn từ núi Alps của Thụy Sĩ, chảy qua nhiều lâu đài của các quốc gia. Đoạn chảy qua nước Đức 867km có phong cảnh đẹp nhất trong toàn bộ dòng sông.



Từ giữa Anthraquinone chảy đến Bonn, dòng sông chảy vào vùng núi, khe vực sâu. Nó trở nên khúc khuỷu, gãy đoạn, chảy xiết. Hai bên bờ cảnh đẹp phong phú, khắp nơi giống như thơ, họa với phong cách thời La Mã cổ. Nếu đứng trên tấm thảm xanh rộng lớn của vườn nho hoặc vùng đất cao đều có thể nhìn thấy tòa thành kiên cố sừng sững, nguy nga. Mỗi một cảnh quan, vùng đất nơi đây đều là cảnh tự nhiên được con người tôn tạo. Thành phố trên núi cao làm cho du khách nghĩ đến thành bang to lớn thời xa xưa. Tòa thành này được dùng làm nơi thu thuế của hải quan hoặc tạo nên các lô cốt không thể tấn công. Đôi khi, nó



là một ngọn hải đăng chỉ đường cho tàu thuyền. Để bảo vệ diện mạo nguyên thủy của cảnh vật tự nhiên, dòng Rhine không có cầu bắc qua. Vấn đề lưu thông giữa hai bờ đều dựa vào những chiếc phà.



Lâu đài Kats được ví như ngai vàng trên sông Rhine.

Khu vực dòng chảy Rhine còn có rất nhiều thị trấn nhỏ hấp dẫn con người, trong đó Rudesheim được coi là điểm trung tâm.

Đây là một trong những vùng đất tiêu biểu cho rượu nho trắng nổi tiếng của Đức. Ngoài ra, nó còn có bia tưởng niệm Nidesenlin, bảo tàng phòng họa tổ chim lớn...

Dòng sông Rhine dùng ánh hào quang văn minh hai bên bờ để gợi mở cho trí tuệ nhân loại, dùng ma lực nghệ thuật phong phú để thu hút cái nhìn của con người. Đây là một dòng sông thâm trầm, ý vị sâu xa, giàu dư vị, khắp nơi đều chiếu rọi ánh hào quang của nền văn minh châu Âu.





2. Những kỳ quan thiên nhiên nổi tiếng của bán đảo Italia

Bán đảo Apennine là sự tự hào của người Italia trong vùng biển bao la, tươi đẹp. Đứng trên vùng đất này chúng ta có thể nhìn thấy các tháp nước vang vọng lời hát. Đây là một trong những hòn ngọc minh châu của biển Adria Venice. Du khách có thể nghe thấy tiếng gào thét cùng với tiếng hoan hô của khán giả (trong đấu trường La Mã cổ đại) vang vọng trong không trung.

Tuy nhiên bằng một cách nào đó, ngọn núi Vesuvius đã dùng nham thạch của mình tạo nên sự diệt vong của thành phố cổ Pompeii.



Đấu trường La Mã cổ đại.

Thời kỳ Phục hưng lần thứ nhất của châu Âu được đánh dấu bởi phong trào văn hóa tư tưởng Glorencce. Bán đảo Apennine được mệnh danh là “bán đảo Italia” nằm ở phía Nam Italia, giữa biển nội địa. Phía Tây giáp với biển Hosseinian, Ionian; phía Bắc tiếp giáp với Tây Âu, Trung Âu qua dãy núi Albers.



Bán đảo kéo dài từ bình nguyên sông Po theo hướng Nam đến Địa Trung Hải, khoảng 960km. Địa hình chủ yếu là dãy núi Apennines theo hướng Nam Bắc, cao hơn mặt nước biển 1.200m. Đỉnh cao nhất Cole cao hơn 2.914m. Dãy núi phía đồng bằng thoải, phía Tây dốc đứng có nhiều núi lửa, địa chấn. Núi lửa nổi tiếng Vesuvius nằm ở phía Tây bán đảo, dòng chảy ngắn. Sông Tiber là dòng sông chính, dài 405km, chảy qua thủ đô Roma của Italia. Nơi đây nguồn nước phong phú, bờ biển khúc khuỷu với nhiều cảnh tự nhiên. Cảng khẩu chủ yếu: Genoa, Taranto, Venice, Trieste.



Được hình thành trong thời kỳ Phục hưng, văn minh nghệ thuật văn hóa La Mã cổ đại đã trở thành nền văn hóa có ảnh hưởng quan trọng đến lịch sử thế giới.



Thành phố Venice là trung tâm thời kỳ Phục hưng Florence. Thủ đô Roma của đế chế La Mã cổ đại, núi lửa Vensuvius... đều là những vùng đất danh lam thắng cảnh, văn hóa nổi tiếng thế giới.



VENICE - HẠT MÌNH CHÂU CỦA BIỂN AdRRIATIC

Venice là thành phố nổi tiếng thế giới. Vẻ đẹp của nó được tạo thành từ do nước và những cây cầu. Những kênh nước trở thành con đường lưu thông chính của thành phố. Đây là thành phố duy nhất không có xe đi lại, thuyền trở thành công cụ đi lại duy nhất. Thành phố Venice do 118 đảo nhỏ hợp thành, vì vậy nó được gọi là thành phố trăm đảo. Giữa các hòn đảo có 177 kênh nước lớn nhỏ thông nhau tạo thành phố lớn. Nó được mệnh danh là thủ đô nước, thành phố nước. 401 cây cầu kết nối những dòng sông lại với nhau. Chính vì



vậy, Venice còn được gọi tên là thành phố của những cây cầu.

Những cây cầu với nhiều hình dạng, phong cách khác nhau tạo nên đặc điểm riêng độc đáo. Có chiếc rồng bay, nhiều cổng lớn, có chiếc đồ sộ, kỳ lạ, tinh xảo, cổ điển... Tất cả giống như một viện bảo tàng về những chiếc cầu. Trong số đó, cầu Alto là cây cầu độc đáo, nổi tiếng nhất. Nó nằm trên dòng sông ở trung tâm thành phố, dài 43m, rộng 277m, cao 7,9m, kiến trúc đẹp, tinh tế. Trên cầu có hành lang rộng, hai bờ được xây dựng độc đáo, đại diện cho kiến trúc cổ của Venice. Cầu Than Thở nổi tiếng với hành lang rộng mang phong cách Baroque.

Đây là con đường duy nhất đưa tử tù đi đến nơi xử tử. Mỗi khi tử tù đi qua, trên những tấm rèm cửa hai bên cầu mọi người nhìn xuống những con thuyền. Cảnh tượng giống như đang ly biệt luyến tiếc không rời. Vì vậy, từ thời cổ nó đã có tên là cầu Than Thở.



Những cây cầu, thuyền là nét văn hóa đặc sắc của Venice.

Venice không chỉ là cảng khẩu quan trọng của Italia, còn là thành phố công nghệ thuật, văn hóa đặc sắc. Đầu thế kỷ XIV, nơi đây đã trở thành cảng khẩu phồn vinh nhất của Italia. Từ thế kỷ XIV - XV là thời kỳ thịnh vượng nhất Italia, từ đó biến thành vùng đất trung tâm giao dịch đường biển lớn nhất. Thành phố này có phong cảnh độc đáo, nhiều di tích lịch sử. Quảng trường Mark nằm ở trung tâm thành phố dài 175m, rộng 78m, nổi tiếng nhất trên thế giới. Quảng trường cổ xưa này do giáo đường, tháp chuông, cung điện, tiệm buôn tạo thành.

Vào mỗi dịp cuối năm, du khách lại tập trung ở nơi này, có nhiều đàn chim bay đến đậu giữa đám khách du lịch để nhặt thức ăn. Tháp chuông ở quảng trường cao 99m, tinh xảo, đẹp có hai người chuyên đánh chuông. Đây thực sự là một cảnh sắc tuyệt đẹp của Venice.

Thành phố Venice bao gồm rất nhiều danh thắng lịch sử: 450 địa điểm, trong đó có 120 giáo đường, 120 lầu chuông, 64 tu viện, hơn 40 cung điện, viện bảo tàng, kịch viện. Năm 1987, các địa danh này được liệt vào di sản văn hóa thế giới.

Những cảnh sắc lãng mạn của Venice đều toát lên vẻ đẹp trong giá lạnh. Dưới lòng đất, hệ thống nước ngầm làm cho Venice không ngừng bị hạ thấp, tạo thành hồ nước bốn mùa. Nước đã tạo nên vẻ đẹp của Venice nhưng cũng từng bước xâm nhập, bào mòn nó. Nơi đây là kỳ quan mỹ lệ của con người.



ROME - THÀNH PHỐ VĨNH HẰNG

Rome là trung tâm giao thông, văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước. Diện tích 200km², dân số gần 3 triệu người.



Khải Hoàn Môn.

Vùng đất thịnh vượng dưới thời La Mã cổ đại này là thủ đô của Italia, đồng thời là thành phố lớn nhất thế giới. Trong đó, các thành phố cổ chiếm 40%. Rome được xây dựng từ năm 753 trước Công nguyên, trở thành kiến trúc kiểu mẫu được bảo tồn một hoàn mỹ nhất trên thế giới. Người Rome tự hào gọi thành Rome là thành phố vĩnh hằng. Do nền văn minh cổ đại huy hoàng này từ rất lâu đời, cho nên ngày nay Rome vẫn còn lưu lại nhiều dấu tích quan trọng. Đền thờ thần Panthenon nổi tiếng thế giới được gọi là điện thờ vạn thần. Đây là tòa điện được bảo tồn nguyên vẹn nhất trong các tòa kiến trúc La Mã cổ đại. Được xây dựng vào thế kỷ II, cho dù thiết kế mỹ học hay kỹ thuật kiến trúc đều rất độc đáo. Vòm mái tròn rộng 43,3m, bên



trong có dâm xà độc nhất trên thế giới nhưng đến năm 1960 đã bị phá hủy.

Đấu trường ở Rome với toàn thể kiến trúc rộng hơn 20.000km², chiều dài xung quanh 572m, đường kính bên ngoài 188m, bên trong 165m, những bức tường xung quanh cao tới 57m. Trong đấu trường có thể chứa hơn 80.000 người xem. Kiến trúc đồ sộ này dùng 100.000m³ đá các loại, 3.000 tấn gang. Nó được mệnh danh là một trong 8 kỳ quan thế giới. Không những thế đây còn là đại biểu ưu việt trong kiến trúc La Mã cổ đại lưu lại cho đến ngày nay, tượng trưng cho đế quốc La Mã.

Thành phố Rome còn bảo tồn rất nhiều di tích, danh lam thắng cảnh quý giá như bia tưởng niệm quốc vương Emmanuel Italia thế kỷ II, Khải Hoàn Môn, cột khải hoàn, miếu điện chiến thắng. Đặc sắc nhất phải kể đến quần thể Khải Hoàn Môn. La Mã đã trở thành tiêu biểu tượng của quốc gia Thiên chúa giáo.

Bên cạnh đó, Rome còn là thành phố nghệ thuật huy hoàng nhất thời kỳ Phục hưng. Rome ngày nay còn hơn 300 giáo đường, hơn 3.000 tu viện, 7 đại học Thiên chúa giáo. Thời La Mã cổ, kiến trúc đạt trình độ cao nhất là giáo đường. Những kiến trúc trong thành phố đều không thể vượt qua giáo đường. Đây là giáo đường Thiên chúa giáo lớn nhất thế giới, tác phẩm kiến trúc thời kỳ Phục hưng. Trên hành lang hình bán nguyệt. Người ta xây dựng 300 cột trụ hình tròn, trên đó có rất nhiều tượng điêu khắc khác nhau. Điêu khắc, tượng, bích họa... trong giáo đường là những kiệt tác nghệ thuật có giá trị văn hóa, lịch sử cao.





Suối phun trong thành phố càng làm cho du khách phải ngưỡng mộ. Nước suối phun lên không trung phản chiếu dưới ánh nắng mặt trời tạo thành từng đường cầu vồng lấp lánh, giống như dải gấm ngũ sắc bay lượn trong không trung. Trong thành phố có hơn 3.000 suối phun, nổi tiếng nhất phải nói đến suối phun Trevi. Trong hồ suối phun, trung tâm là quần thể tượng thần biển, là tượng nữ thần trong tư thế an lạc, phúc hậu nằm hai bên.



Đứng ở Rome, du khách có thể cảm nhận được không khí cổ điển. Không những thế, chúng ta còn hình dung, phác họa lại di tích cổ xưa: Davina chìm đắm trong vẻ đẹp mỹ lệ, Rafael cảm kích trước cảnh đẹp kỳ vĩ, Titian trầm ngâm trước sắc vàng.

FLORENCE - VÙNG ĐẤT PHỒN VINH THỜI KỲ PHỤC HƯNG



Florence nằm ở giữa vùng biển Italia, thủ phủ của vùng đất Tuscanny, bên cạnh dãy núi Apennines. Dòng sông Arno chảy khắp thành phố với 7 cây cầu bắc ngang sang hai bờ, dân số lên tới 444.000 người.



Florence là thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng lâu đời, bắt nguồn từ thời kỳ Phục hưng của Italia. Đồng thời cũng là cái nôi của nền văn hóa châu Âu, một trong những vùng bảo tồn phong phú nhất các tác phẩm nghệ thuật thời kỳ Phục hưng. Thế kỷ XV - XVI, Florence là trung tâm nghệ thuật nổi tiếng nhất châu Âu, đánh dấu giai đoạn huy hoàng nhất, trong đó phải kể đến thời kỳ Phục hưng. Tại thời điểm đó có rất nhiều danh nhân nổi tiếng như: Leonardo da Vinci, Angelov... Thế nhưng, chính những tác phẩm kiến trúc, điêu khắc, hội



họa, thơ ca kiệt tác mới tạo nên một Florence phồn vinh. Nó trở thành trung tâm tư tưởng văn hóa, nghệ thuật của châu Âu.



Thành phố Florence mỹ lệ.

Thành phố này khá nhộn nhịp, trong khoảng không gian nhỏ bé tập trung số lượng kiệt tác nghệ thuật nhiều nhất thế giới. Vào thế kỷ XIV, hai bên bờ chiếc cầu đá xây dựng Viện mỹ thuật Uffizi: Hai tòa nhà nằm đối diện trên hai bờ sông, hội tụ những tác phẩm nghệ thuật tinh xảo. Trong đó, bức tượng điêu khắc vệ sỹ là biểu trưng cho sự bảo vệ tự do của người Florence, nó được coi là đứa con của thị dân. Những tác phẩm của Rafael, Botticelli tập trung ở đây đều được liệt vào tác phẩm nghệ thuật quý giá của thế giới.

Đại giáo đường Maria là kiến trúc biểu trưng cho thành phố cổ này, trên bề mặt có một đỉnh tròn đường kính 45m. Lầu chuông của giáo đường được xây dựng vào thế kỷ XIV, cao 82m, do các tảng đá hoa cương đủ màu sắc tạo thành. Trên quảng trường Piazza Signoria có cung điện Piazza được xây dựng vào thế kỷ





XIII. Lầu tháp này cao 94m, trở thành kiến trúc điển hình của Florence. Phía sau vùng đất tập trung quần thể tòa giáo đường thời Phục hưng gồm 2 tòa tháp cung điện Duke sừng sững trang nghiêm, đây là báu vật được bảo tồn từ thời kỳ Phục hưng. Cung điện Montague là một trong những cung điện nguy nga tráng lệ nhất thời kỳ này.

Núi lửa Vesuvius - thần hủy diệt



Vesuvius là một trong những ngọn núi lửa nổi tiếng nhất trên thế giới. Nó nằm ở ven cảng Italia, cách mặt nước biển 1.277m, là núi lửa đang hoạt động duy nhất trong đại lục châu Âu, sâu 216m, đường kính trong 3km. Ban đầu, đây là một hòn đảo trong vịnh biển, do núi lửa phun trào, dung nham, sau đó tích tụ lại nối liền với lục địa. Lần phun trào năm 79 đã che phủ toàn bộ những thành phố vùng lân cận như: Pompeii, Herculaneum.



Núi lửa Vesuvius - một trong những ngọn núi lửa nguy hiểm nhất thế giới.

Từ trước thế kỷ VIII trước Công nguyên, Pompeii từ một thôn chài nhỏ bên bờ biển phát triển lên thành thị. Sau hàng trăm năm, thương nghiệp có nhiều bước tiến mạnh mẽ, chỉ đứng sau thành phố Rome cô đại của Italia. Vesuvius nằm ở phía Bắc, cách Rome 300km, phía Tây tiếp giáp với đảo Sicily nổi tiếng. Phía Nam thông Pompeii với Bắc Phi, thành phố cổ Pompeii hình vuông, được bao quanh bởi tường thành 4 mặt có cổng thành. Trong thành phố, nhiều dãy núi ngang dọc đan xen nhau. Những tác phẩm kiến trúc quan trọng bao bọc xung quanh quảng trường thành phố. Ví dụ như, thần miếu mặt trời kỳ vĩ, đấu trường rộng lớn, đồ sộ, kinh viện, giáo đường, trung tâm buôn bán. Căn phòng kỳ lạ cùng với những khu vui chơi thu hút thương nhân giàu có, quý tộc lần lượt kéo về Pompeii. Họ xây vườn hoa, biệt thự, mở trung tâm giải trí, làm cho Pompeii trở thành vùng đất phồn vinh.

Thế nhưng, cho đến một ngày tai họa ập xuống vùng đất nổi tiếng này trong một đêm đã bị nhấn chìm bởi núi lửa.

Ngày nay, xung quanh ngọn núi lửa có hơn 1 triệu cư dân sinh sống. Họ không sợ sự nguy hiểm của núi lửa. Chỉ cần chú ý quan sát, nghiên cứu, nắm vững quy luật hoạt động có thể giảm đi sự nguy hiểm của núi lửa. Con người và tự nhiên hoàn toàn có thể cùng chung sống. Không những thế, núi lửa có thể mang đến nhiều điều may mắn cho nhân loại.





3. Những bí ẩn xung quanh đảo Greenland

Một năm có 260 ngày, đêm giống như vòng tuần hoàn trong cuộc sống của người dân ở đảo Greenland. Mùa đông trời tối rất nhanh, thêm vào đó là ánh hào quang của mặt trời. Đôi khi, nó như ngọn lửa nhiều màu sắc bắn tung lên không trung, có lúc lại giống cô thôn nữ tay cầm tấm vải lụa nhẹ nhàng nhảy múa một cách uyển chuyển. Điều này làm cho du khách cảm nhận bầu không khí tĩnh lặng về đêm ấy luôn tràn đầy sức sống. Mùa hè, ánh mặt trời chiếu sáng khắp nơi, hòn đảo như cô tiên nữ khoác trên mình tấm áo choàng màu vàng rực rỡ. Thế nhưng, trong cái tĩnh đó luôn có tiếng động của những chiếc xe kéo trên băng tuyết. Đây chính là đặc trưng của đảo Greenland.



Đảo Greenland bị che phủ bởi một khối băng khổng lồ.

Đảo Greenland không giống như cái tên tràn đầy sắc xuân của nó. Đảo có chiều dài 2.670m, chiều rộng nhất hơn 1.000m, 2/3 diện tích nằm trong cực Bắc. Đây

có thể coi là một thế giới thần thoại với sự che phủ dày đặc của tuyết trắng. Thời tiết ở đây rất lạnh, tuyết phủ dày đặc, có lúc nhiệt độ xuống thấp nhất từ 0°C đến -70°C . Greenland là khu vực hàn đới của châu Nam Cực đứng thứ hai trên thế giới. Đảo Greenland là hòn đảo lớn nhất thế giới, diện tích lên tới $2.175.600\text{m}^2$, lớn hơn nhiều so với các đảo đứng thứ 2, 3, 4. Ví dụ, đảo New Guinea, đảo Kalimantan và đảo Madagascar khoảng 54.600m^2 . Đặc trưng địa hình nổi bật nhất ở đảo Greenland đó là một nguồn băng tuyết rộng lớn, dày đặc. Dung tích của băng đá này đạt tới 260.000m^3 , chiếm 10% tổng lượng nước ngọt trên thế giới. Nếu những vùng băng tuyết này tan chảy, diện tích mặt biển trên trái đất sẽ tăng lên 6.5m.

Đảo Greenland có những ngọn núi băng cao sừng sững. Những tảng băng màu xanh ngọc bích lớn trôi trên biển do những tảng đá lớn nhỏ, khe suối tạo thành. Ở đảo này vốn đã có những nham thạch lâu đời nhất trên thế giới. Những đá này theo dự đoán ước lượng ít nhất 370.000 năm lịch sử. Từ không trung nhìn ra, đảo giống như một cánh đồng hoang rộng mênh mông, những ngọn núi giống như được khoác trên mình tấm áo choàng màu trắng, lung linh của nữ hoàng tuyết. Nếu nhìn về mặt địa hình, Greenland là một hòn đảo có sự khác biệt rất lớn: Vào mùa xuân, ở ven đảo xuất hiện những loài cỏ tai hùm xanh tươi, loài hoa màu vàng. Đảo Greenland vẫn bị ngăn chặn bởi các tảng băng lớn. Cho nên chỉ trong 450km, con người không thể tìm thấy một cánh đồng cỏ hoặc một bông hoa nào. Nguyên nhân ở chỗ: Trong mùa đông chỉ có





tuyết rơi, không có mưa, từ đó tạo thành một vương quốc của băng tuyết.

Khi đứng trên hòn đảo Greenland, du khách có thể tìm thấy một cảm giác vô cùng sáng khoái, hăng say. Những dòng sông băng, núi băng với nhiều hình dạng trở thành kỳ quan của đảo. Sự liên tưởng phong phú về các hình dạng này sẽ khiến cho chúng ta cảm giác đang được đặt chân vào chiến trường với vũ khí sắc bén. Đôi khi giống như được đặt chân lên cánh đồng rộng mênh mông với hàng nghìn con ngựa chạy phăng phăng.

Đảo Greenland mang một vẻ đẹp tuyệt mỹ, không gì có thể so sánh được. Tuy nhiên, về mặt địa hình, đảo có sự khác biệt vô cùng lớn. Ở bờ biển phía Đông đã từ nhiều năm nay có một tảng băng lớn chắn ngang không thể vượt qua. Bởi vì điều kiện tự nhiên địa hình nơi đây khó khăn, hiểm trở, cho nên giao thông gặp nhiều trở ngại. Đó cũng chính là lý do làm cho cả vùng đất mênh mông rộng lớn này trở thành nơi cư trú lánh nạn của các loài chim. Quần đảo Greenland có một thành phố dưới sông băng có tên gọi là cung điện thế kỷ. Người dân có thể đi lại dựa vào một loại hình đường ray xe điện trên băng. Nó được bố trí chạy đi chạy lại như thoi đưa trong đường hầm của từng tầng băng. Các thị trấn nhỏ trên hòn đảo Greenland đều được xây dựng, thiết kế rất giống nhau: Căn nhà sơn màu hồng, màu vàng, màu xanh da trời nằm rải rác trên hai bên bờ của vịnh tạo nên một thế giới lung linh trước mặt con người.

Hơn nữa, nếu vào ban ngày mỗi khi mùa hè đến, từ biển nhìn xuống núi băng sẽ là một cảnh tượng khó quên. Chính vì vậy, những ngọn núi băng đã trở thành

cảnh quan tự nhiên hùng vĩ nhất của Greenland. Các nhiếp ảnh gia mỗi khi ngắm nhìn cảnh khách thăm quan trên biển với tấm áo choàng trắng đều không thể đứng từ một góc nhìn chụp được 2 bức ảnh giống nhau. Bởi vì, những tảng băng nơi đây không ngừng tan chảy. Trong quá trình các nhà nhiếp ảnh điều chỉnh góc độ để có bức ảnh đẹp hơn, các tảng băng ấy đã đổ xuống, trôi đi. Chính nhờ sự thiên biến vạn hóa trong việc tạo ra các loại tảng băng, dưới ánh sáng mặt trời, vẻ đẹp của nó càng thêm tráng lệ, nguy nga.



Trung tâm đảo Greenland - nơi những dải băng kéo dài 1,6km.

Đảo Greenland - một hòn đảo lớn nhất cao nhất trên thế giới được coi là cảnh quan thiên nhiên mỹ lệ, hùng tráng con người khó có thể tin vào mắt mình.

ERIC THE RED - NGƯỜI THÁM HIỂM VÙNG ĐẢO GREENLAND

Trên các đỉnh núi băng cao chọc trời, quanh năm vẫn có gió tuyết tàn phá đảo Greenland. Trong tiếng Đan Mạch nó có nghĩa là vùng đất màu xanh. Tương



truyền. Thời cổ đại có một thủy thủ tên Eric the Red - nổi tiếng vùng Xcăng-đi-na-vi đã phát hiện ra quần đảo Greenland. Từ đó, ông cho ở đây xây dựng nơi định cư của người dân Xcăng-đi-na-vi.

Vào năm 982 trước Công nguyên, Eric the Red lái con thuyền ra khơi từ đảo băng. Nó đi theo hướng Tây Bắc để tìm châu lục mới nhưng tình cờ lại phát hiện ra một đảo lớn. Ông đi từ phía Đông đến bờ biển phía Tây của đảo Greenland, cho đến khi phát hiện ra địa điểm không có tảng băng mới đáp thuyền lên bờ. Eric the Red ở đây hơn 3 năm. Đến năm 985 đã tập trung được một đoàn người đồng ý di cư đến Greenland, thành lập nên một gia đình của những người Xcăng-đi-na-vi. Ông đã đặt một cái tên rất hay cho nơi này - đảo Greenland. Trong cuốn nhật ký ghi lại những ngày tháng thám hiểm, Eric the Red viết: "Nếu nơi này được đặt một cái tên làm cảm động lòng người nhất định sẽ thu hút được một số lượng lớn người dân đến đây định cư". Thế nhưng, sau khi đến đây, chắc chắn họ sẽ không khỏi kinh hoàng trước điều kiện địa lý cũng như tự nhiên ở nơi này.

Năm 986, thủy thủ Eric dẫn đầu đoàn viễn chinh gồm 25 chiếc thuyền, tiến sang đảo. Kết quả là, chỉ có 14 chiếc thuyền gồm 500 người đến được đảo Greenland. Những người dân Xcăng-đi-na-vi sống định cư ở đảo Greenland khoảng 500 năm, sau đó biến mất dần. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này không rõ ràng, việc di cư của các gia đình trên đảo Greenland có thể bị ảnh hưởng của một loại bệnh xuất hiện bất ngờ



hoặc họ đã di cư về hướng Bắc. Sau đó biến mất dần trên dòng sông lịch sử của người Inuit.

Người Inuit - CHỦ NHÂN CỦA BẮC CỰC


Dân số ở đảo Greenland khoảng 540.000 người, trong đó người Inuit chiếm 530.000 người. Nơi sinh sống của họ chiếm 5/6 độ che phủ của băng tuyết. Họ đã từng sống ở đây cách 3.000 năm trước Công nguyên.




Người Inuit ngồi trên một chiếc xe trượt tuyết cổ truyền của họ.

Người Inuit còn được gọi là người Eskimo (từ “Eskimo” có nguồn gốc từ ngôn ngữ của người Anh-điêng có nghĩa là “người ăn thịt sống”). Bởi vì trong lịch sử, người Anh-điêng và người Inuit có mâu thuẫn với nhau, cho nên tên gọi này cũng mang nghĩa bóng. Chính vì vậy, họ tự gọi mình là người Inuit hay người chân chính. Người Inuit từ châu Á di chuyển 2 lần rồi nhập cư vào khu vực Bắc cực. Trải qua hơn 4.000 năm lịch sử, cuối cùng, họ sáng tạo ra chữ viết bằng chữ La tinh chữ Slavơ. Nơi ở cũng được xây dựng bằng đá, gỗ tuyết. Thông thường, họ sử dụng loài chó để kéo xe







tuyệt. Săn bắn là phương thức sống truyền thông của người dân Inuit. Ở khu vực Bắc cực, đi săn trở thành đặc quyền của người Inuit. Họ chủ yếu đi trên các vùng biển hoặc các lục địa, săn bắt các loài hải báo, cá kình, các loài khác như sơn dương. Những người đàn ông thường nhận việc săn bắt, còn người phụ nữ ở nhà chế biến, may vá.



Trong trí nhớ của mọi người thường xuất hiện một mặt của bức tranh nguyên sinh như sau: Trong đêm tối mù mịt kéo dài theo năm tháng, họ chống lại những cơn gió tuyết, cái giá lạnh xuống nhiệt độ cực thấp. Vào mùa hè, họ chạy ra vùng sóng biển tung trào với luồng gió lớn.

Họ chỉ dựa vào chiếc xe kéo, những công cụ đơn giản để săn bắt loài cá kình lớn nhất trái đất. Họ dùng chiếc lao nhọn sắc bắt được rất nhiều gấu Bắc cực loài hung dữ nhất trên lục địa.



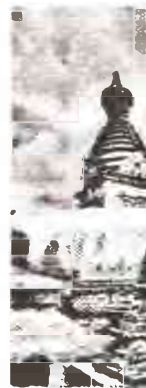
Khi không đánh bắt được con mồi nào, toàn bộ người trong gia đình, thôn làng đó, thậm chí cả bộ lạc sẽ bị chết đói. Đó là cuộc sống tự do, tự tại của người dân Inuit trải qua trong hàng nghìn năm, không hề có bất cứ người ngoại địa nào đến làm phiền. Nơi đây có nền kinh tế tự nhiên theo phương thức khép kín, có thể tự chăm lo cho cuộc sống, giống như thời kỳ đồ đá trong lịch sử của nhân loại. Trong điều kiện khí hậu trở nên khắc nghiệt, môi trường tàn khốc khó khăn ấy, họ đã phải tranh đấu để bảo vệ sinh mạng của mình trong hàng trăm nghìn năm. Việc họ có thể tồn tại được đến nay là cả một kỳ tích lớn. Trong số đại gia đình các dân tộc trên thế giới, người dân Inuit thực sự là một dân tộc dũng cảm nhất, anh hùng, mạnh mẽ nhất luôn có tinh

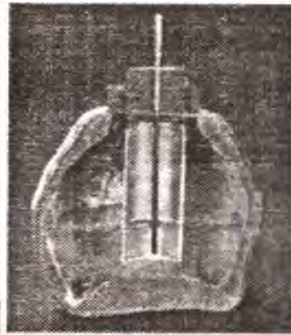


thần bất khuất, không chịu khuất phục trước khó khăn. Đến thế kỷ XVI, một số người thợ săn ở phương Nam phát hiện ra sự tồn tại của họ. Do vậy, những thương nhân, người đánh bắt cá voi, người truyền giáo lần lượt biết đến nơi này. Bắc cực vốn yên tĩnh, lạnh giá trong chốc lát đã trở nên náo nhiệt khác thường.

Cuộc sống hiện nay của người Inuit đã có sự biến đổi. Những tảng băng nhiều như trước không còn tồn tại nữa. Những căn nhà được làm bằng gỗ, trang trí các thiết bị điều hòa, có con kênh nhỏ bên cạnh. Con thuyền được tạo thành từ da của hải cẩu nổi bật đặc sắc nhất của người dân Inuit được đưa vào viện bảo tàng, thay vào đó là các thuyền chạy bằng động cơ. Họ cũng ít dùng chó để kéo xe tuyết, bởi vì họ bắt đầu sử dụng ô tô. Trước đây để có thể vượt qua sự lạnh giá của mùa đông, họ vẫn thường dùng các tấm da được may vá lại, ngày nay đã có sự hạn chế hơn.

Bên cạnh đó, họ sáng tạo thêm bộ nileông khoác bên ngoài rất đẹp. Con cái của họ được đi học cho đến khi tốt nghiệp đại học. Những người đi làm ngoài thời gian dành cho công việc còn có thể ở nhà xem tivi, truy cập internet. Như vậy, chỉ trong mấy chục năm, trở lại đây từ một người dân Inuit với cuộc sống truyền thống nguyên thủy đơn giản, họ đã bước vào thời đại văn minh hơn. Sự biến đổi nhanh chóng, bất ngờ này có thể coi là một kỳ tích lớn trong lịch sử. Cuộc sống nguyên thủy trong thế giới băng tuyết của người dân Inuit giống như sự mất đi vĩnh viễn của tảng băng Igloo. Bức tranh về cuộc sống nguyên thủy của họ cũng sẽ chỉ tồn tại trong ký ức, trí nhớ của một số người.





— Chương mười ba

NHỮNG BÍ ẨN KHOA HỌC



1. Quả tim nhân tạo của người tiền sử

Gần đây, trong rừng rậm ở châu Phi có một thông tin gây chú ý như sau: Các nhà Khảo cổ học đã phát hiện thấy quả tim nhân tạo trong một thi thể. Mọi người đều biết, tim nhân tạo là thành quả nghiên cứu, chế tạo của những năm gần đây. Điều khiến người ta ngạc nhiên đó là bộ hài cốt được khai quật lại thuộc về thời kỳ tiền sử.

Bộ hài cốt này của cư dân thời tiền sử, do một đội khảo cổ vô tình phát hiện thấy khi đang tiến hành công tác nghiên cứu trong rừng rậm phía Bắc Tunisia. Căn cứ theo trắc định khí carbon 14 cho thấy, cư dân này ít nhất cũng đã chết cách đây 5 vạn năm.



Quả tim nhân tạo.

Đội trưởng đội khảo cổ, tiến sỹ Mercer Chateau cho biết: “Thi thể này đã bị thối rữa nhưng quả tim nhân tạo bên trong vẫn rất hoàn hảo, chỉ cần chỉnh sửa qua có thể



tái sử dụng được. Chúng tôi tin chắc đó là quả tim nhân tạo cách đây 5 vạn năm. Nếu thàng trước có người nói với tôi chuyện này, chắc chắn tôi sẽ cười phá lên, coi đó là chuyện tào lao. Thế nhưng giờ đây, sự thực đang bày ra trước mắt tôi. Người chế tạo ra quả tim tuyệt đối không thể là người nằm dưới huyết mộ, cũng không phải đến từ hành tinh của chúng ta được”.



Một chuyên gia người Mỹ nghiên cứu UFO cổ đại tên là Cath Kidsto cho biết: “Trước đây, chúng tôi cũng đã suy đoán người Ai Cập cổ đại là người trái đất đầu tiên tiếp xúc với người ngoài hành tinh. Khi đó còn có rất nhiều người phản đối ý kiến này. Tuy nhiên đến nay có thể thấy, trước khi có bóng dáng của con người trái đất đã có sự tồn tại của sinh vật trí tuệ cao từ bên ngoài tới. Quả tim trên cơ thể của người được tìm thấy trong huyết mộ mặc dù vô cùng đơn giản nhưng lại có ống kim loại, một thứ giống như chiếc bơm. Nó tương tự như quả tim nhân tạo của chúng ta ngày nay. Điều này cho thấy, loài sinh vật có trí tuệ cao siêu nào đó đã có mặt ở trái đất 5 vạn năm về trước, từng tiến hành phẫu thuật tim cho người này. Có lẽ người trong huyết này không phải là bị bệnh tim thực sự, chỉ là bị họ dùng làm vật thí nghiệm”.



Ngoài ra, có một nhà Khảo cổ học tên là Redpath đưa ra ý kiến khác như sau: “Đó có thể là giai đoạn quan trọng trong quá trình tiến hóa của nhân loại bị mất đi. Trước khi loài người ngày nay ra đời, thế giới tồn tại một nền văn minh nhân loại khác. Thế nhưng, nền văn minh này đã bị phá hủy, sau thời gian dài mới có thể hồi phục lại được. Quả tim nhân tạo này có thể là





của một nhà khoa học ở thế giới cũ đặt lên cơ thể của người. Ông muốn dùng phương pháp này để chuyển lại cho người sau.

Ngày nay, quả tim nhân tạo thời tiền sử này đã được đưa tới Tây Ban Nha, thu hút các nhà khoa học, nhà Sử học, chuyên gia nghiên cứu UFO ở khắp mọi nơi trên thế giới tới nghiên cứu. Các nhà Khảo cổ học hiện vẫn đang tiếp tục khai quật, hy vọng có thể phát hiện thêm nhiều điều gây mới mẻ hơn nữa.



2. Bí ẩn xung quanh máy tạo nhịp tim bằng thủy tinh đen

Xác ướp Ai Cập từng gây tiếng vang trên toàn thế giới, việc bảo tồn nó hoàn hảo khiến cho người ta cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Đến nay, trên vùng đất thần bí Ai Cập, các nhà Khảo cổ học đã khai quật được rất nhiều xác ướp với con số không thể thống kê. Vậy, rốt cuộc nơi đây còn tồn tại bao nhiêu xác ướp vẫn chưa được khai quật? Con người không thể biết hết được. Chính vì vậy, ở Ai Cập - thiên đường của các nhà Khảo cổ học, mọi người có rất nhiều việc phải làm, nhiều thứ chưa biết đang chờ được khám phá. Cùng với công tác nghiên cứu, những xác ướp được lần lượt khai quật cũng đặt ra cho người ta nhiều câu hỏi mới.

Trong một lần khai quật, khi mọi người đưa xác ướp ra khỏi hầm mộ, sau khi chuẩn bị tiến hành xử lý sơ bộ để giao cho Ban văn vật quốc gia thu giữ, một người tham gia vào công tác này cảm thấy xác ướp này vẫn còn tồn tại điều gì đó khác với những xác ướp trước đây. Vậy, chúng khác ở chỗ nào? Khi đặt xác ướp trước



mặt, tiến hành quan sát chi tiết, ông phát hiện thấy từ bên trong cơ thể phát ra một âm thanh có quy luật. Âm thanh nhỏ này rất cuộc từ đâu tới? Theo hướng phát ra của âm thanh, ông tiến hành tìm kiếm đã phát hiện thấy âm thanh được phát ra từ vị trí tim giống như là đang đập. Điều này khiến cho mọi người vô cùng kinh sợ. Lẽ nào tim của người chết vẫn còn đang đập? Đó là điều không thể. Vậy thứ gì được giấu bên trong tim của xác ướp? Mọi người không biết, cũng không dám mổ thi thể đang được bọc kín vải ra. Họ liền tổ chức người đưa xác ướp đó tới phòng khám chữa bệnh của bác sỹ Jianan. Đứng trước xác ướp kỳ lạ này, bác sỹ Jianan cũng không mạo hiểm tiến hành ngay, liền đưa nó tới bệnh viện Cairo - nơi có kinh nghiệm dày dặn về phân tích xác ướp.

Sau khi bệnh viện Cairo tiếp nhận xác ướp được chuyển tới này tổ chức một số chuyên gia tiến hành kiểm tra. Các bác sỹ đã tiến hành cắt lớp vải phủ trên thi thể để phẫu thuật. Lúc này ở gần tim của thi thể, họ phát hiện thấy một chiếc máy tạo nhịp tim. Mọi người có thể nghe thấy âm thanh của chiếc máy này đang thúc đẩy tim đập. Âm thanh của nó có tiết tấu, mỗi phút đều đập 80 lần. Mặc dù quả tim của 2.500 năm trước đã khô lại nhưng vẫn còn đập theo quy luật của máy tạo nhịp tim. Vậy, đó là chiếc máy tạo nhịp tim như thế nào? Con người dùng phương pháp gì để tạo nhịp tim? Các nhà khoa học đã dùng các thiết bị tiên tiến nhất để tiến hành đo đạc. Họ phát hiện chiếc máy này được chế tạo từ một khối thủy tinh màu đen. Do thủy tinh màu đen hàm chứa





vật chất có tính phóng xạ, cho nên có thể kích thích cho máy tạo nhịp tim đập liên tiếp.

Các bác sỹ đã công bố với công chúng về phát hiện quan trọng này, đồng thời đặt chiếc máy tạo nhịp đập này vào bên trong xác ướp để mọi người có thể tới tham quan. Tất cả đều phải thốt lên kinh ngạc khi nhìn thấy chiếc máy tạo nhịp tim thần bí này. Một thắc mắc được đưa ra: Thủy tinh đen này từ đâu tới? Thủy tinh hiện tồn tại trên thế giới chỉ có 3 màu là màu trắng, một số ít màu hồng nhạt, màu tím. Từ trước nay, chưa ai nhìn thấy thủy tinh đen. Hơn nữa nó còn xuất hiện cách đây 2.500 năm. Cho nên, không ai là người hiểu thủy tinh đen này có chứa vật chất có tính phóng xạ có thể khiến cho tim đập theo nhịp. Ngoài ra, mọi người còn chỉ ra rằng: Máy tạo nhịp tim chắc chắn được đặt vào bên trong cơ thể con người lúc còn sống, nhằm hỗ trợ cho tim hoạt động tốt hơn. Vậy, trong điều kiện y học Ai Cập cổ đại còn hạn chế, con người thời đó làm thế nào để đặt chiếc máy tạo nhịp tim này vào bên trong lồng ngực? Đứng trước hàng loạt những bí ẩn này, có một số chuyên gia cho rằng: Có khả năng, người ngoài hành tinh đã từng đến nơi đây mang tới máy trợ tim được cấu thành từ thủy tinh đen. Đồng thời, họ đã tiến hành thí nghiệm đặc biệt trên cơ thể của người trái đất, tìm cách để chiếc máy trợ tim này được lưu giữ lại bên trong cơ thể của xác ướp lâu hơn nữa. Cũng có người cho rằng: Trong Ai Cập cổ đại có thể tồn tại một số thầy phù thủy có khả năng đặc biệt. Họ đã dùng khả năng này tạo ra kỳ tích lịch sử. Vậy, chiếc máy trợ tim bằng thủy tinh đen này từ đâu tới, do người nào chế tạo, cấy vào trong

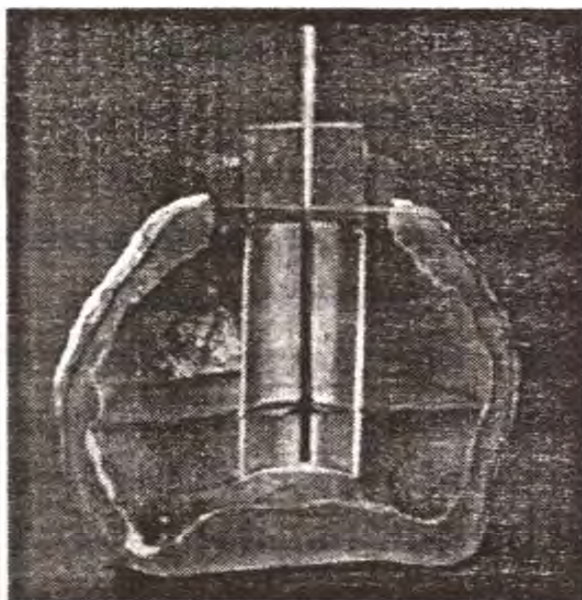


cơ thể con người bằng cách nào? Điều này thực sự là một bài toán khó.



3. Pin điện đã từng xuất hiện ở thời cổ đại

Tháng 6, năm 1936, con người tiến hành xây dựng đường sắt ở ngoại thành Bátđã của thủ đô Irắc. Khi đang tu sửa phần đẽ, họ phát hiện trên mặt đất lộ ra một tảng đá rất lớn, trên mặt khắc rất nhiều văn tự tiếng Ba Tư. Nhiều người thử xem nhưng không ai lý giải được nội dung của nó. Một vài người tiếp tục đào về phía trước, hướng xuống dưới. Trong quá trình đào, họ phát hiện một chiếc quan tài đá được thành từ tảng đá lớn. Sau hơn 2 tháng, cuối cùng chiếc quan tài đá khổng lồ đã được mở ra. Người ta tìm thấy số lượng lớn văn vật thời kỳ Ba Tư cổ đại từ năm 248 - 226 trước Công nguyên. Điều khiến người ta ngạc nhiên nhất trong đó là 613 hạt ngọc quý tổ thành chuỗi ngọc vàng bạc, một số ống đồng, que sắt, đồ gốm sứ.



Một quả pin hóa học thời cổ đại.



Vì sao những đồ vật này vì sao lại được chôn cùng với những vật phẩm quý như vàng bạc? Chúng có tác dụng gì? Carvedilo Nigel - nhà Khảo cổ học người Đức, viện trưởng Viện bảo tàng Irắc thời đó đã tìm cách lý giải những văn vật được tìm thấy nhưng vẫn không có kết quả. Do đó, ông quyết định tổ chức lực lượng lớn, tiến hành nghiên cứu giám định những chiếc ống đồng, que sắt, đồ gốm sứ này. Ông cho biết:

“Chúng tôi đã tìm thấy một văn vật đặc biệt khác thường. Nó là bình gốm, cao 15mm, giống bình hoa, núm trắng hơi ngả vàng. Trong bình chứa đầy hoặc kín, đường kính 2.6mm, cao 9mm. Trong ống đồng có một lớp hắc tít, bao quanh một que sắt. Trên đoạn đầu que sắt có ống đồng 1mm, mặc dù phần nhô cao lên đã bị gỉ sắt nhưng từng đoạn lại có một lớp vật chất màu ghi ngả vàng, nhìn giống chì. Đoạn dưới của que sắt được bịt với hắc ín cao 3mm làm cho que sắt, ống đồng bị ngăn cách”.

Người ta cảm thấy ngạc nhiên về những lời kể của ông. Không ai biết những thứ này được dùng để làm gì.

Sau nhiều lần giám định, Carvedilo Nigel đã tuyên bố một thông tin khiến cho mọi người ta vô cùng kinh ngạc: “Những ống đồng, que sắt đồ gốm sứ này là pin hóa học thời cổ đại. Chỉ cần đổ vào bên trong bình gốm một ít acid hoặc nước kiềm tính, nó có thể phát điện”. Điều này có nghĩa là trong khoảng thời gian từ năm 248 - 226 trước Công nguyên, người Persia sống ở nơi đây đã bắt đầu sử dụng pin.

Thông tin này đã gây xôn xao trong giới khảo cổ. Các nhà Khảo cổ học ở khắp nơi trên thế giới lần lượt



kéo tới. Họ muốn được nghiên cứu chi tiết loại pin hóa học cổ đại này. Tuy nhiên, cả Carvedilo Nigel và pin hóa học cổ đại lại đột ngột biến mất. Các nhà Khảo cổ học chia nhau tìm kiếm nhưng đều không có kết quả.

Thực ra, Carvedilo Nigel đã mang những quả pin hóa học cổ này lạng lẽ trở về Đức để chứng minh phát hiện của mình. Mấy tháng sau, Carvedilo Nigel xuất hiện ở Berlin, công bố một thông tin khác. Ông cho biết: “Căn cứ vào văn vật được tìm thấy, kết hợp thêm 10 tài liệu về pin vào phân tích cho thấy, những quả pin thời đó được sử dụng xâu chuỗi lại. Mục đích của việc nối những quả pin này lại với nhau là thông qua phép giải phóng điện để khắc hoặc trang trí lên vàng”.

Hai phát hiện này của Carvedilo Nigel đã gây chấn động trong giới khảo cổ thế giới. Tuy nhiên, luận điểm này của ông mất một thời gian rất dài vẫn chưa được thừa nhận. Vì sao lại như vậy?

Sau chuyến thăm hỏi của tổng thư ký Viện bảo tàng khoa học Anh ở Baghdad, nhà hóa học, khoa học tự nhiên - ông Warri Patel đã cho biết: “Mặc dù những dự đoán của ông cũng có lý, nhưng các nhà khoa học tự nhiên khó mà tin được rằng. Pin hóa học đã ra đời cách đây 1.500 năm trước. Phát hiện khảo cổ này đứng trên phương diện khoa học đã trở thành sự kiện lớn nhất trong lịch sử khoa học”.

Đối diện với những phản ứng gay gắt, Carvedilo Nigel không hề nao núng, vẫn kiên trì quan điểm của mình. Ông thở dài nói: “Cho tới nay, không có nhà khoa học nào có thể phản bác lại được suy đoán của tôi. Thế nhưng, họ lại không nhìn thẳng vào sự thật





này. Họ không thể chấp nhận được chuyện 2.000 năm trước, người dân ở hai bên lưu vực sông Euphrates đã sử dụng pin”.

Lúc này, một học giả của Đức - ông Arne Eggebrech đã giúp đỡ Carredilo Nigel. Ông chế tác một số ống đồng, que sắt, bình gốm để mô phỏng lại pin Baghdad. Ông lấy nước nho tươi ép đổ vào trong pin, kỳ tích lập tức xuất hiện: Bảng điện của pin liên tiếp hiển thị điện áp 0,5V. Sau khi được xác định tính phát điện của pin có được, họ tiếp tục tiến hành thí nghiệm điện phân mạ vàng. Qua nhiều thí nghiệm, cuối cùng ông đã chứng minh được, người cổ đại thực sự dùng phương pháp này để mạ vàng.

Ngoài Arne Eggebrech ra, các nhà khoa học Mỹ cũng loại pin này, mô phỏng lại pin Baghdad, tiến hành hàng loạt thí nghiệm. Họ cũng dùng đồ phục chế thành công loại pin này, thu được điện áp 0,5V hơn nữa còn được duy trì 18 ngày. Trong thí nghiệm sử dụng rượu nho, sắt sunphát, muối lưu huỳnh acid làm dung dịch pin. Sau đó, các nhà khoa học thừa nhận: Ống đồng, que sắt, bình gốm được tìm thấy ở gần Baghdad được dùng vào việc chế tạo pin hóa học.

Như vậy, sự kiện không chỉ chứng minh được rằng, người Persia cổ đại đã biết sử dụng điện. Hơn nữa còn đưa ra một vấn đề quan trọng: Sử dụng điện có thể là một kỹ thuật quan trọng của những thành tựu điêu khắc thời kỳ cổ đại. Họ dùng điện để nung sắt, các loại kim loại khác.

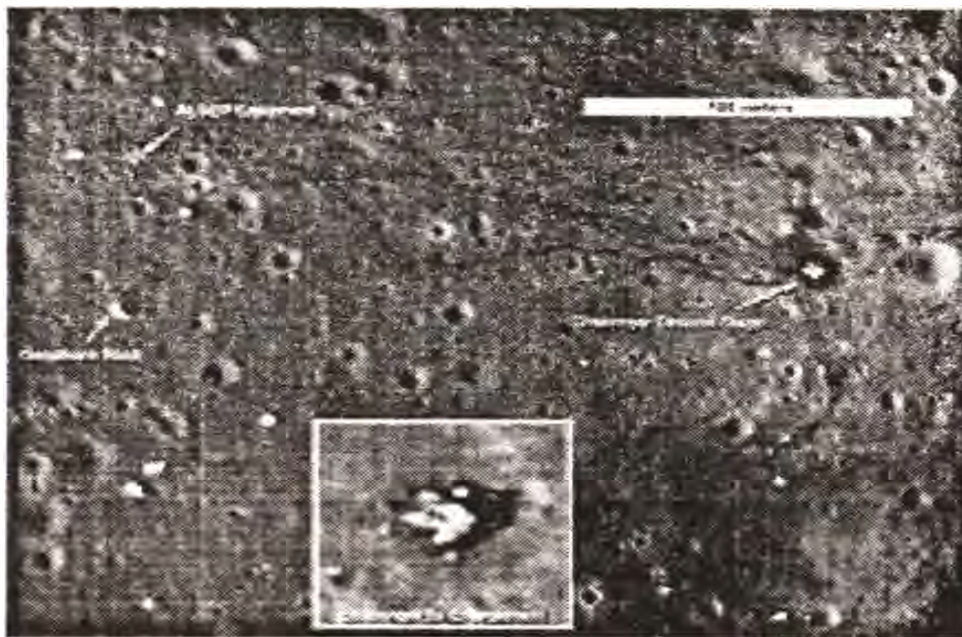


4. Cách thức liên lạc với người ngoài hành tinh

Năm 1959, lần đầu tiên Cocconi - nhà Vật lý học Asustralia và Morrison - nhà Vật lý học Mỹ tiến hành phân tích khả năng truyền thông tin của các chòm sao. Họ đưa ra kết luận: Thực hiện truyền tin giữa các chòm sao mang tự nhiên, thực tế nhất. Hơn nữa còn có thể thực hiện phương pháp dùng sóng điện không dây.

SÓNG ĐIỆN KHÔNG DÂY THẦN KỲ

Năm 1888, Heinrich Rudolf Hertz (1857 - 1894) - nhà Vật lý học người Đức đã tìm ra một khúc xạ điện từ giống như ánh sáng. Khúc xạ mới phát hiện này được gọi là điện sóng không dây, dài gấp 1 triệu lần sóng ánh sáng.



Người ta cho rằng, người ngoài hành tinh đang tìm cách phát tín hiệu trên hành tinh khác.

Bởi vì, năng lượng sóng điện không dây thấp, cho nên nó rất dễ sinh ra. Sóng điện không dây có thể





xuyên qua bất kỳ sóng ánh sáng nào nhưng không thể xuyên qua thực thể. Khi tầng khí quyển trên cao của trái đất mang ion điện phóng ra, sóng điện từ đi theo đường cong tiến vào bề mặt trái đất. Trên sóng điện không dây con người có thể truyền phát thông tin muôn gửi đi.

Ngày nay, chúng ta đã có kính viễn vọng có thể đo được phóng điện còn sắc bén hơn ánh sáng, dò tín hiệu điện không dây được khúc xạ từ một nơi cách xa vũ trụ.

Tín hiệu điện vô tuyến của thiên thể phát ra không có ánh sáng mạnh như vậy. Dù ở một nơi tồn tại lượng lớn vi sóng, nếu người ngoài hành tinh phát tín hiệu vô tuyến điện chắc chắn sẽ mạnh hơn tín hiệu ở trên không. Không những thế, nó có thể bị chúng ta thu được.

Sóng điện không dây có rất nhiều sóng dài. Cho nên muốn thu được tất cả sóng dài, việc chế tạo máy thu sẽ gặp khó khăn, khó khắc phục được, đồng thời phải tiêu tốn rất nhiều tiền bạc. Nếu có thể biết được ngoài trái đất còn có sóng dài, chúng ta sẽ thu sóng đó chờ đợi thông tin truyền tới. Nếu máy thu đưa tới là một sóng dài, trong khi người ngoài hành tinh phát sóng ngắn, như vậy nghĩa là chúng ta không thể thu được nó.

NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH DÙNG SÓNG DÀI ĐỂ PHÁT THÔNG TIN BẰNG CÁCH NÀO?

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, một nhà Thiên văn học người Hà Lan đã tính toán được khúc xạ điện không dây của nguyên tử hidro trong vũ trụ phát ra sóng dài là 21mm. Năm 1951, nhà Vật lý học người Mỹ đo được sóng điện không dây này.



Trong không gian vũ trụ tồn tại lượng nguyên tử hydro rất lớn, cho nên sóng điện không dây của sóng dài 21mm này nằm rải rác khắp nơi.

Như vậy, chúng ta thấy rằng, sóng dài 21mm là một tiêu chuẩn sóng dài của tự nhiên phát ra, tần suất là 1.420Hz. Bất kỳ trình độ kỹ thuật phát triển cao độ nào cũng đều thu được sóng dài tồn tại phổ biến này. Có thể thấy, mỗi người ngoài hành tinh đều có máy thu sóng dài 21mm. Bởi vì, ngôn ngữ của bản thân giới tự nhiên đôi với bất kỳ hành tinh nào cũng đều bằng nhau, dễ hiểu.

Cho nên, 2 nhà Vật lý học là Cocconi và Morrison đã nhấn mạnh rằng: Nếu muốn tìm thông tin được phát ra từ người ngoài hành tinh bên ngoài, nên tìm ở nơi có sóng dài 21mm.

Tuy nhiên, sóng dài 21mm dễ bị làm nhiễu. Có người đã đề nghị tăng gấp đôi sóng dài 21mm lên 42mm, hoặc giảm một nửa xuống 10,5mm. Có người đề nghị sử dụng một số sóng dài khác như đoạn sóng trong khoảng từ 18 - 21mm.

Muốn thu được tín hiệu điện không dây được phát ra từ thể người ngoài hành tinh khác, ngoài thu chính xác tần suất được truyền tới ra còn phải thu được phương hướng chính xác của hướng ngược lại.

TÍN HIỆU CỦA NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH TỪ Đâu TỚI?

Xung quanh các chòm sao, hành tinh tồn tại người ngoài hành tinh nào có thể phát tín hiệu thông tin tới chúng ta? Chúng ta nên dùng máy thu hướng tới mục tiêu nào?





Trước tiên, mục tiêu này nên là sao đơn, như vậy khả năng tồn tại của người ngoài hành tinh xung quanh hằng tinh rất lớn. Tiếp sau đó, nó phải cách chúng ta rất gần mới dễ dàng tìm được tín hiệu không dây được phát ra ở hành tinh nó tồn tại. Chòm sao đáp ứng được điều kiện trên gồm có 7 hành tinh. Chúng gồm có:

Hàng tinh	Khoảng cách/năm ánh sáng	Chất lượng (chất lượng mặt trời = 1)
Chòm Ba Giang ϵ	10.8	0.8
Chòm Kinh Ngư τ	12.2	0.82
Chòm Thiên Long σ	18.2	0.82
Chòm Khổng Tước δ	19.2	0.98
Chòm Ba Giang 82	20.9	0.91
Chòm Thủy Sà β	21.3	1.23
Chòm Đỗ Quyên ζ	23.2	0.90

Trong số 7 chòm sao này chòm Khổng Tước δ , chòm Thủy Sà β và chòm Đỗ Quyên ζ thuộc chòm sao trên bầu trời Nam bán cầu, người quan sát ở Bắc bán cầu không thể quan sát thấy được. Chòm Ba Giang 82 cách Nam bán cầu rất gần, ở Bắc bán cầu cũng không thể quan sát thấy được. Như vậy, chỉ còn lại chòm Ba Giang ϵ , chòm Kinh Ngư τ và chòm Thiên Long σ , xung quanh 3 chòm của họ là này khả năng tồn tại rất cao.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐOÁN ĐƯỢC THÔNG TIN CỦA SINH MỆNH TRÍ TUỆ?

Nếu máy thu của chúng ta chọn đúng tần suất, mục tiêu, đồng thời thu được một số thông tin, sự vật, làm thế nào có thể phân biệt được tín hiệu thu được người ngoài hành tinh phát ra?

Tín hiệu này sẽ thay đổi có quy luật theo thời gian. Tín hiệu có thể là một quá trình có quy luật tổ thành xung mạch tương đối ngắn. Giữa mỗi giai đoạn có khoảng cách thời gian. Mỗi xung mạch trong một nhóm trình tự cũng được duy trì trong thời gian khá dài, có thể vài giờ. Nếu máy thu cách không xa sẽ không thể thu được tín hiệu dài. Tín hiệu ban đầu rất đơn giản, bởi vì nó vẫn chưa tạo được môi liên hệ thông tin 2 chiều, cho nên không nên quá phức tạp.

Nhà khoa học Von Hoerner đã chia tín hiệu nhân tạo ngoài hành tinh ra thành 3 loại: Loại thứ nhất, khi vô tuyến điện phát sóng. Tín hiệu thu được phát ra từ hành tinh có sự sống tồn tại. Tín hiệu vô tuyến điện sẽ được tạo thành từ máy thu hình, các nhân tố công nghiệp khác. Loại thứ hai đó là gọi từ xa. Tín hiệu vô tuyến điện định hướng thông tin cách xa người ngoài hành tinh. Loại thứ ba là tín hiệu được thiết lập tiếp xúc. Nó được phát ra từ người ngoài hành tinh chưa thiết lập mối quan hệ thông tin, có thể dẫn tới tín hiệu vô tuyến điện khiến đối phương chú ý.

Loại thứ nhất, khi tín hiệu vô tuyến điện nơi đó phát ra thường rất yếu.

Loại thứ hai, cách xa tín hiệu gọi, chỉ khi địa cầu ở vào khoảng giữa hai thông đạo vô tuyến điện đang liên





lạc với nhau mới có thể thu được. Khả năng xảy ra tình huống này rất nhỏ.

Khả năng chúng ta thu được loại thứ ba (là thiết lập tiếp xúc) lớn nhất. Tín hiệu này sẽ như thế nào?

Chúng ta có thể tận dụng hình ảnh được phát ra từ vô tuyến điện. Chúng ta đều biết, thị lực là một kỹ thuật có hiệu quả cao của động vật để thu nhận thông tin từ thế giới bên ngoài, tăng cường bảo vệ sự sinh tồn. Đa số các loài động vật trên trái đất từ cấp thấp cho tới cấp cao đều có thị lực. Con người biết rằng, người ngoài trái đất cũng có thị lực. Như vậy, giữa họ sẽ thiết lập phương pháp tiếp xúc có hiệu quả, trực tiếp nhất, có thể là sơ đồ phát sóng.

Để thiết lập mối quan hệ đơn giản, hiệu quả hơn với người ngoài trái đất, con người muốn tìm phương thức truyền đạt thông tin tốt nhất. Từ đó dần hình thành lên một khoa học mới: Ngôn ngữ vũ trụ học. Nó sẽ nghiên cứu, chế định ngôn ngữ thông dụng dùng trong việc thông tin liên lạc với người ngoài hành tinh.

Qua phân tích trên ta thấy, các nhà Thiên văn học đã đoán được tín hiệu người ngoài hành tinh phát ra. Họ có thể sử dụng tần suất cao, xác định được hành tinh người ngoài hành tinh tồn tại, cách chúng ta gần nhất. Đồng thời còn tìm được phương pháp dùng tín hiệu vô tuyến điện để truyền thông tin ra ngoài trái đất.

Chúng ta hoàn toàn có thể dùng máy thu có độ nhạy cao để thu chính xác thông tin của mục tiêu.

KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Năm 1960, nhà Thiên văn học của Mỹ là Donald thử thu phát điện trên trời ở đoạn sóng 21mm để tìm



thông tin của họ phát ra từ bên ngoài trái đất. Tổ chức của ông đã thiết kế một thiết bị chuyên thu tín hiệu nhân tạo từ ngoài hành tinh ở đoạn sóng 21mm tại đài thiên văn phát điện quốc gia Grinko Spank Virginia, phía Bắc nước Mỹ. Ông Donald gọi kế hoạch này là kế hoạch Ozma. Ý tưởng xuất phát từ câu chuyện: Có một đất nước xa xôi tên là Ozma trong câu chuyện cổ tích nổi tiếng. nàng công chúa của đất nước đó tên là Ozma. Nhóm chuyên gia dưới sự lãnh đạo của Donald chuẩn bị đi tới không gian vũ trụ xa hơn người ngoài hành tinh đất nước Ozma để thông tin của.



Bắt đầu từ 4 giờ sáng, ngày 8, tháng 4. năm 1960, họ đã thu được thông tin. Đối tượng là hai chòm tinh gần với chúng ta: Chòm Ba Giang ϵ , chòm Kinh Ngư τ .



Tới tháng 7, khi kết thúc đợt thực nghiệm, họ tiến hành tổng cộng 150 giờ thu, cùng với thời gian chờ giám sát tín hiệu nhân tạo. Kết quả là, họ không phát hiện được thêm điều gì.



Bắt đầu từ năm 1971, ở đài thiên văn phát điện quốc gia Mỹ đã tiến hành những quan sát tương tự. Đối tượng quan sát là các chòm sao gần chúng ta nhất.

Trên thực tế, không thu được tín hiệu nhân tạo của người ngoài hành tinh, có thể vì công việc mà con người đang làm không phù hợp. Có thể nói, nên tiến hành thu đôi với tất cả chòm sao đơn lẻ, thậm chí còn nghe một lượt toàn bộ bầu trời, tránh bỏ sót thông tin của họ truyền tới. Ngoài ra phải thu thông tin ở trên các đoạn sóng khác, để phòng họ chọn đoạn sóng không ngờ tới để phát tín hiệu. Không thu được thông tin nhân tạo, cũng có thể là nguyên nhân ngẫu nhiên. Ví dụ, máy thu





của chúng ta đã xác định được đôi phương, điều chỉnh được tần số chính xác. Thế nhưng, khi chúng ta thu tín hiệu, thiết bị của họ đang trong thời kỳ sửa chữa hoặc nhân viên thao tác đi vắng. Như vậy, chúng ta không thể thu được tín hiệu.

Cho nên, muốn quan sát thành công tín hiệu của người ngoài hành tinh phải liên tục quan sát trong khoảng thời gian hàng trăm năm, trên hàng triệu.

Có một số người dự đoán thực nghiệm này căn bản là không thể thu được thành công nhưng các nhà Thiên văn học vẫn tràn đầy hy vọng khi tiến hành thăm dò. Họ thực hiện hết kế hoạch này sang kế hoạch khác. Họ tin rằng, thông tin vô tuyến điện là kỹ thuật thông tin giữa người ngoài hành tinh. Loài người nhất định có thể thu được những thông tin tương tự khác, chỉ là vấn đề thời gian sớm hay muộn.



----- *Chương mười bốn*

BÍ ẨN TỪ NHỮNG LOÀI ĐỘNG THỰC VẬT



1. Câu chuyện về đảo chuột

NHỮNG CON CHUỘT KHÔNG LỖ

Hai người Mỹ là Endrin và Cholin dưới sự dẫn dắt của Ka Lite, rời xa Kenya hướng đến phía Nam. Họ bắt gặp một hòn đảo.

Nhìn bên ngoài, hòn đảo này không có gì khác so với những hòn đảo thông thường. Thế nhưng, những sinh vật trên đảo làm cho nó khác rất nhiều so với những hòn đảo khác. Điều đáng sợ nhất là những con chuột.



Hòn đảo bí ẩn và loài chuột không lỗ.

Những con chuột lớn nhỏ giống như những con lợn hoặc sói, nhìn rất đáng sợ dữ dằn. Cư dân trên đảo tìm mọi cách để tiêu diệt loài vật này nhưng không những



không giết được còn bị chúng làm cho vô cùng khổ sở. Những cư dân sinh sống ở đây không có cách nào thoát khỏi tai họa do chúng gây ra. Cuối cùng, họ quyết định bỏ quê hương, vĩnh viễn rời xa vùng đất quý có nhiều chuột tràn lan, hoành hành. Từ đó, toàn bộ đảo trở thành nơi sinh sống của chuột, mọi người thường gọi đây là đảo chuột khổng lồ.

Bước chân đến đảo này, Endrin dưới sự dẫn dắt của Ka Lite đi qua vòng ngoài rồi tiến vào trong nội địa của đảo.

Mặt trời nắng nóng như thiêu đốt, tạo cảm giác đau đầu. Endrin đi đến một vùng đất trũng của một nhóm người. Ở nơi này có nhiều ngôi nhà tương đối hoàn chỉnh, mặc dù hơi cũ nhưng vẫn đem đến cho con người cảm giác thân thiện. Căn nhà có 1 phòng bếp, 2 phòng ngủ. Những phòng này chỉ dùng gỗ, gạch xây nên nhưng trông rất chắc chắn. Endrin quyết định nghỉ ngơi ở đó.

Bỗng nhiên Ka Lite gọi lớn. Anh ta xúc động, quỳ chân xuống, hai tay không ngừng run rẩy vốc lên một ít bùn từ dưới đất, nước mắt ròng ròng. Hóa ra, đây từng là quê hương của Ka Lite. Tổ tiên của anh ta từ mảnh đất này dựng nghiệp, chỉ vì sau đó không chịu đựng được sự quấy nhiễu liên tục của lũ chuột nên không thể bám trụ nơi này.

Ka Lite đưa Endrin, Cholin đi về phía trước, trên đường đi tất cả chỉ là những vùng hoang lạnh nối tiếp nhau. Ba người đi thật nhanh, được một lúc họ cảm thấy khát nước, trong khi đó nghe thấy tiếng nước chảy ào ào. Cuối cùng, họ cũng tìm được một dòng sông lớn



nhất đảo. Dòng sông này chính là sông Seer Jia. Cả ba vội lấy nước vào đầy các bình.

Lúc này, trên bờ sông có một bóng đen đang di chuyển rất nhanh, không đợi họ nhìn thấy rõ đã tiến đến ngày càng gần. Họ nghe rõ âm thanh cọt kẹt. Ka Lite nói: “Đó chính là loài chuột khổng lồ. Nói xong, anh liền kéo họ rời xa chỗ đang đứng.

Đám chuột khổng lồ chỉ cách họ khoảng hơn 200m, tốc độ di chuyển của chúng quá nhanh. Trong một lúc đã có khoảng vài chục con đuổi kịp sau chân. Endrin lên đạn bắn liên tiếp.

Anh bắn được vài con nhưng không thể ngăn cản tất cả đám chuột này, ngược lại càng làm chúng kéo đến đông hơn. Đúng lúc đó, Cholin bị vấp ngã bởi một viên đá. Không đợi anh bò dậy, một con chuột đã đến cắn vào chân. Sau đó một lũ chuột vây kín lấy anh. Cơ thể của Cholin bị cắn thương tích khắp nơi. Không lâu sau, Cholin đáng thương trong tiếng kêu và tiếng rên đau đớn trở nên bê bết máu. Anh không còn bò dậy được nữa.

Khi nghe thấy tiếng kêu của bạn, Endrin rất lo lắng. Trong lúc nguy cấp, anh ta chém một nhát dao mạnh vào lũ chuột. Một trận cuồng sát diễn ra. Thế nhưng, đám quân hung ác này cứ một loạt ngã xuống, một đám khác lại xông lên. Cuối cùng, Endrin cảm thấy không thắng được số đông nên đành kéo Ka Lite chạy thật nhanh, nhảy xuống dòng sông. Những con chuột tập trung trên bờ sông, hướng theo họ phát ra tiếng gầm gừ.

Sau khi nhìn thấy bọn chuột đã đi xa, họ mới tìm một nơi trên bờ để nghỉ.





CUỘC CHIẾN CUỐI CÙNG VỚI LŨ CHUỘT

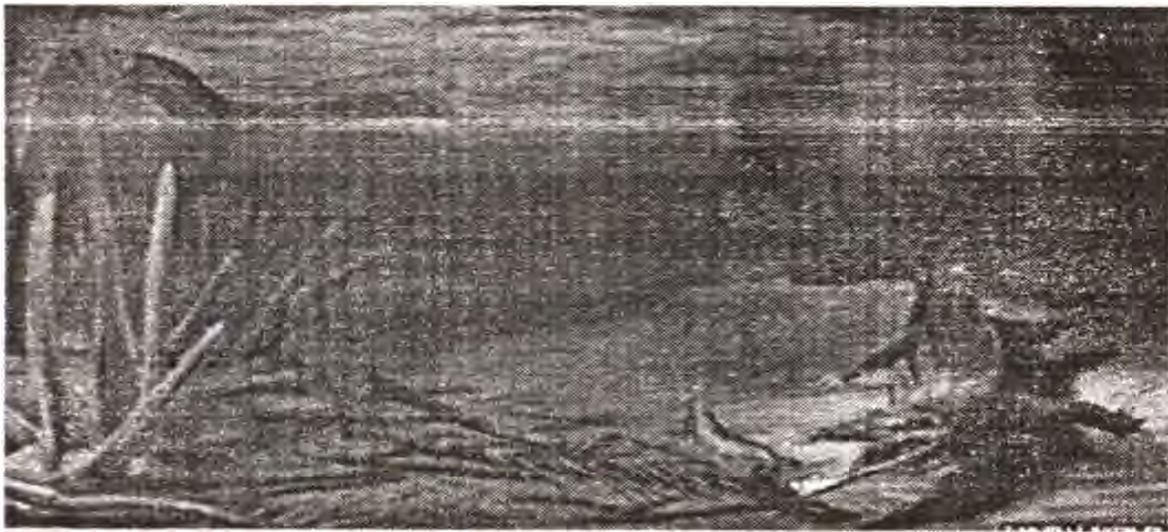
Tuy nhiên sự việc đáng sợ lại tiếp tục diễn ra. Ka Lite kinh ngạc khi phát hiện ở cách đó không xa có một đám bụi đang bay lên. Dựa vào kinh nghiệm đã từng sinh sống ở đây, anh ta biết đám chuột ác ôn đang kéo đến. Anh lập tức kéo Endrin chạy. Thế nhưng, tất cả đã quá muộn. Họ chạy chưa được vài bước, những tiếng gừ gừ kia đã ập đến. Khi nghĩ đến người bạn đã mất đi trong hoạn nạn, Endrin trong lòng căm giận như lửa đốt. Anh ta cầm cây súng không ngừng bắn vào đám đen đang tiến đến. Ka Lite cũng dùng gậy, đá ném vào bọn chúng.

Đám chuột càng ngày càng đông, mạnh. Hai người rơi vào thảm cảnh của sự chết chóc. “Đốt lửa thiêu chết bọn chúng đi!”, trong lúc nguy cấp Ka Lite đã nghĩ ra một cách. Endrin lập tức nhóm củi ném về phía bọn chuột. Lúc này, những lông dài trên người chuột đã cháy. Ka Lite tiếp tục đốt toàn bộ đồng củi khô, Endrin chỉ cầm cành củi khô đang cháy ném vào bọn chúng. Một lúc sau, trong đồng lửa phát ra những tiếng kêu gừ gừ đau đớn, mùi khó chịu bắt đầu bốc lên. Sau khi bị thiêu, lũ chuột chạy tán loạn khắp nơi, có con nhảy thẳng vào trong biển lửa. Không tốn nhiều công sức, chẳng mấy chốc tất cả trở thành biển lửa. Trong không khí, những đám khói đặc phát ra mùi cháy khét nồng nặc. Cuối cùng đám chuột cũng bị cháy thành tro.



2. Loài cá sấu quý khổng lồ

Ngày 26, tháng 10, năm 2001, Hiệp hội các nhà nghiên cứu địa lý Mỹ đã tuyên bố: Trên thế giới, hóa thạch lớn nhất là của loài cá sấu cổ. Loài này trước đây đã từng là nỗi sợ hãi của các loài động vật trên trái đất. Con quý cá sấu khổng lồ này to gấp 10 - 15 lần so với ngày nay. Vì vậy có thể nói, sau loài khủng long, thông tin về loài cá sấu này một lần nữa làm chấn động giới Khảo cổ học.



Cá sấu quý là môi đe dọa của nhiều loài khác.

Tại sa mạc Tenere thuộc Nigiê miền Đông châu Phi, các nhà Khảo cổ học đã tìm thấy một hóa thạch dài 40 thước anh, nặng khoảng 10 tấn. Theo tuyên bố của họ, đây là loài có quan hệ rất gần gũi với loài cá sấu ngày nay. Nó sống cách đây khoảng 1 tỷ năm về trước, có họ hàng thân thuộc với loài cá sấu Mã Lai được phát hiện ở Ấn Độ. Thế nhưng, loài cá sấu Mã Lai lại không to lớn bằng loài cá sấu cổ. Loài này là kẻ thù lớn nhất của loài khủng long.





Theo tuyên bố của giáo sư Shanluonuo, đây là loài động vật bò sát khổng lồ, vua ăn thịt trên thế giới. Nếu những loài cá sấu bình thường hay sông ở ven hồ, ven biển thì loài quý cá sấu này lại sông gần các dòng chảy của các con sông. Khủng long đi uống nước ở những nơi này rất có thể trở thành bữa ăn ngon của chúng.

Theo những luận chứng đầu tiên Paul đưa ra, con quý cá sấu thời gian sông nhiều nhất là ở dưới nước. Nó ẩn nấp dưới đó để săn mồi. Các nhà nghiên cứu cho rằng, khứu giác là cơ quan phát triển nhất của quý cá sấu, thậm chí còn có thể phát ra tiếng kêu.

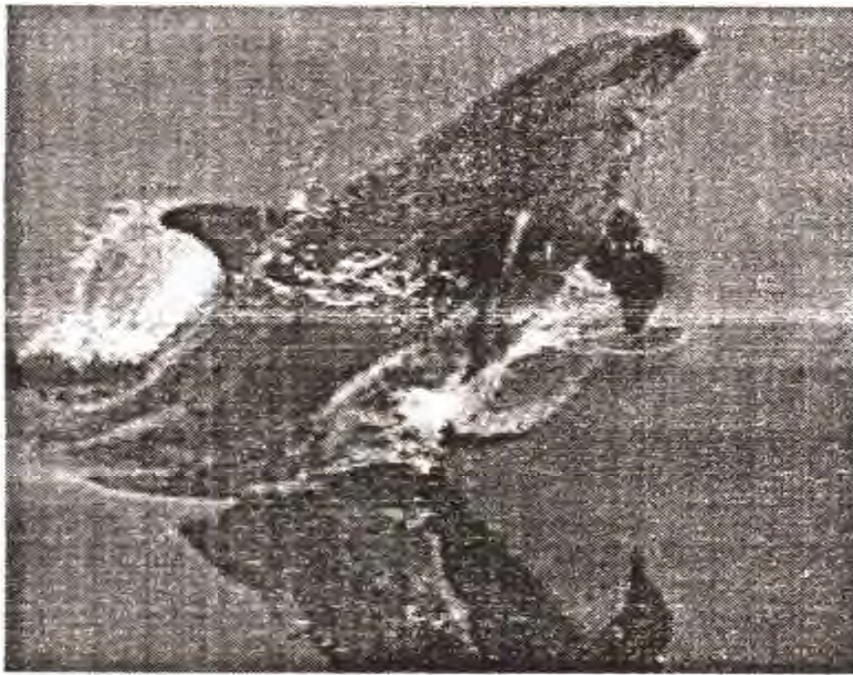
Trong hàm con quý cá sấu trưởng thành có tới 100 chiếc răng to nhỏ, vô cùng sắc nhọn, khỏe. Larsson gọi loại răng này là cái quốc đường sắt. Nó không chỉ ăn cá mà còn ăn cả những con khủng long nhỏ các loài động vật khác. Ví dụ như loài rùa khổng lồ. Vây của loài cá sấu khổng lồ này có khắp từ đầu đến đuôi, dày như giáp sắt. Đặc biệt giống như cây cối, hoa văn trên vây của chúng cũng thể hiện độ tuổi. Theo nhận định của Paul, loài cá sấu này có tuổi thọ từ 50 - 60 năm. Có thể nói, hóa thạch của quý cá sấu khổng lồ là phát hiện to lớn về sinh vật thời tiền sử, chỉ sau hóa thạch của khủng long.

Nhà Sinh học nổi tiếng thuộc trường Đại học New South Wales của Mỹ đã phát biểu: “Phát hiện quan trọng này đã bổ sung vào chỗ còn thiếu của sự tiến hóa các sinh vật trên trái đất và của loài cá sấu. Đồng thời, nó giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc trong về sự tiến hóa của các loài động vật khác”.



3. Bản năng của loài cá heo

Từ rất lâu, các thủy thủ vẫn luôn tin rằng, cá voi có thể cứu người bị ngã xuống biển, đưa lên mặt nước cứu sống được họ. Hoặc, cá heo sẽ tạo thành một vòng tròn vây quanh người ngã xuống nước nhằm tránh việc cá mập làm hại.



Cá heo là người bạn thân thiện của con người.

Đối với việc cá heo cứu người, có rất nhiều câu chuyện, truyền thuyết nói về điều này. Trong đó, câu chuyện của nhạc sỹ Alimao được nhiều người biết đến nhất. Theo ghi chép của nhà Sử học người Hy Lạp - Herododus: Có một lần nhạc sỹ đi thuyền trở về Hy Lạp. Ông ta mang theo rất nhiều tiền bạc của cải. Trong chuyến đi, bọn thủy thủ đã nảy lòng tham muốn cướp bằng được số tài sản này. Vì vậy, chúng đe dọa sẽ giết hại nhạc sỹ. Biết tính mạng của bản thân đang gặp nguy hiểm, chắc chắn sẽ mất mạng, Alimao liền yêu cầu bọn





4. Hiện tượng rùa biển chôn mình

Để đi tìm nguyên nhân của việc tại sao rùa biển lại muốn tự chôn mình, các nhà Sinh vật học đã tiến hành quan sát, nghiên cứu loài rùa biển này. Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng, trên chiếc đầu lớn của những con rùa đực có nhiều loài ký sinh trùng sống trên đó. Vì thế, họ nghĩ, rùa biển vùi mình vào bùn cát để thoát khỏi sự quấy rầy của những loài ký sinh trùng. Bên cạnh đó, họ cũng có một số ý kiến mới khi được tận mắt theo dõi quá trình rùa biển tự vùi đầu mình trong bùn cát. Việc vùi đầu mình như thế sẽ khiến cho những loài ký sinh trùng ở trên đầu sau khi chui vào trong cát sẽ thiếu oxy, dần chết đi. Thế nhưng, việc loại trừ ký sinh trùng chỉ có thể giải quyết ở những vùng có thể vùi cát bùn lên. Trong khi đó, những loài ký sinh bám ở trên người, đuôi của rùa không hề bị ảnh hưởng. Ngoài ra, có một số trường hợp trên người của những con rùa đực còn bé vẫn chưa có ký sinh trùng nhưng chúng vẫn tự vùi mình. Việc tự chôn mình này không chỉ ở trên cạn mới có, ngay ở dưới đáy biển sâu hiện tượng này vẫn xảy ra. Do đó, xem xét vấn đề đã nói ở trên ta thấy, việc vùi mình của rùa không phải với mục đích loại trừ hoàn toàn vi sinh vật bám trên thân thể. Đó có thể là bản năng tự chôn mình sẵn có của rùa. Một thành viên nữ của câu lạc bộ lặn tên là Lalaland đã trải qua lớp học huấn luyện bơi lặn. Khi lặn xuống đáy biển, cô ấy đã nhìn thấy ở dưới lớp cát bùn có một chiếc mai rùa. Cô cảm giác nó giống như một vật bị người ta bỏ đi.



Lalaland bơi đến gần từ từ quan sát, kiểm tra mọi thứ xung quanh rồi mới đứng xuống, sau đó nhặt mai rùa lên. Thế nhưng, mai rùa kia không phải bình thường. Nó chính là một con rùa đang còn sống. Lúc này con vật tự chôn mình kia đã tỉnh giấc. Nó bắt đầu rũ cát ở trên thân xuống rồi quay người bơi đi mất. Cũng cách đó không xa, Lalaland lại phát hiện ra thêm một cái mai rùa nữa. Con rùa cái lớn này không hề ngủ. Lalaland bơi nhẹ nhàng đến, cố gắng tránh va chạm vào nó. Đúng lúc đó, nó bơi cát bùn lên. Khi một vùng nước biển đã đục ngầu, nó liền trốn thoát. Cũng một thời điểm, đồng sự của Lalaland cũng phát hiện ra 2 con rùa cái lớn đang vui mình trong cát. Sau đó, họ vẫn tiếp tục tìm kiếm, quan sát dưới đáy biển nhưng không hề tìm thấy thêm được một con rùa nào tự chôn mình. Họ chỉ tìm thấy những hố bùn rùa để lại.

Căn cứ vào những phát hiện mới của Lalaland, các nhà Sinh vật học đã kết luận: Các phỏng đoán trước đây đều là không đúng. Thứ nhất, quá trình thám hiểm đại dương của đội lặn đã phát hiện ra 4 con rùa tự chôn mình trong đó có 3 con là rùa cái đã trưởng thành. Điều này hoàn toàn khác so với những nhận định ban đầu. Việc vui mình này không phải để loại trừ hoàn toàn những sinh vật bám trên thân thể. Đó là bản năng sẵn có của việc tự chôn mình.

Thứ hai, căn cứ vào những ghi chép của Lalaland, khi cô ấy phát hiện ra hiện tượng rùa “tự chôn mình”, mực sâu của đáy biển là 27,4m, nhiệt độ là 21,7°C. Điều này chứng tỏ, việc tự chôn mình của rùa không phải để sưởi ấm cơ thể.

Thứ ba, từ những tình huống quan sát thấy của các thành viên đội lặn, hiện tượng tự chôn mình của rùa chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Cho nên, không thể cho rằng, đây là hiện tượng đang ngủ đông.

Tại sao rùa lại phải tự chôn mình như vậy? Hiện tượng tự chôn mình của rùa là ngẫu nhiên hay một hiện tượng thường xuyên xảy ra? Vấn đề này cho đến bây giờ vẫn là một bí mật chưa có lời giải đáp.



5. Hồ Victoria - nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã

Thung lũng Đông Phi là một trong những kỳ quan thiên nhiên tươi đẹp nhất trên thế giới.

Chính nhờ đặc trưng địa lý đặc biệt ở nơi này đã làm cho ao hồ, các ngọn núi, các thảo nguyên ở thung lũng này nổi tiếng khắp nơi. Hơn nữa, với vẻ đẹp huyền bí, kỳ diệu của thiên nhiên nơi đây cũng là nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã.



Hồ Victoria - viên ngọc quý của châu Âu.



Thung lũng Đông Phi là một bể chứa nước thiên nhiên vô cùng rộng lớn. Các ao hồ ở châu Phi đều tập trung ở đây, có khoảng hơn 30 hồ lớn, nhỏ. Trong đó có hồ Victoria lớn nhất châu Phi. Hồ trải dài giống như một dải đất vàng. Nó trở thành quang cảnh mỹ lệ nhất trên cao nguyên Đông Phi.

Hồ Victoria ở Đông Phi nằm giữa hai thung lũng lớn ranh giới giữa các quốc gia Kênia, Tandia. Ngang qua đường xích đạo về phía Bắc là hồ nước ngọt lớn nhất châu Phi, đứng thứ hai trên thế giới. Hồ nước ngọt này được hình thành do vùng đất có trầm tích. Hồ Victoria cao 1.134m so với mực nước biển, chiều dài tính từ Nam sang Bắc khoảng 4.000m, chiều rộng từ Đông sang Tây rộng 240m, diện tích 69km. Đây là hồ nước ngọt đứng thứ hai trên thế giới chỉ sau hồ Superi ở châu Mỹ. Nước hồ xanh thẫm, mênh mông, bát ngát, thay đổi liên tục. Nơi đây không chỉ là một thắng cảnh tham quan du lịch còn là khu vực có lượng nước rất dồi dào. Ruộng đất xung quanh ven hồ màu mỡ, thảm thực vật tươi tốt, tràn trề sức sống, có nhiều các loài động vật hoang dã sinh sống. Ví dụ, voi, hà mã, con sư tử ở châu Phi, sói, hạc... Có thể nói, đây là nơi tập trung các loài động vật hoang dã vùng nhiệt đới nhiều nhất châu Phi.

Trong nhiều các loài chim sinh sống ở đây, loài chim có tên là Plamingo được coi là loài đẹp nhất trên thế giới. Thông thường, có khoảng hơn 50.000 loài tập trung ở hồ Nakuni, thời gian lâu nhất đạt tới hơn 150.000 loài. Đôi khi, có hàng nghìn loài chim bay qua lại trên mặt hoặc tập trung trong hồ Nakuru. Nếu du

khách đứng từ xa nhìn sẽ thấy nó giống như một ánh hào quang di động, rất hùng vĩ. Ở châu Phi, nhiều nước đã lập nên công viên quốc gia để bảo vệ sự sinh tồn cho các tài nguyên thiên nhiên, thực vật động vật quý hiếm này.



6. Đảo Great Banier

Đảo Great Banier có khoảng 1.500 loài cá biển nhiệt đới sinh sống. Bao gồm các loài cá hình bướm bướm, đầu sư tử, hung dữ, cá thạch đầu có răng cưa trên sống lưng để tiết chất độc. Ngoài ra, đảo còn có rất nhiều các loại cá cảnh nhiệt đới ví dụ cá anh vũ, thiên sứ... Đảo san hô ở vùng nước mặn này chính là cảng chắn gió của thiên nhiên. Các loài cá, cua biển, rong biển nhuộm thể với màu sắc rực rỡ hiện ra ngay trước mắt dòng nước trong xanh, bao la, mênh mông. Cá đầu hình ấn sông thành từng bầy, đàn hay ăn các loài sinh vật phù du, trọng lượng của nó có thể lên tới 90kg.

Hàng năm vào tháng 7, những con cá kinh cũng xuất hiện ở phía Nam của đảo san hô này. Chiều dài của chúng khoảng 15m, trọng lượng to nhất trên dưới 40 tấn. Tuy nhiên, những con cá kinh này không hề đáng sợ, chúng là loài động vật biển có vú rất hiền. Ở nơi đây, con người có thể nhìn thấy loài Dugong (bò biển) với một lượng rất lớn, còn gọi là lợn biển. Đặc điểm của loài cá này là thức ăn duy nhất của chúng chỉ có thực vật. Đây cũng là điểm khác nhau giữa loài cá này với các loài động vật có vú khác ở biển. Đồng thời, loài cá này trở thành hình mẫu cho nàng mỹ



nhân ngư trong truyền thuyết. Vào tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau, rùa biển sinh trứng. Vì vậy đây cũng chính là nơi chủ yếu cho chúng sinh sản và phát triển.

Đảo Great Banier là một viện bảo tàng sinh vật biển thiên nhiên rất lớn. Trên mặt biển có những san hô với màu sắc lung linh, huyền ảo.

Những san hô to bao trùm lên san hô nhỏ. Xung quanh là hồ nước mặn. Bên ngoài những làn sóng lớn trập trùng, bên trong hồ nước tĩnh lặng. Nơi nước biển trên mặt đảo không thể ngập đã bồi đắp lên từng lớp đất tương đối dày. Những cây dừa, cây dầu cọ thẳng đứng cao vút, rậm rạp, xanh tốt, xum xuê tạo nên một quang cảnh nhiệt đới rực rỡ hùng vĩ. Nước biển ở đây rất trong, ấm, có thể nhìn thấy hàng trăm rừng cây dày đặc xum xuê ở dưới đáy biển. Chúng tạo nên cả một đảo san hô tuyệt vời, muôn màu. Có khoảng 350 loài san hô trong số động vật biển ở đảo Great Banier, hơn 10.000 loài bọt biển, 4.000 loài động vật thân mềm, 50 loài động vật có vú, 1.200 các loài khác. Đảo là nơi vui chơi, bay lượn của các loài chim quý hiếm, chúng bay thành từng đàn giống như những đám mây che kín khoảng không. Điều này càng làm cho đảo Great Banier thêm tràn đầy sức sống.

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....5

Chương một VŨ TRỤ THẦN BÍ

1. Sự hình thành vũ trụ..... 7
2. Giả thuyết vũ trụ không thay đổi..... 9
3. Giải thích thuyết Vũ trụ giãn nở..... 10
4. Sự ra đời của mặt trăng..... 13
5. Các hiện tượng thần bí trên mặt trăng..... 15
6. Bí ẩn về hành tinh thứ 10 18
7. Hiện tượng quầng mặt trời..... 19
8. Các chòm sao trên bầu trời 20
9. Bí ẩn về mưa sao băng 22

Chương hai VĂN MINH CỔ XƯA

1. Kỳ thú văn minh cổ xưa dưới đáy đại dương 27
2. Nền văn minh Maya 37

Chương ba BÍ MẬT CỦA NHỮNG VUA CHúa

1. Bản án của Thiên hoàng Nhật Bản sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai..... 41
2. Câu chuyện về cái chết bí ẩn của gia tộc Sa hoàng..... 44



- 3. Pharaon quyền lực nhất trong lịch sử Ai Cập 50
- 4. Alexander - những bí ẩn chưa được giải đáp..... 57
- 5. Những câu chuyện xung quanh cái chết của Alexander 59

Chương bốn
NHỮNG BÍ MẬT NƠI HẬU CUNG

- 1. Sự thật về cái chết của Dương Quý Phi 64
- 2. Câu chuyện về mộ của công chúa tại Bắc Kinh 69
- 3. Tình yêu của Alexander I 71
- 4. Cuộc đời nữ hoàng Elizabeth 75
- 5. Cuộc đời nữ hoàng Cleopatra 77
- 6. Mô hình kiến trúc hoàng cung Minos..... 80

Chương năm
NHỮNG BÍ ẨN VÒNG TRÒN

- 1. Lý giải hiện tượng chết lâm sàng..... 89
- 2. Chiếc máy bay bí ẩn..... 93
- 3. Cuốn sách “Những lời tiên tri” 94
- 4. Hiện tượng mưa máu và nội tạng 98
- 5. Mưa máu xảy ra khắp mọi nơi..... 100
- 6. Bí ẩn về vòng tròn kỳ lạ..... 100

Chương sáu
ĐI TÌM SỰ KỲ BÍ CỦA CÁC SINH MỆNH

- 1. Những phát hiện xung quanh người tuyết 107
- 2. Hiện tượng người mất tích kỳ lạ 116
- 3. Hiện tượng người biến mất kỳ lạ diễn ra ở Mỹ 120
- 4. Những rừng dừa làm con người phân thân trên thế giới 122



Chương bảy
NHỮNG BÍ MẬT QUÂN SỰ

1. Quả bom nguyên tử bị mất tích	130
2. Hành động trung lập của Tây Ban Nha trong Chiến tranh thế giới thứ hai	131
3. Âm mưu chia cắt Trung Quốc của Mỹ 3 lần thất bại	133
4. Nghi vấn xung quanh số máy bay thiệt hại trong trận không chiến Barbarosse	140
5. Vì sao Hitler yêu cầu dừng tấn công Liên quân Anh - Pháp?.....	141
6. Bí mật của trận đánh Trân Châu cảng	143
7. Vỏ bọc của cuộc chiến tranh vùng vịnh.....	145
8. Vì sao trong lúc chiến đấu máy bay của Irắc lại bay ra nước ngoài?.....	146
9. Âm mưu của Mỹ với Bátđả (Irắc).....	149



Chương tám
NHỮNG VỤ ÁN LỊCH SỬ CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT

1. Sự mất tích kỳ lạ của nữ phi công	151
2. Những vụ mất tích kỳ lạ.....	158
3. Câu chuyện về người ngoài hành tinh	164



Chương chín
KHO BÁU BÍ MẬT

1. Những kho báu lớn trên thế giới	169
2. Bí ẩn về căn phòng hỏ phách của Nga	175
3. Những câu hỏi xung quanh vàng mất tích thời Tây Hán, Trung Quốc	178
4. Sự mất tích kỳ lạ của cửu đỉnh thời nhà Hạ, Trung Quốc ...	182





- 5. Câu chuyện xung quanh Ngọc bích họ Hòa 184
- 6. Kho báu trong giếng thánh Yacatan..... 188

Chương mười

DẤU TÍCH BÍ MẬT CỦA VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

- 1. Bí mật văn hóa của quần đảo Queensland và thổ dân Australia.. 192
- 2. Bí mật văn hóa người Anh-điêng 194
- 3. Bí mật văn hóa của người Ấn Độ..... 195

Chương mười một

BÍ MẬT CỦA CÁC KIẾN TRÚC

- 1. Kiến trúc tòa thành Zimbabwe..... 203
- 2. Quần thể đá khổng lồ ở Salisbury 205
- 3. Kho báu trong đường hầm lớn..... 210
- 4. Những cột đá cao chọc trời 218
- 5. Bí ẩn đồng tiền lớn ở Nhật Bản 218

Chương mười hai

BÍ MẬT CỦA CÁC VÙNG ĐẤT

- 1. Núi Hymalaya..... 221
- 2. Những kỳ quan thiên nhiên nổi tiếng của bán đảo Italia..... 234
- 3. Những bí ẩn xung quanh đảo Greenland 244

Chương mười ba

NHỮNG BÍ ẨN KHOA HỌC

- 1. Quả tim nhân tạo của người tiền sử 252
- 2. Bí ẩn xung quanh máy tạo nhịp tim bằng thủy tinh đen..... 254
- 3. Pin điện đã từng xuất hiện ở thời cổ đại 257
- 4. Cách thức liên lạc với người ngoài hành tinh..... 261



Chương mười bốn
BÍ ẨN TỪ NHỮNG LOÀI ĐỘNG THỰC VẬT

1. Câu chuyện về đảo chuột.....	269
2. Loài cá sấu quỷ khổng lồ.....	273
3. Bản năng của loài cá heo.....	275
4. Hiện tượng rùa biển chôn mình	277
5. Hồ Victoria - nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã....	279
6. Đảo Great Banier	281



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 04.3 9260024 Fax: 04.3 9260031

NHỮNG HIỆN TƯỢNG BÍ ẨN VỀ THẾ GIỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập

LÝ BÁ TOÀN

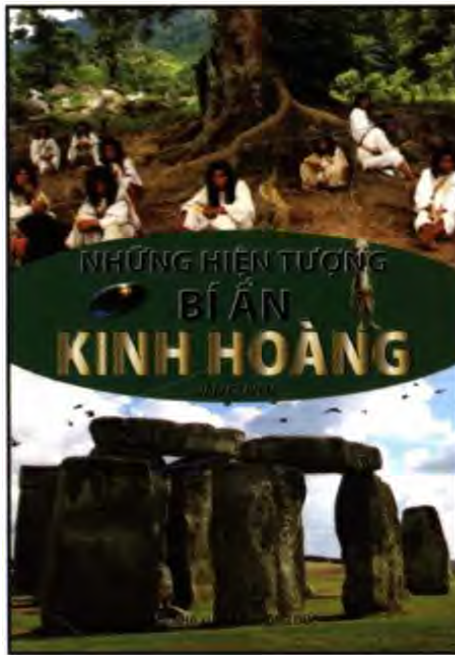
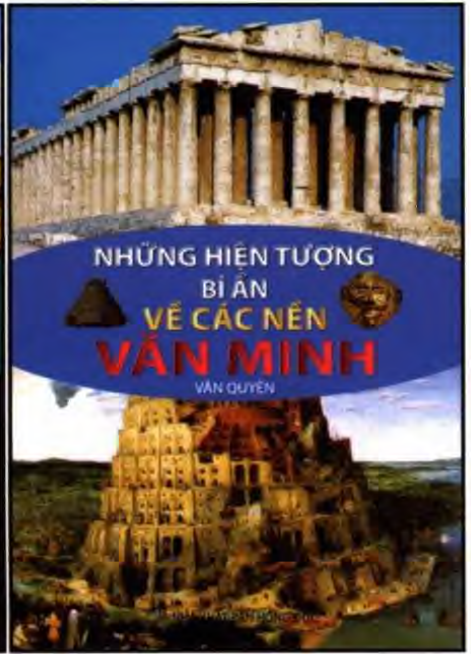
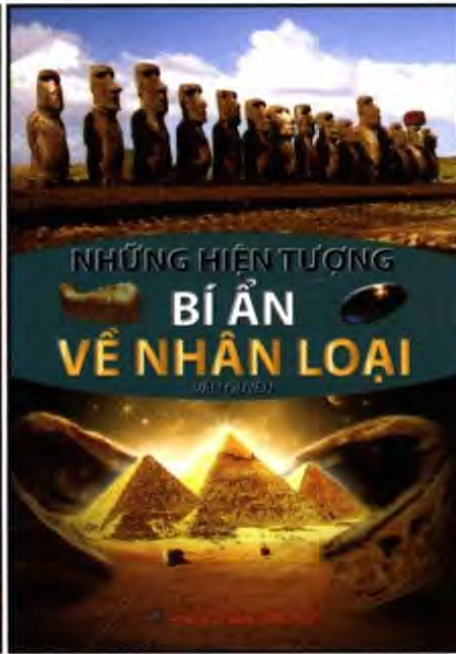
Biên tập: Nguyễn Thế Vinh

Vẽ bìa: Minh Lâm

Sửa bản in: Hồng Tú

Chế bản: NS Minh Lâm

In 2000c, khổ 13,5x20,5. Tại DNTN in Hà Phát, số 6 Ngọc Hà, Đội Cấn Hà Nội.
ĐKKHXB: 1120 - 2015/CXBIPH/65 - 26/HĐ. QĐXB số: 1180/QĐ - NXBHĐ. Ngày 15/5/2015.
MSSTCQT - ISBN: 978-604-86-5815-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2015.



PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM

453 - 455 Đường Hồng Hà - P. Phúc Tân - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 043.9 427 393. ĐT/Fax: 043. 9 427 407 - 043. 9 387391
Website: nsminhlam.com.vn - Email: nsminhlam@gmail.com





Khi anh ta ra khỏi quán ăn có mang chiếc túi, nhưng bây giờ chỉ còn lại tờ báo mua ở chỗ cửa ra vào của nhà hàng đặt trên đồng cỏ bên cạnh.

“Tôi đang nằm mơ sao? Từ trước đến giờ tôi không hề uống rượu say đến nỗi đi ra ngoài. Hơn nữa, tôi còn nhớ rõ mình đã đi xuống xe buýt, gần về đến nhà. Làm sao tôi lại có thể nằm bên cạnh đường cao tốc chứ? Lúc đó mới là 3 giờ 30 phút rạng sáng”, Carlos nói.



Carlos vội vàng nhìn đồng hồ đeo tay, kim đồng hồ dừng ở 3 giờ 50 phút. Anh ta đột nhiên cảm thấy người không khỏe, muốn nôn, người nổi da gà.

Nhiều phút sau, một người lái xe đi qua đường quốc lộ phát hiện Carlos đang đau đớn nằm trên đất, liền chở anh đến bệnh viện đường sắt trung ương của Buenos Aires. Lúc đó khoảng 8 giờ sáng ngày thứ 5.



Bác sỹ chẩn đoán anh ta bị tổn thương nghiêm trọng ở phần đầu dẫn đến ký ức bị rối loạn. Bởi vì địa điểm Carlos hôn mê và địa điểm được mọi người phát hiện cách xa nhau khoảng 800km. Trừ khi ngồi máy bay trực thăng, không thể nào chỉ trong thời gian ngắn như vậy đã di chuyển được 800km. Hơn nữa, người mắc bệnh kỳ quái này luôn miệng nói nhảm về những chuyện hoang đường.



Carlos được 46 vị bác sỹ của bệnh viện này chất vấn, chẩn đoán bệnh trong 4 ngày, cuối cùng phát hiện anh ta có nhiều tóc, lông ngực bị rụng. Ngoài ra còn phát hiện vông mạc, vị tràng không tốt, rối loạn tiêu hóa..., các bệnh khác. Họ đã kiểm tra phần đầu nhưng không phát hiện ra được bất cứ dị thường nào.